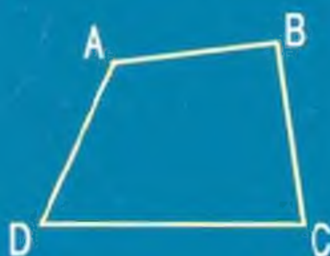
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TOÁN 2

215
+372





NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐỖ ĐÌNH HOAN (Chủ biên) - NGUYỄN ÁNG
ĐỖ TIẾN ĐẠT - ĐỖ TRUNG HIỆU - ĐÀO THÁI LAI

TOÁN 2

(Tái bản lần thứ tám)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Chịu trách nhiệm xuất bản: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc **NGÔ TRẦN ÁI**
Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập **NGUYỄN QUÝ THAO**

Biên tập lần đầu: **VŨ MAI HƯƠNG - VŨ VĂN DƯƠNG**
Biên tập tái bản: **NGUYỄN THỊ BÌNH**
Biên tập mĩ thuật: **TẠO THANH HUYỀN**
Thiết kế sách: **NGUYỄN THANH LONG**
Trình bày bìa: **BÙI QUANG TUẤN**
Minh hoạ và ảnh: **TRẦN THUÝ HẠNH - LƯƠNG QUỐC HIỆP**
VÕ VĂN CHIẾN - NGUYỄN QUANG VINH
Sửa bản in: **NGUYỄN THỊ BÌNH**
Chế bản: **CÔNG TY CỔ PHẦN MĨ THUẬT VÀ TRUYỀN THÔNG**

TOÁN 2

Mã số : 1H203T1

In 30 000 cuốn (QĐ 01 GK), khổ 17 x 24 cm.
In tại Công ty cổ phần In Diên Hồng 187B Giảng Võ - Hà Nội.
Số in: 129/10. Số XB: 01-2011/CXB/9 - 1235/GD.
In xong và nộp lưu chiểu tháng 01 năm 2011.

1. ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG

ÔN TẬP CÁC SỐ ĐẾN 100



1 a) Nêu tiếp các số có một chữ số :

0	1	2							

b) Viết số bé nhất có một chữ số.

c) Viết số lớn nhất có một chữ số.

2 a) Nêu tiếp các số có hai chữ số :

10	11							18	
20		22			25	26			29
	31				35			38	
40			43				47		
	51			54					59
		62				66		68	
70			73			76			
		82			85		87		
90				94			97		

b) Viết số bé nhất có hai chữ số.

c) Viết số lớn nhất có hai chữ số.

3 a) Viết số liền sau của 39 ;

b) Viết số liền trước của 90

c) Viết số liền trước của 99 ;

d) Viết số liền sau của 99.



ÔN TẬP CÁC SỐ ĐẾN 100 (tiếp theo)

1 **Viết (theo mẫu) :**

Chục	Đơn vị	Viết số	Đọc số
8	5	85	tám mươi lăm
3	6		
7	1		
9	4		

85 = 80 + 5

36 = ...

71 = ...

94 = ...

2 **Viết các số 57, 98, 61, 88, 74, 47 theo mẫu :**

57 = 50 + 7

3 

?

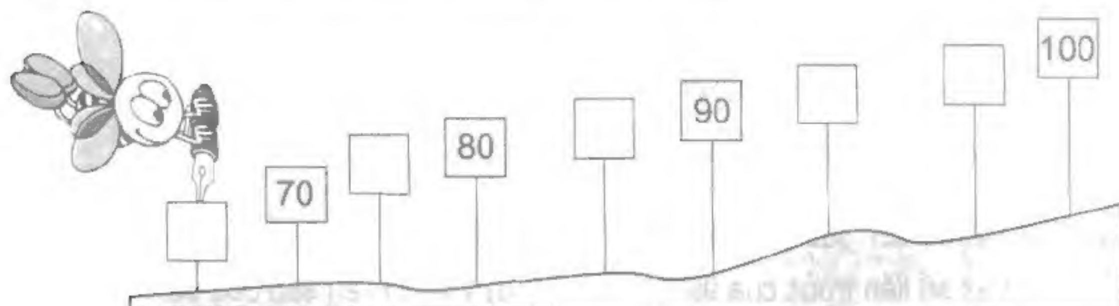
34 ... 38	27 ... 72	80 + 6 ... 85
72 ... 70	68 ... 68	40 + 4 ... 44

4 **Viết các số 33, 54, 45, 28 :**

a) Theo thứ tự từ bé đến lớn

b) Theo thứ tự từ lớn đến bé.

5 **Viết số thích hợp vào ô trống, biết các số đó là : 98, 76, 67, 93, 84.**



SỐ HẠNG - TỔNG



35 + 24 = 59

35: Số hạng; 24: Số hạng; 59: Tổng

$$\begin{array}{r} 35 \\ +\ 24 \\ \hline 59 \end{array}$$

35 ← Số hạng
24 ← Số hạng
59 ← Tổng

Chú ý : 35 + 24 cũng gọi là tổng.

1 Viết số thích hợp vào ô trống (theo mẫu) :

Số hạng	12	43	5	65
Số hạng	5	26	22	0
Tổng	17			



2 Đặt tính rồi tính tổng (theo mẫu), biết :

a) Các số hạng là 42 và 36

b) Các số hạng là 53 và 22

c) Các số hạng là 30 và 28

d) Các số hạng là 9 và 20.

Mẫu :
$$\begin{array}{r} 42 \\ +\ 36 \\ \hline 78 \end{array}$$

3 Một cửa hàng buổi sáng bán được 12 xe đạp, buổi chiều bán được 20 xe đạp. Hỏi hai buổi cửa hàng bán được tất cả bao nhiêu xe đạp ?



LUYỆN TẬP

1 Tính :

$$\begin{array}{r} 34 \\ +\ 42 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 53 \\ +\ 26 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 29 \\ +\ 40 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 62 \\ +\ 5 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 8 \\ +\ 71 \\ \hline \end{array}$$

2 Tính nhẩm :

50 + 10 + 20 =	60 + 20 + 10 =	40 + 10 + 10 =
50 + 30 =	60 + 30 =	40 + 20 =

3 Đặt tính rồi tính tổng, biết các số hạng là :

a) 43 và 25 : b) 20 và 68 : c) 5 và 21

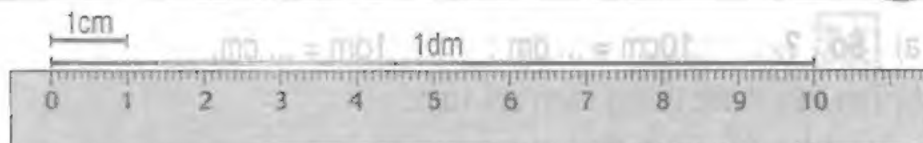
4 Trong thư viện có 25 học sinh trai và 32 học sinh gái. Hỏi có tất cả bao nhiêu học sinh đang ở trong thư viện ?

5 Điền chữ số thích hợp vào ô trống :

$$\begin{array}{r} 32 \\ +\ 4\square \\ \hline 77 \end{array} \qquad \begin{array}{r} \square 6 \\ +\ 21 \\ \hline 57 \end{array} \qquad \begin{array}{r} 5\square \\ +\ 20 \\ \hline \square 8 \end{array} \qquad \begin{array}{r} 4\square \\ +\ \square 2 \\ \hline 95 \end{array}$$



ĐỀ-XI-MÉT



Đề-xi-mét là một đơn vị đo độ dài. Đề-xi-mét viết tắt là dm.

1dm = 10cm ; 10cm = 1dm.

1 Quan sát hình vẽ và trả lời các câu hỏi :



a) Điền *bé hơn* hoặc *lớn hơn* vào chỗ chấm nào cho thích hợp ?

- Độ dài đoạn thẳng AB . . . . 1dm.
- Độ dài đoạn thẳng CD . . . . 1dm.

b) Điền *ngắn hơn* hoặc *dài hơn* vào chỗ chấm nào cho thích hợp ?

- Đoạn thẳng AB . . . . đoạn thẳng CD.
- Đoạn thẳng CD . . . . đoạn thẳng AB.

2 **Tính (theo mẫu) :**

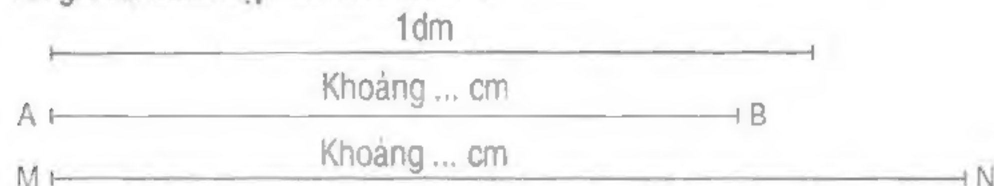
a) 1dm + 1dm = 2dm   3dm + 2dm =

8dm + 2dm =   9dm + 10dm =

b) 8dm – 2dm = 6dm   16dm – 2dm =

10dm – 9dm =   35dm – 3dm =

3 **Không dùng thước đo, hãy ước lượng độ dài của mỗi đoạn thẳng rồi ghi số thích hợp vào chỗ chấm :**





LUYỆN TẬP

1 a) **Số** ? 10cm = ... dm ; 1dm = ... cm.

b) Tìm trên thước thẳng vạch chỉ 1dm.

c) Vẽ đoạn thẳng AB dài 1dm.

2 a) Tìm trên thước thẳng vạch chỉ 2dm.

b) **Số** ? 2dm = ... cm

3 **Số** ?

a) 1dm = ... cm 3dm = ... cm 8dm = ... cm

2dm = ... cm 5dm = ... cm 9dm = ... cm

b) 30cm = ... dm 60cm = ... dm 70cm = ... dm

4 **Điền cm hoặc dm vào chỗ chấm thích hợp :**



Độ dài cái bút chì là **16**...



Độ dài một gang tay của mẹ là **2**...



Độ dài một bước chân của Khoa là **30**...



Bé Phương cao **12** ...

SỐ BỊ TRỪ - SỐ TRỪ - HIỆU



59 – 35 = 24

↑ Số bị trừ ↑ Số trừ ↑ Hiệu

$$\begin{array}{r} 59 \\ -\ 35 \\ \hline 24 \end{array}$$

59 ← Số bị trừ

35 ← Số trừ

24 ← Hiệu

Chú ý : 59 – 35 cũng gọi là hiệu.

1 Viết số thích hợp vào ô trống (theo mẫu) :

Số bị trừ	19	90	87	59	72	34
Số trừ	6	30	25	50	0	34
Hiệu	13					



2 Đặt tính rồi tính hiệu (theo mẫu), biết :

a) Số bị trừ là 79, số trừ là 25

b) Số bị trừ là 38, số trừ là 12

c) Số bị trừ là 67, số trừ là 33

d) Số bị trừ là 55, số trừ là 22.

Mẫu : $\begin{array}{r} 79 \\ -\ 25 \\ \hline 54 \end{array}$

3 Một sợi dây dài 8dm, cắt đi một đoạn dài 3dm. Hỏi đoạn dây còn lại dài mấy đề-xi-mét ?



LUYỆN TẬP

1 Tính :

88	49	64	96	57
− 36	− 15	− 44	− 12	− 53

2 Tính nhẩm :

60 − 10 − 30 =   90 − 10 − 20 =   80 − 30 − 20 =

60 − 40 =   90 − 30 =   80 − 50 =

3 Đặt tính rồi tính hiệu, biết số bị trừ và số trừ lần lượt là :

a) 84 và 31 ;   b) 77 và 53 ;   c) 59 và 19.

4 Từ mảnh vải dài 9dm, cắt ra 5dm để may túi. Hỏi mảnh vải còn lại dài mấy đề-xi-mét ?

5 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng :

Trong kho có 84 cái ghế, đã lấy ra 24 cái ghế. Hỏi trong kho còn lại bao nhiêu cái ghế ?

A. 24 cái ghế   B. 48 cái ghế   C. 60 cái ghế   D. 64 cái ghế



LUYỆN TẬP CHUNG

1 Viết các số :

a) Từ 40 đến 50 ;   b) Từ 68 đến 74 ;   c) Tròn chục và bé hơn 50.

2 Viết :

a) Số liền sau của 59 ;   b) Số liền sau của 99 ;

c) Số liền trước của 89 ;   d) Số liền trước của 1 ;

e) Số lớn hơn 74 và bé hơn 76 ;   g) Số lớn hơn 86 và bé hơn 89.

3 Đặt tính rồi tính :

a) 32 + 43 ;   87 – 35 ;   21 + 57

b) 96 – 42 ;   44 + 34 ;   53 – 10

4 Lớp 2A có 18 học sinh đang tập hát, lớp 2B có 21 học sinh đang tập hát. Hỏi cả hai lớp có bao nhiêu học sinh đang tập hát ?



LUYỆN TẬP CHUNG

1 Viết các số 25, 62, 99, 87, 39, 85 theo mẫu :

25 = 20 + 5

2 Viết số thích hợp vào ô trống :

a)

Số hạng	30	52	9	7
Số hạng	60	14	10	2
Tổng				

b)

Số bị trừ	90	66	19	25
Số trừ	60	52	19	15
Hiệu				

3 Tính :

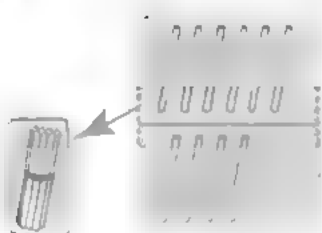
$\begin{array}{r} 48 \\ +\ 30 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 65 \\ -\ 11 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 94 \\ -\ 42 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 32 \\ +\ 32 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 56 \\ -\ 16 \\ \hline \end{array}$

4 Mẹ và chị hái được 85 quả cam, mẹ hái được 44 quả cam. Hỏi chị hái được bao nhiêu quả cam ?

5 Số ?   1dm = ... cm   10cm = ... dm

2. PHÉP CỘNG CÓ NHỚ TRONG PHẠM VI 100

PHÉP CỘNG CÓ TỔNG BẰNG 10



$$\begin{array}{r} 6 \\ +\ 4 \\ \hline 10 \end{array}$$

6 + 4 = 10

4 + 6 = 10

1 Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

9 + ... = 10	8 + ... = 10	7 + ... = 10	5 + ... = 10
1 + ... = 10	2 + ... = 10	3 + ... = 10	10 = 5 + ...
10 = 9 + ...	10 = 8 + ...	10 = 7 + ...	10 = 6 + ...
10 = 1 + ...	10 = 2 + ...	10 = 3 + ...	10 = ... + 6

2 Tính :

$\begin{array}{r} 7 \\ +\ 3 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 5 \\ +\ 5 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 2 \\ +\ 8 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 1 \\ +\ 9 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 4 \\ +\ 6 \\ \hline \end{array}$

3 Tính nhẩm :

7 + 3 + 6 = 9 + 1 + 2 =

6 + 4 + 8 = 4 + 6 + 1 =

5 + 5 + 5 = 2 + 8 + 9 =

4 Đồng hồ chỉ mấy giờ ?



A



B

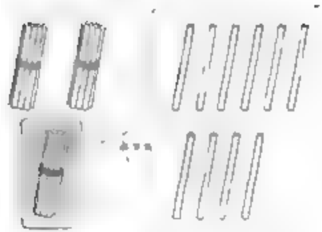


C

26 + 4 ; 36 + 24



26 + 4 = ?

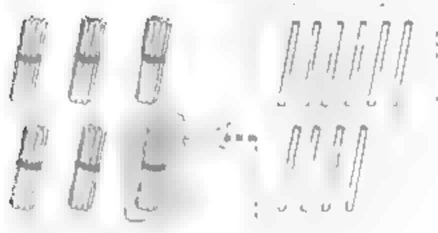


26 + 4 = ...

$$\begin{array}{r} 26 \\ +\ \ 4 \\ \hline 30 \end{array}$$

- 6 cộng 4 bằng 10, viết 0, nhớ 1.
- 2 thêm 1 bằng 3, viết 3.

36 + 24 = ?



36 + 24 = ...

$$\begin{array}{r} 36 \\ +\ 24 \\ \hline 60 \end{array}$$

- 6 cộng 4 bằng 10, viết 0, nhớ 1.
- 3 cộng 2 bằng 5, thêm 1 bằng 6, viết 6.

1 Tính :

a)

$$\begin{array}{r} 35 \\ +\ \ 5 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 42 \\ +\ \ 8 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 81 \\ +\ \ 9 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 57 \\ +\ \ 3 \\ \hline \end{array}$$

b)

$$\begin{array}{r} 63 \\ +\ 27 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 25 \\ +\ 35 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 21 \\ +\ 29 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 48 \\ +\ 42 \\ \hline \end{array}$$

2 Nhà bạn Mai nuôi 22 con gà, nhà bạn Lan nuôi 18 con gà. Hỏi hai nhà nuôi được tất cả bao nhiêu con gà ?

3 Viết 5 phép cộng có tổng bằng 20 theo mẫu :

19 + 1 = 20



LUYỆN TẬP

1 Tính nhẩm :

9 + 1 + 5 =	8 + 2 + 6 =	7 + 3 + 4 =
9 + 1 + 8 =	8 + 2 + 1 =	7 + 3 + 6 =

2 Tính :

36	7	25	52	19
+ 4	+ 33	+ 45	+ 18	+ 61

3 Đặt tính rồi tính :

24 + 6 ; 48 + 12 ; 3 + 27.

4 Một lớp học có 14 học sinh nữ và 16 học sinh nam. Hỏi lớp học đó có tất cả bao nhiêu học sinh ?

5 Số ?

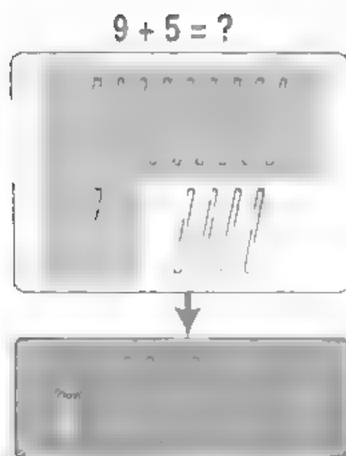


Đoạn thẳng AB dài ... cm hoặc ... dm.



9 CỘNG VỚI MỘT SỐ
9 + 5

9 + 5 = ?



$$\begin{array}{r} 9 \\ +\ 5 \\ \hline 14 \end{array}$$

9 + 5 = 14

5 + 9 = 14

9 + 2 = ...
9 + 3 = ...
9 + 4 = ...
9 + 5 = ...
9 + 6 = ...
9 + 7 = ...
9 + 8 = ...
9 + 9 = ...

1 Tính nhẩm :

9 + 3 =	9 + 6 =	9 + 8 =	9 + 7 =	9 + 4 =
3 + 9 =	6 + 9 =	8 + 9 =	7 + 9 =	4 + 9 =

2 Tính :

$$\begin{array}{r} 9 \\ +\ 2 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 9 \\ +\ 8 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 9 \\ +\ 9 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 7 \\ +\ 9 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 5 \\ +\ 9 \\ \hline \end{array}$$

3 Tính :

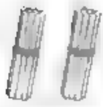
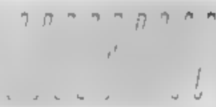
9 + 6 + 3 =   9 + 4 + 2 =

9 + 9 + 1 =   9 + 2 + 4 =

4 Trong vườn có 9 cây táo, mẹ trồng thêm 6 cây táo nữa. Hỏi trong vườn có tất cả bao nhiêu cây táo ?

29 + 5

29 + 5 = ?



29 + 5 = ...

$$\begin{array}{r} 29 \\ +\ \ 5 \\ \hline 34 \end{array}$$

- 9 cộng 5 bằng 14, viết 4, nhớ 1.
- 2 thêm 1 bằng 3, viết 3.

1 Tính :

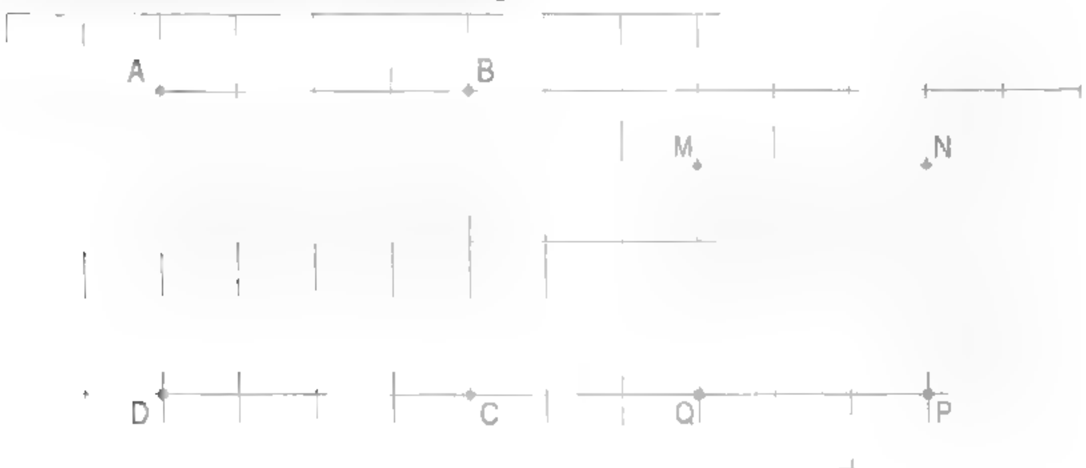
$$\begin{array}{r} 59 \\ +\ \ 5 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 79 \\ +\ \ 2 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 69 \\ +\ \ 3 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 19 \\ +\ \ 8 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 29 \\ +\ \ 4 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 79 \\ +\ \ 1 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 89 \\ +\ \ 6 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 9 \\ +\ 63 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 29 \\ +\ \ 9 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 39 \\ +\ \ 7 \\ \hline \end{array}$$

2 Đặt tính rồi tính tổng, biết các số hạng là :

a) 59 và 6 ; b) 19 và 7 ; c) 69 và 8.

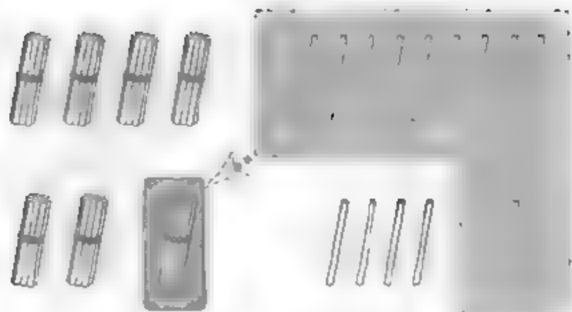
3 Nối các điểm để có hình vuông :





49 + 25

49 + 25 = ?



$$\begin{array}{r} 49 \\ +\ 25 \\ \hline 74 \end{array}$$

- 9 cộng 5 bằng 14, viết 4, nhớ 1.
- 4 cộng 2 bằng 6, thêm 1 bằng 7, viết 7.

49 + 25 = ...

1 Tính :

$$\begin{array}{r} 39 \\ +\ 22 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 69 \\ +\ 24 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 19 \\ +\ 53 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 29 \\ +\ 56 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 39 \\ +\ 19 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 49 \\ +\ 18 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 19 \\ +\ 17 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 89 \\ +\ 4 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 59 \\ +\ 3 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 69 \\ +\ 6 \\ \hline \end{array}$$

2 Viết số thích hợp vào ô trống (theo mẫu) :

Số hạng	9	29	9	49	59
Số hạng	6	18	34	27	29
Tổng	15				



3 Lớp 2A có 29 học sinh, lớp 2B có 25 học sinh. Hỏi cả hai lớp có bao nhiêu học sinh ?



LUYỆN TẬP

1 Tinh nhẩm :

9 + 4 =	9 + 3 =	9 + 2 =	6 + 9 =
9 + 6 =	9 + 5 =	9 + 9 =	5 + 9 =
9 + 8 =	9 + 7 =	9 + 1 =	2 + 9 =

2 Tinh :

$$\begin{array}{r}29\\+\;45\\\hline\end{array}\qquad\begin{array}{r}19\\+\;9\\\hline\end{array}\qquad\begin{array}{r}39\\+\;26\\\hline\end{array}\qquad\begin{array}{r}9\\+\;37\\\hline\end{array}$$

$$\begin{array}{r}72\\+\;19\\\hline\end{array}\qquad\begin{array}{r}81\\+\;9\\\hline\end{array}\qquad\begin{array}{r}74\\+\;9\\\hline\end{array}\qquad\begin{array}{r}20\\+\;39\\\hline\end{array}$$

3 > < = ?

9 + 9 ... 19	9 + 8 ... 8 + 9	9 + 5 ... 9 + 6
9 + 9 ... 15	2 + 9 ... 9 + 2	9 + 3 ... 9 + 2

4 Trong san co 19 con ga trong va 25 con ga mai. Hoi trong san co tat cả bao nhiêu con ga ?

5 **Khoanh vao chu đăt truoc câu tra loi đúng :**

Trên hinh ve co máy đoan thang ?



A. 3 đoan thang

B. 4 đoan thang

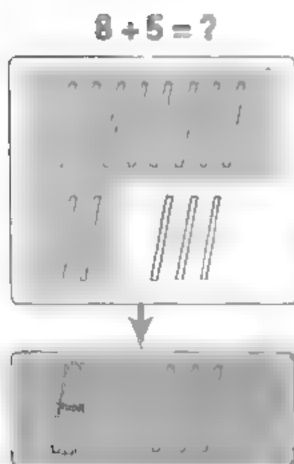
C. 5 đoạn thẳng

D. 6 đoan thẳng



8 CỘNG VỚI MỘT SỐ
8 + 5

8 + 5 = ?



$$\begin{array}{r} 8 \\ +\ 5 \\ \hline 13 \end{array}$$

8 + 5 = 13

5 + 8 = 13

8 + 3 = ...
8 + 4 = ...
8 + 5 = ...
8 + 6 = ...
8 + 7 = ...
8 + 8 = ...
8 + 9 = ...

1 Tính nhẩm :

8 + 3 =	8 + 4 =	8 + 6 =	8 + 7 =	8 + 9 =
3 + 8 =	4 + 8 =	6 + 8 =	7 + 8 =	9 + 8 =

2 Tính :

$$\begin{array}{r} 8 \\ +\ 3 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 8 \\ +\ 7 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 8 \\ +\ 9 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 4 \\ +\ 8 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 6 \\ +\ 8 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 8 \\ +\ 8 \\ \hline \end{array}$$

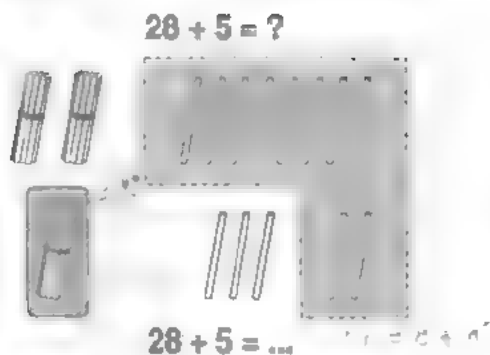
3 **Tính nhẩm :**

8 + 5 =	8 + 6 =	8 + 9 =
8 + 2 + 3 =	8 + 2 + 4 =	8 + 2 + 7 =
9 + 5 =	9 + 8 =	9 + 6 =
9 + 1 + 4 =	9 + 1 + 7 =	9 + 1 + 5 =

4 Hà có 8 con tem, Mai có 7 con tem.
Hỏi cả hai bạn có bao nhiêu con tem ?



28 + 5



$$\begin{array}{r} 28 \\ +\ \ 5 \\ \hline 33 \end{array}$$

- 8 cong 5 bang 13 viet 3, nhớ 1
- 2 thêm 1 bang 3, viết 3

1 Tính :

$$\begin{array}{r} 18 \\ +\ \ 3 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 38 \\ +\ \ 4 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 58 \\ +\ \ 5 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 28 \\ +\ \ 6 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 48 \\ +\ \ 8 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 38 \\ +\ \ 9 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 79 \\ +\ \ 2 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 19 \\ +\ \ 4 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 40 \\ +\ \ 6 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 29 \\ +\ \ 7 \\ \hline \end{array}$$

2 Mỗi so 51, 43, 47, 25 la ket quả cua phep tinh nao ?

38 + 5	18 + 7	28 + 9

(51) (43) (47) (25)

48 + 3	78 + 7	39 + 8

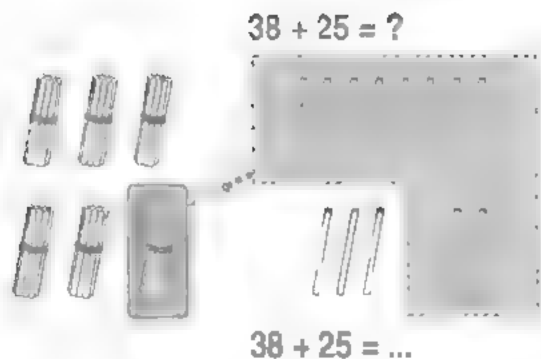
3 Co 18 con ga va 5 con vit. Hoi ca ga va vit co bao nhieu con ?

4 Vẽ đoan thăng co độ dài 5cm.

38 + 25



38 + 25 = ?



38 + 25 = ...

$$\begin{array}{r} 38 \\ +\ 25 \\ \hline 63 \end{array}$$

- 8 cộng 5 bằng 13, viết 3, nhớ 1.
- 3 cộng 2 bằng 5, thêm 1 bằng 6, viết 6.

1 Tính :

$\begin{array}{r} 38 \\ +\ 45 \\ \hline \end{array}$ $\quad$ $\begin{array}{r} 58 \\ +\ 36 \\ \hline \end{array}$ $\quad$ $\begin{array}{r} 28 \\ +\ 59 \\ \hline \end{array}$ $\quad$ $\begin{array}{r} 48 \\ +\ 27 \\ \hline \end{array}$ $\quad$ $\begin{array}{r} 38 \\ +\ 38 \\ \hline \end{array}$

$\begin{array}{r} 68 \\ +\ 4 \\ \hline \end{array}$ $\quad$ $\begin{array}{r} 44 \\ +\ 8 \\ \hline \end{array}$ $\quad$ $\begin{array}{r} 47 \\ +\ 32 \\ \hline \end{array}$ $\quad$ $\begin{array}{r} 68 \\ +\ 12 \\ \hline \end{array}$ $\quad$ $\begin{array}{r} 48 \\ +\ 33 \\ \hline \end{array}$

2 Viết số thích hợp vào ô trống :

Số hạng	8	28	38	8	18	80
Số hạng	7	16	41	53	34	8
Tổng						



3 Đoạn thẳng AB dài 28dm, đoạn thẳng BC dài 34dm. Con kiến đi từ A đến C phải đi hết đoạn đường dài bao nhiêu đề-xi-mét ? (Xem hình vẽ)



4 > < = ?

8 + 4 ... 8 + 5 $\qquad$ 18 + 8 ... 19 + 9

9 + 8 ... 8 + 9 $\qquad$ 18 + 9 ... 19 + 8

9 + 7 ... 9 + 6 $\qquad$ 19 + 10 ... 10 + 18



LUYỆN TẬP

1 **Tính nhẩm :**

8 + 2 =	8 + 3 =	8 + 4 =	8 + 5 =
8 + 6 =	8 + 7 =	8 + 8 =	8 + 9 =
18 + 6 =	18 + 7 =	18 + 8 =	18 + 9 =

2 **Đặt tính rồi tính :**

38 + 15 ; 48 + 24 ; 68 + 13 ; 78 + 9 ; 58 + 26.

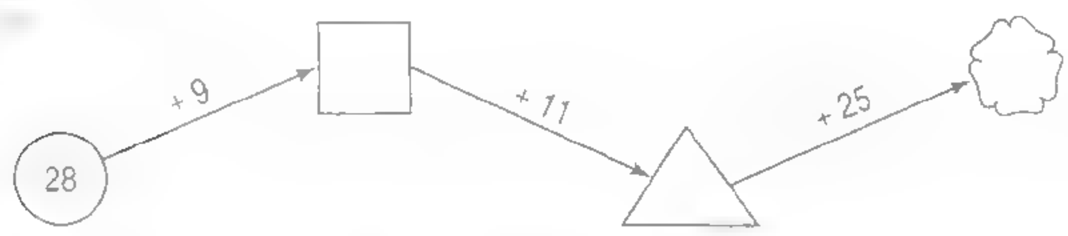
3 Giải bài toán theo tóm tắt sau :

Gói kẹo chanh : 28 cái

Gói kẹo dừa : 26 cái

Cả hai gói : ... cái ?

4 **Số** ?



5 Khoanh vào chữ đặt trước kết quả đúng :

28 + 4 = ?

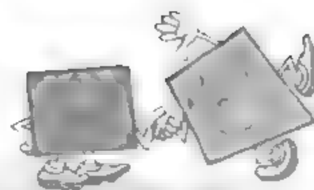
A. 68

B. 22

C. 32

D. 24

HÌNH CHỮ NHẬT - HÌNH TỨ GIÁC





Hình chữ nhật ABCD



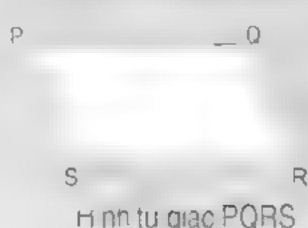
Hình chữ nhật MNPQ



Hình chữ nhật ...



Hình tứ giác CDEG



Hình tứ giác PQRS



Hình tứ giác ...

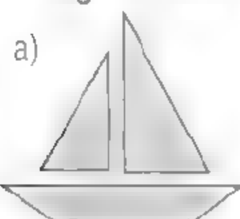
1 Dùng thước và bút nối các điểm để có :

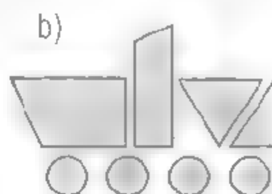
a) Hình chữ nhật. b) Hình tứ giác.

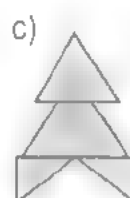


Đọc tên các hình trên.

2 Trong mỗi hình dưới đây có mấy hình tứ giác ?

a) 

b) 

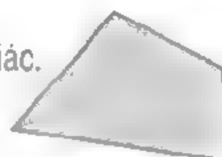
c) 

3 Kẻ thêm một đoạn thẳng trong hình sau để được :

a) Một hình chữ nhật và một hình tam giác.



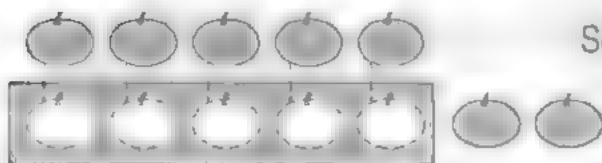
b) Ba hình tứ giác.





BÀI TOÁN VỀ NHIỀU HƠN

Bài toán : Hàng trên có 5 quả cam, hàng dưới có ***nhiều hơn*** hàng trên 2 quả cam. Hỏi hàng dưới có mấy quả cam ?



Bài giải

Số quả cam ở hàng dưới là :

5 + 2 = 7 (quả)

Đáp số : 7 quả cam.

1 Hoa có 4 bông hoa. Bình có nhiều hơn Hoa 2 bông hoa. Hỏi Bình có mấy bông hoa ?

Tóm tắt

Hoà có	:	4 bông hoa
Bình nhiều hơn Hoà	:	2 bông hoa
Bình có	:	... bông hoa ?

2 Nam có 10 viên bi. Bảo có nhiều hơn Nam 5 viên bi. Hỏi Bảo có bao nhiêu viên bi ?

Tóm tắt

Nam có	:	10 viên bi
Bảo nhiều hơn Nam	:	5 viên bi
Bảo có	:	... viên bi ?

3 Mận cao 95cm. Đào cao hơn Mận 3cm. Hỏi Đào cao bao nhiêu xăng-ti-mét ?

LUYỆN TẬP



1 Trong cốc có 6 bút chì, trong hộp có nhiều hơn trong cốc 2 bút chì. Hỏi trong hộp có bao nhiêu bút chì ?

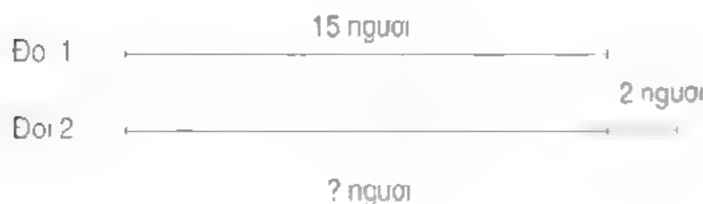
2 Giải bài toán theo tóm tắt sau :

An có : 11 bưu ảnh

Bình nhiều hơn An : 3 bưu ảnh

Bình có : ... bưu ảnh ?

3 Giải bài toán theo tóm tắt sau :



4 Đoạn thẳng AB dài 10cm, đoạn thẳng CD dài hơn đoạn thẳng AB 2cm.

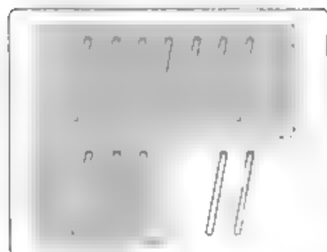
a) Hỏi đoạn thẳng CD dài bao nhiêu xăng-ti-mét ?

b) Vẽ đoạn thẳng CD.



7 CỘNG VỚI MỘT SỐ
7 + 5

7 + 5 = ?





$$\begin{array}{r} 7 \\ +\ 5 \\ \hline 12 \end{array}$$

7 + 5 = 12

5 + 7 = 12

7 + 4 = ...
7 + 5 = ...
7 + 6 = ...
7 + 7 = ...
7 + 8 = ...
7 + 9 = ...

1 Tính nhẩm :

7 + 4 =	7 + 6 =	7 + 8 =	7 + 9 =
4 + 7 =	6 + 7 =	8 + 7 =	9 + 7 =

2 Tính :

$$\begin{array}{r} 7 \\ +\ 4 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 7 \\ +\ 8 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 7 \\ +\ 9 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 7 \\ +\ 7 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 7 \\ +\ 3 \\ \hline \end{array}$$

3 Tính nhẩm :

7 + 5 =	7 + 6 =
7 + 3 + 2 =	7 + 3 + 3 =
7 + 8 =	7 + 9 =
7 + 3 + 5 =	7 + 3 + 6 =

4 Em 7 tuổi, anh hơn em 5 tuổi. Hỏi anh bao nhiêu tuổi ?

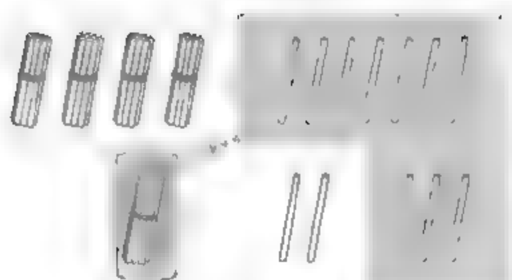
5 Điền dấu + hoặc dấu – vào chỗ chấm để được kết quả đúng :

a) 7 ... 6 = 13 ;   b) 7 ... 3 ... 7 = 11.



47 + 5

47 + 5 = ?



47 + 5 = ...

$$\begin{array}{r} 47 \\ +\ \ 5 \\ \hline 52 \end{array}$$

- 7 cộng 5 bằng 12, viết 2, nhớ 1.
- 4 thêm 1 bằng 5, viết 5.

1 Tính :

$$\begin{array}{r} 17 \\ +\ \ 4 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 27 \\ +\ \ 5 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 37 \\ +\ \ 6 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 47 \\ +\ \ 7 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 57 \\ +\ \ 8 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 67 \\ +\ \ 9 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 17 \\ +\ \ 3 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 25 \\ +\ \ 7 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 47 \\ +\ \ 2 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 8 \\ +\ 27 \\ \hline \end{array}$$

2 Viết số thích hợp vào ô trống :

Số hạng	7	27	19	47	7
Số hạng	8	7	7	6	13
Tổng					



3 Giải bài toán theo tóm tắt sau :



4 Khoanh vào chữ đặt trước kết quả đúng :

Số hình chữ nhật có trong hình vẽ là :

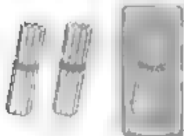
A. 4 B. 5 C. 6 D. 9

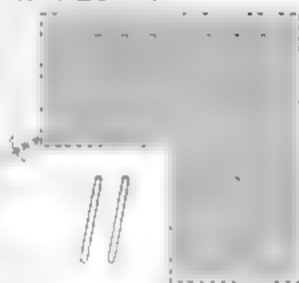


47 + 25

47 + 25 = ?







47 + 25 = ...

$$\begin{array}{r} 47 \\ +\ 25 \\ \hline 72 \end{array}$$

- 7 cộng 5 bằng 12, viết 2, nhớ 1
- 4 cộng 2 bằng 6, thêm 1 bằng 7, viết 7.

1 Tính :

$$\begin{array}{r} 17 \\ +\ 24 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 37 \\ +\ 36 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 47 \\ +\ 27 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 57 \\ +\ 18 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 67 \\ +\ 29 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 77 \\ +\ 3 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 28 \\ +\ 17 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 39 \\ +\ 7 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 47 \\ +\ 9 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 29 \\ +\ 7 \\ \hline \end{array}$$

2 Đúng ghi Đ, sai ghi S :

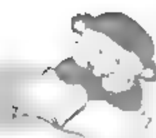
a) $\begin{array}{r} 35 \\ +\ 7 \\ \hline 42 \end{array}$ ☐ b) $\begin{array}{r} 37 \\ +\ 5 \\ \hline 87 \end{array}$ ☐ c) $\begin{array}{r} 29 \\ +\ 16 \\ \hline 35 \end{array}$ ☐ d) $\begin{array}{r} 47 \\ +\ 14 \\ \hline 61 \end{array}$ ☐ e) $\begin{array}{r} 37 \\ +\ 3 \\ \hline 30 \end{array}$ ☐

3 Một đội trồng rừng có 27 nữ và 18 nam. Hỏi đội đó có bao nhiêu người ?

4 Điền chữ số thích hợp vào ô trống :

$$\begin{array}{r} 3\square \\ +\ 5 \\ \hline 42 \end{array} \qquad \begin{array}{r} 27 \\ +\ 1\square \\ \hline 43 \end{array}$$

LUYỆN TẬP



1 Tinh nhẩm :

7 + 3 = 7 + 4 = 7 + 5 = 7 + 6 =

7 + 7 = 7 + 8 = 7 + 9 = 7 + 10 =

5 + 7 = 6 + 7 = 8 + 7 = 9 + 7 =

2 Đat tinh roi tinh :

37 + 15 ; 47 + 18 ; 24 + 17 ; 67 + 9.

3 Giai bai toan theo tom tat sau :

Thung cam co : 28 qua

Thung quyt co : 37 qua

Ca hai thung co : ... qua ?

4 > < = ?

14 + 7 ... 17 - 9 [illegible]3 - 7 ... 38 - 8

17 + 9 ... 17 + 7 16 + 8 ... 28 – 3

5 Ket qua cua phep tinh nao co the đien vao o trong ?

18 + 8 19 + 4 17 - 2

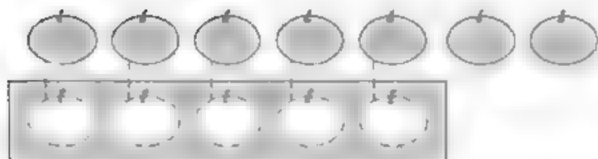
27 - 5 17 + 4

15 < ☐ < 25



BÀI TOÁN VỀ ÍT HƠN

Bài toán : Hàng trên có 7 quả cam, hàng dưới có ***ít hơn*** hàng trên 2 quả cam. Hỏi hàng dưới có mấy quả cam ?



Bài giải

Số quả cam ở hàng dưới là :

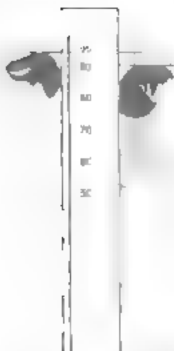
7 – 2 = 5 (quả)

Đáp số : 5 quả cam.

1 Vườn nhà Mai có 17 cây cam, vườn nhà Hoa có ít hơn vườn nhà Mai 7 cây cam. Hỏi vườn nhà Hoa có mấy cây cam ?

Tóm tắt



2 

An cao 95cm, Bình thấp hơn An 5cm. Hỏi Bình cao bao nhiêu xăng-ti-mét ?

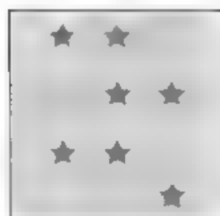
3 Lớp 2A có 15 học sinh gái, số học sinh trai của lớp ít hơn số học sinh gái 3 bạn. Hỏi lớp 2A có bao nhiêu học sinh trai ?



LUYỆN TẬP

1 a)





– Trong hình tròn có mấy ngôi sao ?
– Trong hình vuông có mấy ngôi sao ?
– Trong hình vuông có nhiều hơn trong hình tròn mấy ngôi sao ?
– Trong hình tròn có ít hơn trong hình vuông mấy ngôi sao ?

b) Em phải vẽ thêm mấy ngôi sao nữa vào trong hình tròn để số ngôi sao ở trong hai hình bằng nhau ?

2 Giải bài toán theo tóm tắt sau :

Anh : 16 tuổi
Em kém anh : 5 tuổi
Em : ... tuổi ?

3 Giải bài toán theo tóm tắt sau :

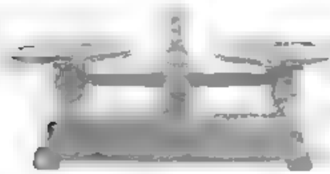
Em : 11 tuổi
Anh hơn em : 5 tuổi
Anh : ... tuổi ?

4 Toà nhà thứ nhất có 16 tầng, toà nhà thứ hai có ít hơn toà nhà thứ nhất 4 tầng. Hỏi toà nhà thứ hai có bao nhiêu tầng ?

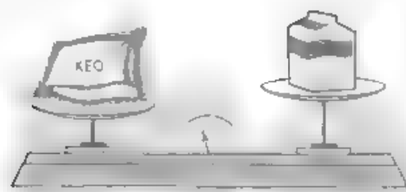




KI-LÔ-GAM



Cái cân đĩa

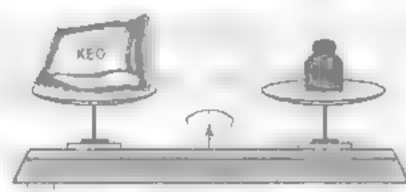


Gói kẹo ***nặng hơn*** gói bánh.
Gói bánh ***nhẹ hơn*** gói kẹo.

Quả cân 1 ki-lô-gam.



Ki-lô-gam viết tắt là **kg**

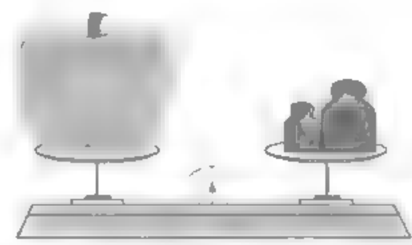


Gói kẹo cân nặng 1kg.

1 **Đọc, viết (theo mẫu) :**







Đọc	Hai ki-lô-gam	Năm ki-lô-gam	
Viết	2kg	...	3kg

2 **Tính (theo mẫu) :**

1kg + 2kg = 3kg	10kg – 5kg =
6kg + 20kg =	24kg – 13kg =
47kg + 12kg =	35kg – 25kg =

3 Bao gạo to cân nặng 25kg, bao gạo bé cân nặng 10kg. Hỏi cả hai bao gạo cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam ?



LUYỆN TẬP

1 a)

Cái cân đồng hồ



Túi cam cân nặng mấy ki-lô-gam ?



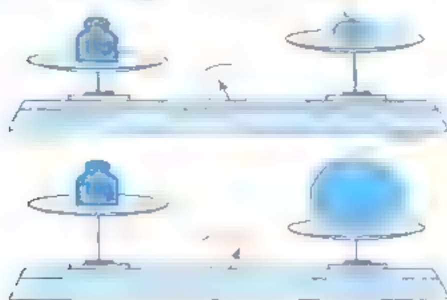
b)



25kg

Bạn Hoa cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam ?

2 Câu nào đúng ? Câu nào sai ?



a) Quả cam nặng hơn 1kg.

b) Quả cam nhẹ hơn 1kg.

c) Quả bưởi nặng hơn 1kg.

d) Quả bưởi nhẹ hơn 1kg.

e) Quả cam nặng hơn quả bưởi.

g) Quả bưởi nặng hơn quả cam.

3 **Tính :**

3kg + 6kg – 4kg = 8kg – 4kg + 9kg =

15kg – 10kg + 7kg = 16kg + 2kg – 5kg =

4 Mẹ mua về 26kg vừa gạo nếp vừa gạo tẻ, trong đó có 16kg gạo tẻ. Hỏi mẹ mua về bao nhiêu ki-lô-gam gạo nếp ?

5 Con gà cân nặng 2kg, con ngỗng nặng hơn con gà 3kg. Hỏi con ngỗng cân nặng mấy ki-lô-gam ?

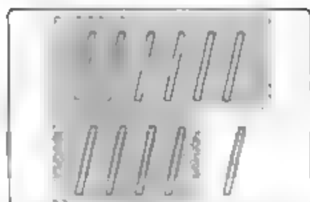




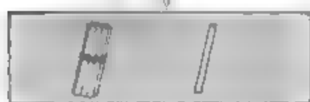


6 CỘNG VỚI MỘT SỐ
6 + 5

6 + 5 = ?







$$\begin{array}{r} 6 \\ +\ 5 \\ \hline 11 \end{array}$$

6 + 5 = 11

5 + 6 = 11

6 + 5 = ...
6 + 6 = ...
6 + 7 = ...
6 + 8 = ...
6 + 9 = ...

1 Tính nhẩm :

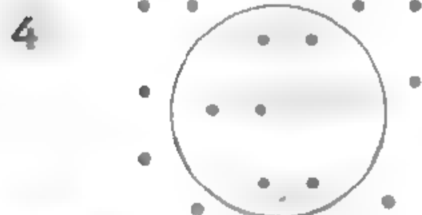
6 + 6 =	6 + 7 =	6 + 8 =	6 + 9 =
6 + 0 =	7 + 6 =	8 + 6 =	9 + 6 =

2 Tính :

$$\begin{array}{r} 6 \\ +\ 4 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 6 \\ +\ 5 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 6 \\ +\ 8 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 7 \\ +\ 6 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 9 \\ +\ 6 \\ \hline \end{array}$$

3 Số ? 6 + ☐ = 11 ☐ + 6 = 12 6 + ☐ = 13

4



– Có mấy điểm ở trong hình tròn ?
– Có mấy điểm ở ngoài hình tròn ?
– Có tất cả bao nhiêu điểm ?

5 >, <, = ?

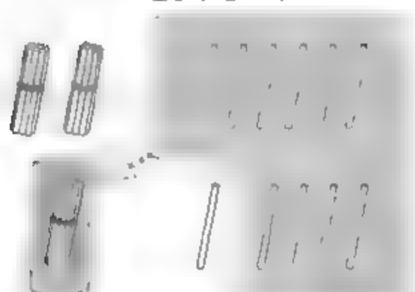
7 + 6 ... 6 + 7 6 + 9 – 5 ... 11

8 + 8 ... 7 + 8 8 + 6 – 10 ... 3



26 + 5

26 + 5 = ?



26 + 5 = ...

$$\begin{array}{r} 26 \\ +\ \ 5 \\ \hline 31 \end{array}$$

- 6 cộng 5 bằng 11, viết 1, nhớ 1.
- 2 thêm 1 bằng 3, viết 3.

1 Tính :

$$\begin{array}{r} 16 \\ +\ \ 4 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 36 \\ +\ \ 6 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 46 \\ +\ \ 7 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 56 \\ +\ \ 8 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 66 \\ +\ \ 9 \\ \hline \end{array}$$

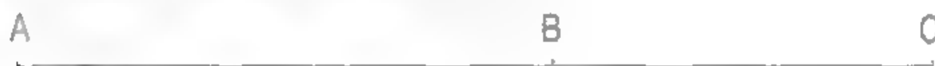
$$\begin{array}{r} 37 \\ +\ \ 5 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 18 \\ +\ \ 9 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 27 \\ +\ \ 6 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 19 \\ +\ \ 8 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 36 \\ +\ \ 5 \\ \hline \end{array}$$

2 Số ?



3 Tháng trước tổ em được 16 điểm mười, tháng này tổ em được nhiều hơn tháng trước 5 điểm mười. Hỏi tháng này tổ em được bao nhiêu điểm mười ?

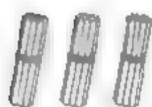
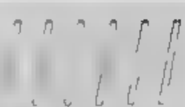
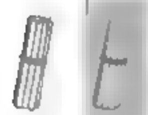
4 Đo độ dài các đoạn thẳng AB, BC, AC :





36 + 15

36 + 15 = ?


36 + 15 = ...

$$\begin{array}{r} 36 \\ +\ 15 \\ \hline 51 \end{array}$$

- 6 cộng 5 bằng 11, viết 1, nhớ 1.
- 3 cộng 1 bằng 4, thêm 1 bằng 5, viết 5.

1 Tính :

$$\begin{array}{r} 16 \\ +\ 29 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 26 \\ +\ 38 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 36 \\ +\ 47 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 46 \\ +\ 36 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 56 \\ +\ 25 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 44 \\ +\ 37 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 38 \\ +\ 56 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 39 \\ +\ 16 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 36 \\ +\ 24 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 17 \\ +\ 16 \\ \hline \end{array}$$

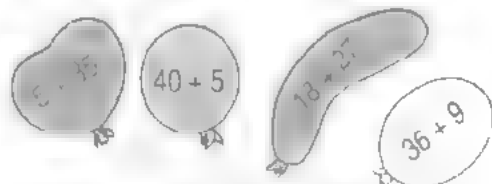
2 Đặt tính rồi tính tổng, biết các số hạng là :

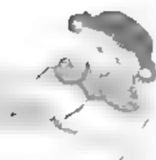
a) 36 và 18 ; b) 24 và 19 ; c) 35 và 26.

3 Giải bài toán theo hình vẽ sau :



4 Quả bóng nào ghi phép tính có kết quả là 45 ?





LUYỆN TẬP

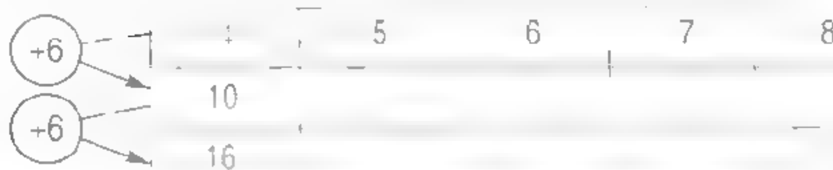
1 Tính nhẩm :

6 + 5 =	6 + 6 =	6 + 7 =	6 + 8 =
5 + 6 =	6 + 10 =	7 + 6 =	6 + 9 =
8 + 6 =	9 + 6 =	6 + 4 =	4 + 6 =

2 Viết số thích hợp vào ô trống :

Số hạng	26	17	38	26	15
Số hạng	5	36	16	9	36
Tổng					

3 Số ?



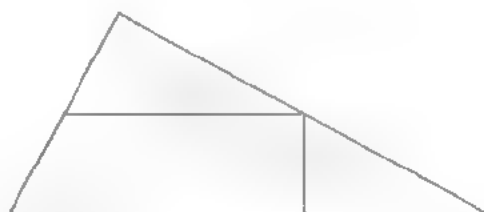
4 Giải bài toán theo tóm tắt sau :



5 Trong hình bên :

a) Có mấy hình tam giác ?

b) Có mấy hình tứ giác ?





BẢNG CỘNG

1 Tính nhẩm :

a)

9 + 2 =	8 + 3 =	7 + 4 =	6 + 5 =
9 + 3 =	8 + 4 =	7 + 5 =	6 + 6 =
9 + 4 =	8 + 5 =	7 + 6 =	
9 + 5 =	8 + 6 =	7 + 7 =	
9 + 6 =	8 + 7 =		
9 + 7 =	8 + 8 =		
9 + 8 =			
9 + 9 =			

b)

2 + 9 =	3 + 8 =	4 + 7 =	5 + 6 =
	3 + 9 =	4 + 8 =	5 + 7 =
		4 + 9 =	5 + 8 =
			5 + 9 =

2 Tính :

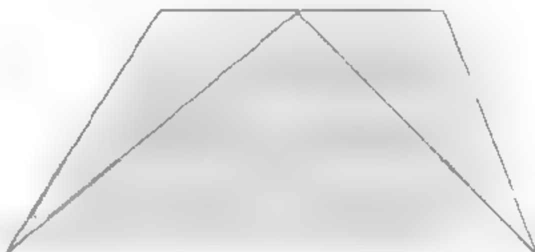
$$\begin{array}{r} 15 \\ +\ \ 9 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 26 \\ +\ 17 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 36 \\ +\ \ 8 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 42 \\ +\ 39 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 17 \\ +\ 28 \\ \hline \end{array}$$

3 Hoa cân nặng 28kg. Mai cân nặng hơn Hoa 3kg. Hỏi Mai cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam ?

4 **Trong hình bên :**

a) Có mấy hình tam giác ?

b) Có mấy hình tứ giác ?





LUYỆN TẬP

1 **Tính nhẩm :**

a) 9 + 6 = 7 + 8 = 6 + 5 = 3 + 9 =

6 + 9 = 8 + 7 = 5 + 6 = 9 + 3 =

b) 3 + 8 = 4 + 8 = 2 + 9 = 6 + 7 =

5 + 8 = 4 + 7 = 5 + 9 = 7 + 7 =

2 **Tính :**

8 + 4 + 1 = 7 + 4 + 2 = 6 + 3 + 5 =

8 + 5 = 7 + 6 = 6 + 8 =

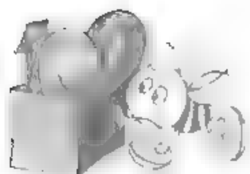
3 **Tính :**

$$\begin{array}{r} 36 \\ +\ 36 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 35 \\ +\ 47 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 69 \\ +\ 8 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 9 \\ +\ 57 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 27 \\ +\ 18 \\ \hline \end{array}$$

4 Mẹ hái được 38 quả bưởi, chị hái được 16 quả bưởi. Hỏi mẹ và chị hái được tất cả bao nhiêu quả bưởi ?

5 **Điền chữ số thích hợp vào ô trống :**

a) 5 ☐ > 58 ; b) 89 < ☐ 8.



PHÉP CỘNG CÓ TỔNG BẰNG 100

83 + 17 = ?

```
  83
+
  17
 ———
 100
```

- 3 cộng 7 bằng 10, viết 0, nhớ 1.
- 8 cộng 1 bằng 9, thêm 1 bằng 10, viết 10.

83 + 17 = 100

1 **Tính :**

```
  99        75        64        48
+         +         +         +
   1        25        36        52
———       ———       ———       ———
```

2 **Tính nhẩm (theo mẫu) :**

60 + 40 =

80 + 20 =

30 + 70 =

90 + 10 =

50 + 50 =

Mẫu :	60 + 40 = ?
Nhẩm :	6 chục + 4 chục = 10 chục
	10 chục = 100
Vậy :	60 + 40 = 100

3 Số ?

a) 

b) 

4 Một cửa hàng buổi sáng bán được 85kg đường, buổi chiều bán được nhiều hơn buổi sáng 15kg đường. Hỏi buổi chiều cửa hàng đó bán được bao nhiêu ki-lô-gam đường ?

LÍT





Bình đựng được ***nhiều*** nước hơn cốc.

Cốc đựng được ***ít*** nước hơn bình.

Rót sữa cho đầy ca, ta được 1 lít sữa.

Lít viết tắt là *l*.

1 **Đọc, viết (theo mẫu) :**

	3l	10l	2l	5l
Đọc	Ba lít			
Viết	3l			

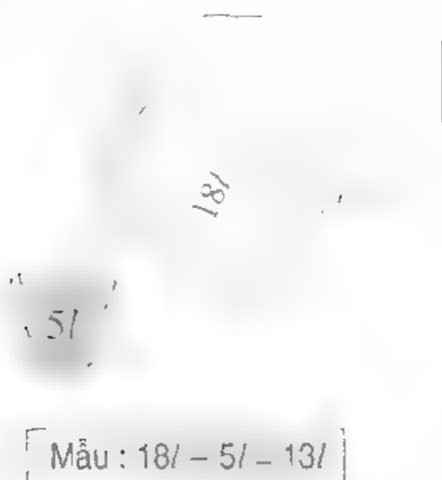
2 **Tính (theo mẫu) :**

a) 9l + 8l = 17l   15l + 5l =   2l + 2l + 6l =

b) 17l – 6l =   18l – 5l =   28l – 4l – 2l =

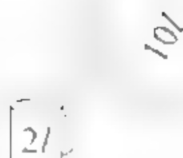
3) Còn bao nhiêu lít ?

a)



b)

10l

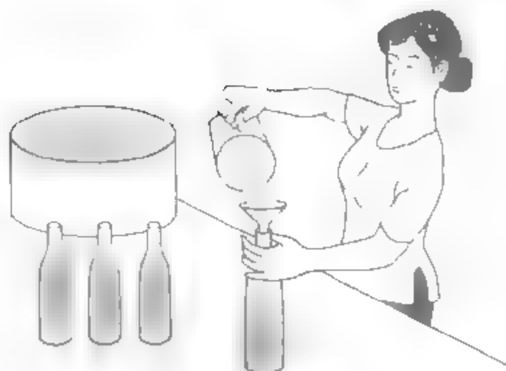


c)



10l

4 Lần đầu cửa hàng bán được 12l nước mắm, lần sau bán được 15l nước mắm. Hỏi cả hai lần cửa hàng bán được bao nhiêu lít nước mắm ?



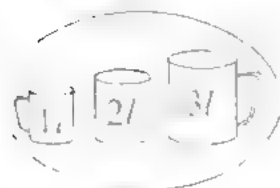


LUYỆN TẬP

1 Tính :

2*l* + 1*l* =	15*l* – 5*l* =	3*l* + 2*l* – 1*l* =
16*l* + 5*l* =	35*l* – 12*l* =	16*l* – 4*l* + 15*l* =

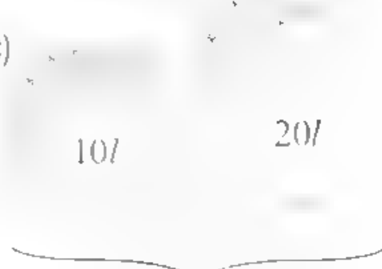
2 Số ?

a) 

… *l*

b) 

… *l*

c) 

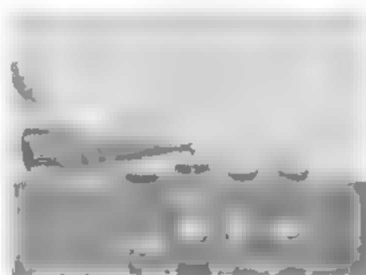
… *l*

3 Thùng thứ nhất có 16*l* dầu, thùng thứ hai có ít hơn thùng thứ nhất 2*l* dầu. Hỏi thùng thứ hai có bao nhiêu lít dầu ?

Tóm tắt



4 **Thực hành :** Đổ 1*l* nước từ chai 1*l* sang các cốc như nhau.





LUYỆN TẬP CHUNG

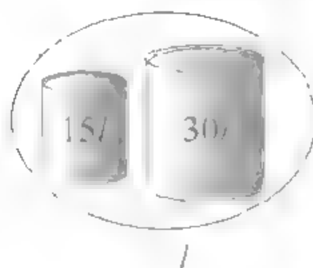
1 Tinh :

5 + 6 =	16 + 5 =	40 + 5 =	4 + 16 =
8 + 7 =	27 + 8 =	30 + 6 =	3 + 47 =
9 + 4 =	44 + 9 =	7 + 20 =	5 + 35 =

2 Số ?



kg



l

3 Viêt sô thích hơp vao ô trông :

Sô hang	34	45	63	17	44
Sô hạng	17	48	29	46	36
Tong					

4 Giải bai toan theo tóm tăt sau :

Lấn đấu ban : 45kg gao

Lấn sau ban : 38kg gao

Cà hai lấn ban : ... kg gao ?

5 Khoanh vao chữ đặt truoc câu trả lời đung :

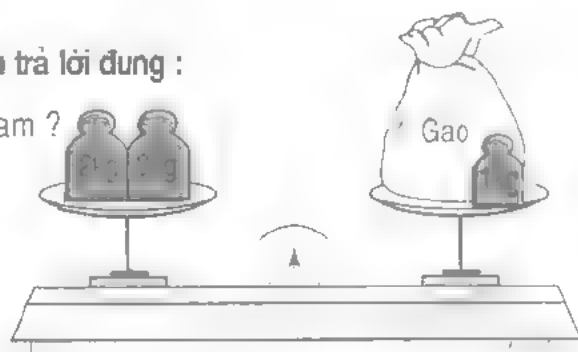
Tui gao cân nang mây kı-lô-gam ?

A. 1kg

B. 2kg

C. 3kg

D. 4kg



3. PHÉP TRỪ CÓ NHỚ TRONG PHẠM VI 100

TÌM MỘT SỐ HẠNG TRONG MỘT TỔNG









$6 + 4 = ...$	$x + 4 = 10$	$6 + x = 10$
$6 = 10 - ...$	$x = 10 - ...$	$x = 10 -$
$4 = 10 - ...$	$x = ...$	$x = ...$

Muốn tìm một số hạng ta lấy tổng trừ đi số hạng kia.

1 Tìm x (theo mẫu) :

a) $x + 3 = 9$
$x = 9 - 3$
$x = 6$

b) $x + 5 = 10$;
d) $x + 8 = 19$;

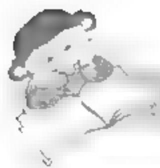
c) $x + 2 = 8$
e) $4 + x = 14$
g) $3 + x = 10$.

2 Viết số thích hợp vào ô trống :

Số hạng	12	9		15		17
Số hạng	6		24		21	
Tổng		10	34	15	42	39



3 Một lớp học có 35 học sinh, trong đó có 20 học sinh trai. Hỏi lớp học đó có bao nhiêu học sinh gái ?



LUYỆN TẬP

1 Tìm x :

a) $x + 8 = 10$; b) $x + 7 = 10$; c) $30 + x = 58$.

2 Tính nhẩm :

9 + 1 =	8 + 2 =	3 + 7 =
10 – 9 =	10 – 8 =	10 – 3 =
10 – 1 =	10 – 2 =	10 – 7 =

3 Tính :

10 – 1 – 2 =	10 – 3 – 4 =	19 – 3 – 5 =
10 – 3 =	10 – 7 =	19 – 8 =

4 Vừa cam vừa quýt có 45 quả, trong đó có 25 quả cam. Hỏi có bao nhiêu quả quýt ?

5 Khoanh vào chữ đặt trước kết quả đúng :

Tìm x, biết : $x + 5 = 5$.

A. $x = 5$

B. $x = 10$

C. $x = 0$

SỐ TRÒN CHỤC TRỪ ĐI MỘT SỐ



$40 - 8 = ?$





$$\begin{array}{r} 40 \\ - \quad 8 \\ \hline 32 \end{array}$$

- 0 không trừ được 8, lấy 10 trừ 8 bằng 2, viết 2, nhớ 1.
- 4 trừ 1 bằng 3, viết 3.

$40 - 8 = ...$

$40 - 18 = ?$





$$\begin{array}{r} 40 \\ - \quad 18 \\ \hline 22 \end{array}$$

- 0 không trừ được 8, lấy 10 trừ 8 bằng 2, viết 2, nhớ 1.
- 1 thêm 1 bằng 2, 4 trừ 2 bằng 2, viết 2.

$40 - 18 = ...$

1 Tính :

$$\begin{array}{r} 60 \\ - \quad 9 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 50 \\ - \quad 5 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 90 \\ - \quad 2 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 80 \\ - \quad 17 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 30 \\ - \quad 11 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 80 \\ - \quad 54 \\ \hline \end{array}$$

2 Tìm x :

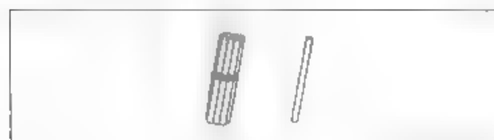
a) $x + 9 = 30$; b) $5 + x = 20$; c) $x + 19 = 60$.

3 Có 2 chục que tính, bớt đi 5 que tính. Hỏi còn lại bao nhiêu que tính ?



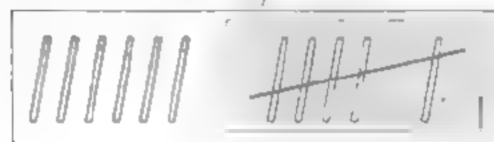
11 TRỪ ĐI MỘT SỐ
11 - 5

11 – 5 = ?



$$\begin{array}{r} 11 \\ -\ \ 5 \\ \hline 6 \end{array}$$





11 – 5 = ...

11 – 2 = ...	11 – 6 = ...
11 – 3 = ...	11 – 7 = ...
11 – 4 = ...	11 – 8 = ...
11 – 5 = ...	11 – 9 = ...

1 **Tính nhẩm :**

a)

9 + 2 =	8 + 3 =	7 + 4 =	6 + 5 =
2 + 9 =	3 + 8 =	4 + 7 =	5 + 6 =
11 – 9 =	11 – 8 =	11 – 7 =	11 – 6 =
11 – 2 =	11 – 3 =	11 – 4 =	11 – 5 =

b)

11 – 1 – 5 =	11 – 1 – 9 =	11 – 1 – 3 =
11 – 6 =	11 – 10 =	11 – 4 =

2 **Tính :**

$$\begin{array}{r} 11 \\ -\ \ 8 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 11 \\ -\ \ 7 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 11 \\ -\ \ 3 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 11 \\ -\ \ 5 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 11 \\ -\ \ 2 \\ \hline \end{array}$$

3 Đặt tính rồi tính hiệu, biết số bị trừ và số trừ lần lượt là :

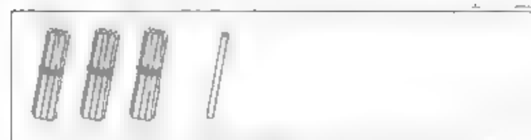
a) 11 và 7 ; b) 11 và 9 ; c) 11 và 3.

4 Bình có 11 quả bóng bay, Bình cho bạn 4 quả. Hỏi Bình còn lại mấy quả bóng bay ?



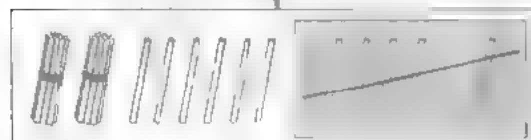
31 - 5

31 – 5 = ?



$$\begin{array}{r} 31 \\ -\ \ 5 \\ \hline 26 \end{array}$$

- 1 không trừ được 5, lấy 11 trừ 5 bằng 6, viết 6, nhớ 1.
- 3 trừ 1 bằng 2, viết 2



31 – 5 = ...

1 Tính :

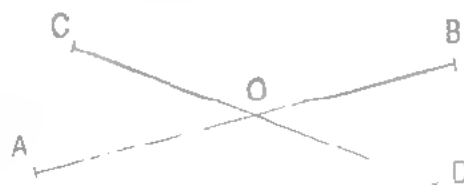
$\begin{array}{r} 51 \\ -\ \ 8 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 41 \\ -\ \ 3 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 61 \\ -\ \ 7 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 31 \\ -\ \ 9 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 81 \\ -\ \ 2 \\ \hline \end{array}$
$\begin{array}{r} 21 \\ -\ \ 4 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 71 \\ -\ \ 6 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 11 \\ -\ \ 8 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 41 \\ -\ \ 5 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 91 \\ -\ \ 9 \\ \hline \end{array}$

2 Đặt tính rồi tính hiệu, biết số bị trừ và số trừ lần lượt là :

a) 51 và 4 ; b) 21 và 6 ; c) 71 và 8.

3 Đàn gà đẻ được 51 quả trứng, mẹ đã lấy 6 quả trứng để làm món ăn. Hỏi còn lại bao nhiêu quả trứng ?

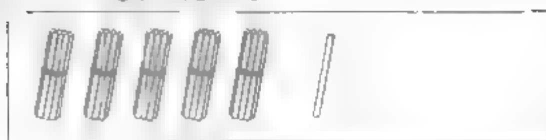
4 Đoạn thẳng AB cắt đoạn thẳng CD tại điểm nào ?

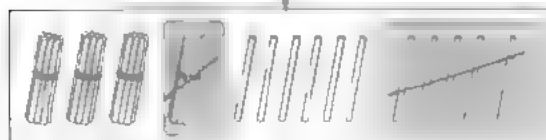




51 - 15

51 – 15 = ?





51 – 15 = ...

$$\begin{array}{r} 51 \\ -\ 15 \\ \hline 36 \end{array}$$

- 1 không trừ được 5, lấy 11 trừ 5 bằng 6, viết 6, nhớ 1.
- 1 thêm 1 bằng 2, 5 trừ 2 bằng 3, viết 3.

1 Tính :

$$\begin{array}{r} 81 \\ -\ 46 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 31 \\ -\ 17 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 51 \\ -\ 19 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 71 \\ -\ 38 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 61 \\ -\ 25 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 41 \\ -\ 12 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 71 \\ -\ 26 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 61 \\ -\ 34 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 91 \\ -\ 49 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 81 \\ -\ 55 \\ \hline \end{array}$$

2 Đặt tính rồi tính hiệu, biết số bị trừ và số trừ lần lượt là :

a) 81 và 44 ; b) 51 và 25 ; c) 91 và 9.

3 Tìm x :

a) $x + 16 = 41$; b) $x + 34 = 81$; c) $19 + x = 61$.

4 Vẽ hình theo mẫu :



Mẫu



LUYỆN TẬP



1 Tính nhẩm :

11 – 2 =   11 – 4 =   11 – 6 =   11 – 8 =

11 – 3 =   11 – 5 =   11 – 7 =   11 – 9 =

2 Đặt tính rồi tính :

a) 41 – 25 ;   51 – 35 ;   81 – 48 ;

b) 71 – 9 ;   38 + 47 ;   29 + 6.

3 Tìm x :

a) $x + 18 = 61$;   b) $23 + x = 71$;   c) $x + 44 = 81$.

4 Một cửa hàng có 51kg táo, đã bán 26kg táo. Hỏi cửa hàng đó còn lại bao nhiêu ki-lô-gam táo ?

5 + / – ?

9 ... 6 = 15   16 ... 10 = 6   11 ... 8 = 3

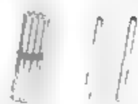
11 ... 6 = 5   10 ... 5 = 5   8 ... 8 = 16

11 ... 2 = 9   8 ... 6 = 14   7 ... 5 = 12



12 TRỪ ĐI MỘT SỐ
12 - 8

12 – 8 = ?



$$\begin{array}{r} 12 \\ -\ \ 8 \\ \hline 4 \end{array}$$

12 – 8 = ...

12 – 3 = ...
12 – 4 = ...
12 – 5 = ...
12 – 6 = ...
12 – 7 = ...
12 – 8 = ...
12 – 9 = ...

1 Tính nhẩm :

a)
9 + 3 =　　8 + 4 =　　7 + 5 =　　6 + 6 =
3 + 9 =　　4 + 8 =　　5 + 7 =　　12 – 6 =
12 – 9 =　　12 – 8 =　　12 – 7 =
12 – 3 =　　12 – 4 =　　12 – 5 =

b)
12 – 2 – 7 =　　12 – 2 – 5 =　　12 – 2 – 6 =
12 – 9 =　　12 – 7 =　　12 – 8 =

2 Tính :

$$\begin{array}{r} 12 \\ -\ \ 5 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 12 \\ -\ \ 6 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 12 \\ -\ \ 8 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 12 \\ -\ \ 7 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 12 \\ -\ \ 4 \\ \hline \end{array}$$

3 Đặt tính rồi tính hiệu, biết số bị trừ và số trừ lần lượt là :

a) 12 và 7 ;　　b) 12 và 3 ;　　c) 12 và 9.

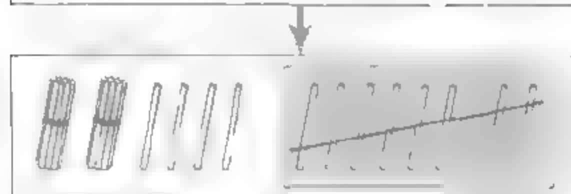
4 Có 12 quyển vở, trong đó có 6 quyển vở bìa đỏ, còn lại là vở bìa xanh. Hỏi có mấy quyển vở bìa xanh ?

32 - 8



32 – 8 = ?





32 – 8 = ...

$$\begin{array}{r} 32 \\ -\quad 8 \\ \hline 24 \end{array}$$

- 2 không trừ được 8, lấy 12 trừ 8 bằng 4, viết 4, nhớ 1.
- 3 trừ 1 bằng 2, viết 2.

1 Tính :

$\begin{array}{r} 52 \\ -\ 9 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 82 \\ -\ 4 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 22 \\ -\ 3 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 62 \\ -\ 7 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 42 \\ -\ 6 \\ \hline \end{array}$
$\begin{array}{r} 32 \\ -\ 5 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 72 \\ -\ 8 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 12 \\ -\ 9 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 52 \\ -\ 3 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 92 \\ -\ 4 \\ \hline \end{array}$

2 Đặt tính rồi tính hiệu, biết số bị trừ và số trừ lần lượt là :

a) 72 và 7 ; b) 42 và 6 ; c) 62 và 8.

3 Hoa có 22 nhãn vở, Hoa cho bạn 9 nhãn vở. Hỏi Hoa còn lại bao nhiêu nhãn vở ?

4 Tìm x :

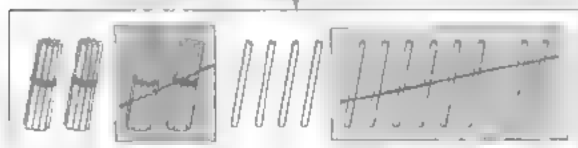
a) $x + 7 = 42$; b) $5 + x = 62$.



52 - 28

52 – 28 = ?





52 – 28 = ...

$$\begin{array}{r} 52 \\ -\ 28 \\ \hline 24 \end{array}$$

- 2 không trừ được 8, lấy 12 trừ 8 bằng 4, viết 4, nhớ 1.
- 2 thêm 1 bằng 3, 5 trừ 3 bằng 2, viết 2.

1 Tính :

$$\begin{array}{r} 62 \\ -\ 19 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 32 \\ -\ 16 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 82 \\ -\ 37 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 92 \\ -\ 23 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 72 \\ -\ 28 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 42 \\ -\ 18 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 52 \\ -\ 14 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 22 \\ -\ 9 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 62 \\ -\ 25 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 82 \\ -\ 77 \\ \hline \end{array}$$

2 Đặt tính rồi tính hiệu, biết số bị trừ và số trừ lần lượt là :

a) 72 và 27 ; b) 82 và 38 ; c) 92 và 55.

3 Đội Hai trồng được 92 cây, đội Một trồng được ít hơn đội Hai 38 cây. Hỏi đội Một trồng được bao nhiêu cây ?



LUYỆN TẬP

1 Tính nhẩm :

12 – 3 =	12 – 5 =	12 – 7 =	12 – 9 =
12 – 4 =	12 – 6 =	12 – 8 =	12 – 10 =

2 Đặt tính rồi tính :

a) 62 – 27 ; 72 – 15 ; 32 – 8

b) 53 + 19 ; 36 + 36 ; 25 + 27.

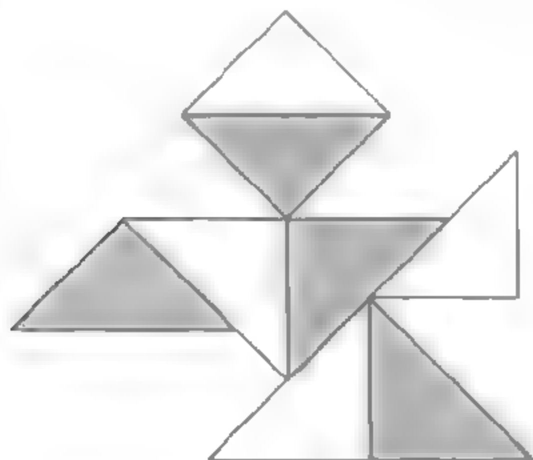
3 Tìm x :

a) $x + 18 = 52$; b) $x + 24 = 62$; c) $27 + x = 82$.

4 Vừa gà vừa thỏ có 42 con, trong đó có 18 con thỏ. Hỏi có bao nhiêu con gà ?

5 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng :

Có bao nhiêu hình tam giác ?



A. Có 7 hình tam giác

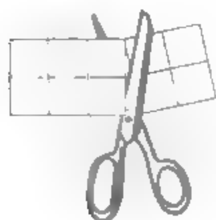
B. Có 8 hình tam giác

C. Có 9 hình tam giác

D. Có 10 hình tam giác



TÌM SỐ BỊ TRỪ



Số bị trừ : x

Số trừ : 4

Hiệu : 6

$x - 4 = 6$

$x = 6 + 4$

$x = 10$

10 – 4 = 6

10 = 6 + 4

Muốn tìm số bị trừ ta lấy hiệu cộng với số trừ.

1 Tìm x :

a) $x - 4 = 8$; b) $x - 9 = 18$; c) $x - 10 = 25$

d) $x - 8 = 24$; e) $x - 7 = 21$; g) $x - 12 = 36$.

2 Viết số thích hợp vào ô trống :

Số bị trừ	11				
Số trừ	4	12	34	27	48
Hiệu		9	15	35	46



3 Số ?

□ —2→ (5)   □ —4→ (6)   □ —5→ (0)

4 a) Vẽ đoạn thẳng AB và đoạn thẳng CD.

b) Đoạn thẳng AB và đoạn thẳng CD cắt nhau tại một điểm. Hãy ghi tên điểm đó.

C •   • B

A •   • D

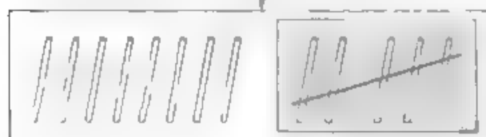
13 TRỪ ĐI MỘT SỐ
13 - 5



13 – 5 = ?



$$\begin{array}{r} 13 \\ - 5 \\ \hline 8 \end{array}$$



13 – 5 = ...

13 – 4 = ...
13 – 5 = ...
13 – 6 = ...
13 – 7 = ...
13 – 8 = ...
13 – 9 = ...

1 Tính nhẩm :

a) 9 + 4 =   8 + 5 =   7 + 6 =
4 + 9 =   5 + 8 =   6 + 7 =
13 – 9 =   13 – 8 =   13 – 7 =
13 – 4 =   13 – 5 =   13 – 6 =

b) 13 – 3 – 5 =   13 – 3 – 1 =   13 – 3 – 4 =
13 – 8 =   13 – 4 =   13 – 7 =

2 Tính :

$$\begin{array}{r} 13 \\ - 6 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 13 \\ - 9 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 13 \\ - 7 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 13 \\ - 4 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 13 \\ - 5 \\ \hline \end{array}$$

3 Đặt tính rồi tính hiệu, biết số bị trừ và số trừ lần lượt là :

a) 13 và 9 ;   b) 13 và 6 ;   c) 13 và 8.

4 Cửa hàng có 13 xe đạp, đã bán 6 xe đạp. Hỏi cửa hàng còn lại mấy xe đạp ?



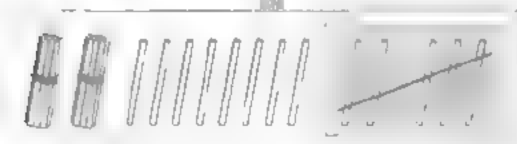
33 - 5

33 – 5 = ?



$$\begin{array}{r} 33 \\ - \;\; 5 \\ \hline 28 \end{array}$$

- 3 không trừ được 5, lấy 13 trừ 5 bằng 8, viết 8, nhớ 1.
- 3 trừ 1 bằng 2, viết 2.



33 – 5 = ...

1 Tính :

$$\begin{array}{r} 63 \\ - \;\; 9 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 23 \\ - \;\; 6 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 53 \\ - \;\; 8 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 73 \\ - \;\; 4 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 83 \\ - \;\; 7 \\ \hline \end{array}$$

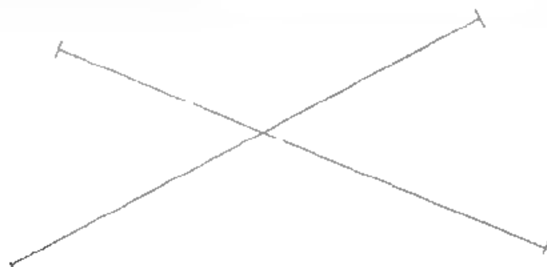
2 Đặt tính rồi tính hiệu, biết số bị trừ và số trừ lần lượt là :

a) 43 và 5 ; b) 93 và 9 ; c) 33 và 6.

3 Tìm x :

a) $x + 6 = 33$; b) $8 + x = 43$; c) $x - 5 = 53$.

4 Hãy vẽ 9 chấm tròn trên hai đoạn thẳng cắt nhau, sao cho mỗi đoạn thẳng đều có 5 chấm tròn.



53 - 15



53 – 15 = ?

$$\begin{array}{r} 53 \\ -\ 15 \\ \hline 38 \end{array}$$

- 3 không trừ được 5, lấy 13 trừ 5 bằng 8, viết 8, nhớ 1.
- 1 thêm 1 bằng 2, 5 trừ 2 bằng 3 viết 3.

53 – 15 = ...

1 Tính :

$$\begin{array}{r} 83 \\ -\ 19 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 43 \\ -\ 28 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 93 \\ -\ 54 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 63 \\ -\ 36 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 73 \\ -\ 27 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 53 \\ -\ 18 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 33 \\ -\ 25 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 63 \\ -\ 47 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 23 \\ -\ 15 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 83 \\ -\ 38 \\ \hline \end{array}$$

2 Đặt tính rồi tính hiệu, biết số bị trừ và số trừ lần lượt là :

a) 63 và 24 ; b) 83 và 39 ; c) 53 và 17.

3 Tìm x :

a) $x - 18 = 9$; b) $x + 26 = 73$; c) $35 + x = 83$.

4 Vẽ hình theo mẫu :



Mẫu





LUYỆN TẬP

1 **Tính nhẩm :**

13 – 4 =	13 – 6 =	13 – 8 =
13 – 5 =	13 – 7 =	13 – 9 =

2 **Đặt tính rồi tính :**

a) 63 – 35 ;	73 – 29 ;	33 – 8
b) 93 – 46 ;	83 – 27 ;	43 – 14.

3 **Tính :**

33 – 9 – 4 =	63 – 7 – 6 =	42 – 8 – 4 =
33 – 13 =	63 – 13 =	42 – 12 =

4 Cô giáo có 63 quyển vở, cô đã phát cho học sinh 48 quyển vở. Hỏi cô giáo còn bao nhiêu quyển vở ?

5 **Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng :**

$$\begin{array}{r} 43 \\ -\ \ 26 \\ \hline \end{array}$$

Kết quả của phép tính trên là :

A. 27

B. 37

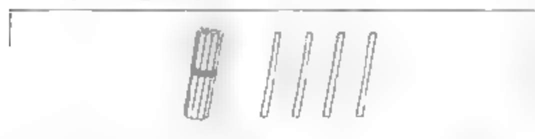
C. 17

D. 69



14 TRỪ ĐI MỘT SỐ
14 - 8

14 – 8 = ?



$$\begin{array}{r} 14 \\ -\ 8 \\ \hline 6 \end{array}$$



14 – 8 = ...

14 – 5 = ...
14 – 6 = ...
14 – 7 = ...
14 – 8 = ...
14 – 9 = ...

1 Tính nhẩm :

a) 9 + 5 =   8 + 6 =   7 + 7 =
5 + 9 =   6 + 8 =   14 – 7 =
14 – 9 =   14 – 8 =   14 – 4 =
14 – 5 =   14 – 6 =   14 – 10 =

b) 14 – 4 – 2 =   14 – 4 – 5 =   14 – 4 – 1 =
14 – 6 =   14 – 9 =   14 – 5 =

2 Tính :

$$\begin{array}{r} 14 \\ -\ 6 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 14 \\ -\ 9 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 14 \\ -\ 7 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 14 \\ -\ 5 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 14 \\ -\ 8 \\ \hline \end{array}$$

3 Đặt tính rồi tính hiệu, biết số bị trừ và số trừ lần lượt là :

a) 14 và 5 ;   b) 14 và 7 ;   c) 12 và 9

4 Một cửa hàng có 14 quạt điện, đã bán 6 quạt điện. Hỏi cửa hàng đó còn lại mấy quạt điện ?



34 - 8

$$\begin{array}{r} 34 \\ -\quad 8 \\ \hline 26 \end{array}$$

- 4 không trừ được 8, lấy 14 trừ 8 bằng 6, viết 6, nhớ 1.
- 3 trừ 1 bằng 2, viết 2.

1 Tính :

a) $\begin{array}{r} 94 \\ -\quad 7 \\ \hline \end{array}$ $\quad$ $\begin{array}{r} 64 \\ -\quad 5 \\ \hline \end{array}$ $\quad$ $\begin{array}{r} 44 \\ -\quad 9 \\ \hline \end{array}$ $\quad$ $\begin{array}{r} 84 \\ -\quad 6 \\ \hline \end{array}$ $\quad$ $\begin{array}{r} 24 \\ -\quad 8 \\ \hline \end{array}$

b) $\begin{array}{r} 72 \\ -\quad 9 \\ \hline \end{array}$ $\quad$ $\begin{array}{r} 53 \\ -\quad 8 \\ \hline \end{array}$ $\quad$ $\begin{array}{r} 74 \\ -\quad 6 \\ \hline \end{array}$ $\quad$ $\begin{array}{r} 31 \\ -\quad 5 \\ \hline \end{array}$ $\quad$ $\begin{array}{r} 34 \\ -\quad 4 \\ \hline \end{array}$

2 Đặt tính rồi tính hiệu, biết số bị trừ và số trừ lần lượt là :

a) 64 và 6 ; $\qquad$ b) 84 và 8 ; $\qquad$ c) 94 và 9.

3 Nhà bạn Hà nuôi 34 con gà, nhà bạn Ly nuôi ít hơn nhà bạn Hà 9 con gà. Hỏi nhà bạn Ly nuôi bao nhiêu con gà ?

4 Tìm x :

a) $x + 7 = 34$; $\qquad$ b) $x - 14 = 36$.



54 - 18

$$\begin{array}{r} 54 \\ -\ 18 \\ \hline 36 \end{array}$$

- 4 khong tru duoc 8 ay 14 tru 8 bang 6, viet 6, nho 1.
- 1 thêm 1 bang 2, 5 tru 2 bang 3, viêt 3

1 Tính :

a)

$$\begin{array}{r} 74 \\ -\ 26 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 24 \\ -\ 17 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 84 \\ -\ 39 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 64 \\ -\ 15 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 44 \\ -\ 28 \\ \hline \end{array}$$

b)

$$\begin{array}{r} 34 \\ -\ 17 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 94 \\ -\ 49 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 93 \\ -\ 75 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 54 \\ -\ 26 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 72 \\ -\ 34 \\ \hline \end{array}$$

2 Đat tinh rồi tinh hiêu, biêt số bi tru va sô trừ lần lượt la :

a) 74 và 47 ; b) 64 và 28 ; c) 44 và 19.

3 Manh va mau xanh da 34dm, manh vai mau tim ngan hon manh va mau xanh 15dm Hoi manh vai mau tim dai bao nhieu de-xi-met ?

4 Vẽ hinh theo mâu :



Mẫu





LUYỆN TẬP

1 Tính nhẩm :

14 – 5 = 　　　　14 – 7 = 　　　　14 – 9 =

14 – 6 = 　　　　14 – 8 = 　　　　13 – 9 =

2 Đặt tính rồi tính :

a) 84 – 47 ; 　　　　30 – 6 ; 　　　　74 – 49

b) 62 – 28 ; 　　　　83 – 45 ; 　　　　60 – 12.

3 Tìm x :

a) $x - 24 = 34$; 　　　　b) $x + 18 = 60$; 　　　　c) $25 + x = 84$.

4 Một cửa hàng đồ chơi có 84 ô tô và máy bay, trong đó có 45 ô tô. Hỏi cửa hàng đó có bao nhiêu máy bay ?

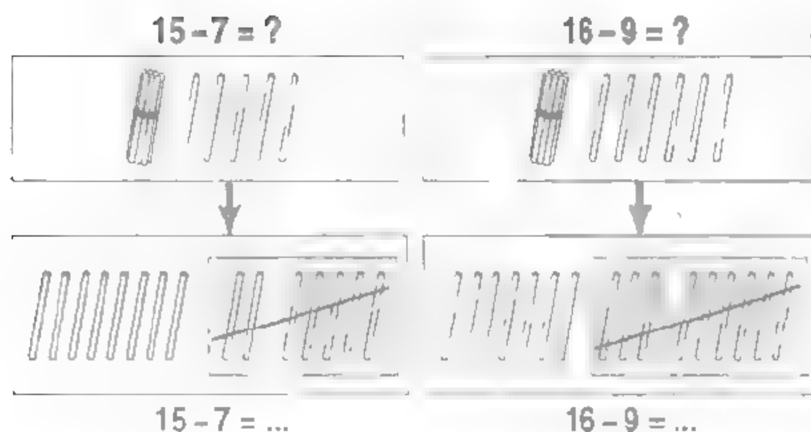
5 Vẽ hình theo mẫu :



Mẫu

15, 16, 17, 18 TRỪ ĐI MỘT SỐ





15 – 6 = ...
15 – 7 = ...
15 – 8 = ...
15 – 9 = ...
16 – 7 = ...
16 – 8 = ...
16 – 9 = ...
17 – 8 = ...
17 – 9 = ...
18 – 9 = ...

1 Tính :

a)	15 – 8	15 – 9	15 – 7	15 – 6	15 – 5
b)	16 – 9	16 – 7	16 – 8	17 – 8	17 – 9
c)	18 – 9	13 – 7	12 – 8	14 – 6	20 – 8

2 Mỗi số 7, 8, 9 là kết quả của phép tính nào ?

15 – 6   17 – 8   18 – 9

15 – 8   7   9   8   15 – 7

16 – 9   17 – 9   16 – 8



55 - 8 ; 56 - 7 ; 37 - 8 ; 68 - 9

$$\begin{array}{r} 55 \\ - \quad 8 \\ \hline 47 \end{array}$$

- 5 không trừ được 8, lấy 15 trừ 8 bằng 7, viết 7, nhớ 1.
- 5 trừ 1 bằng 4, viết 4.

$$\begin{array}{r} 56 \\ - \quad 7 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 37 \\ - \quad 8 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 68 \\ - \quad 9 \\ \hline \end{array}$$

1 Tính :

a) $\begin{array}{r} 45 \\ - \quad 9 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 75 \\ - \quad 6 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 95 \\ - \quad 7 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 65 \\ - \quad 8 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 15 \\ - \quad 9 \\ \hline \end{array}$

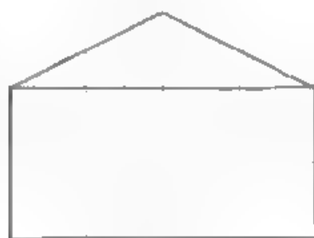
b) $\begin{array}{r} 66 \\ - \quad 7 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 96 \\ - \quad 9 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 36 \\ - \quad 8 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 56 \\ - \quad 9 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 46 \\ - \quad 7 \\ \hline \end{array}$

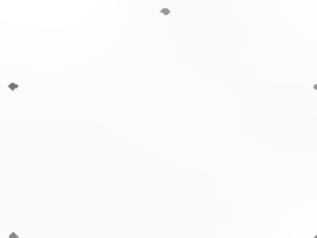
c) $\begin{array}{r} 87 \\ - \quad 9 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 77 \\ - \quad 8 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 48 \\ - \quad 9 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 58 \\ - \quad 9 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 35 \\ - \quad 7 \\ \hline \end{array}$

2 Tìm x :

a) $x + 9 = 27$; b) $7 + x = 35$; c) $x + 8 = 46$.

3 Vẽ hình theo mẫu :





Mẫu

65 - 38 ; 46 - 17 ; 57 - 28 ; 78 - 29



$$\begin{array}{r} 65 \\ -\ 38 \\ \hline 27 \end{array}$$

- 5 không trừ được 8, lấy 15 trừ 8 bằng 7, viết 7, nhớ 1
- 3 thêm 1 bằng 4, 6 trừ 4 bằng 2, viết 2.

$$\begin{array}{r} 46 \\ -\ 17 \\ \hline \dots \end{array} \qquad \begin{array}{r} 57 \\ -\ 28 \\ \hline \dots \end{array} \qquad \begin{array}{r} 78 \\ -\ 29 \\ \hline \dots \end{array}$$

1 Tính :

a)

$$\begin{array}{r} 85 \\ -\ 27 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 55 \\ -\ 18 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 95 \\ -\ 46 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 75 \\ -\ 39 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 45 \\ -\ 37 \\ \hline \end{array}$$

b)

$$\begin{array}{r} 96 \\ -\ 48 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 86 \\ -\ 27 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 66 \\ -\ 19 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 76 \\ -\ 28 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 56 \\ -\ 39 \\ \hline \end{array}$$

c)

$$\begin{array}{r} 98 \\ -\ 19 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 88 \\ -\ 39 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 48 \\ -\ 29 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 87 \\ -\ 39 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 77 \\ -\ 48 \\ \hline \end{array}$$

2 Số ?

86 → −6 → ☐ → −10 → ◯

77 → −7 → ☐ → −9 → ☐

58 → −9 → ☐ → −9 → ◯

72 → −8 → ☐ → −5 → ☐

3 Năm nay bà 65 tuổi, mẹ kém bà 27 tuổi. Hỏi năm nay mẹ bao nhiêu tuổi ?



LUYỆN TẬP

1 Tính nhẩm :

15 – 6 =	14 – 8 =	15 – 8 =	15 – 9 =
16 – 7 =	15 – 7 =	14 – 6 =	16 – 8 =
17 – 8 =	16 – 9 =	17 – 9 =	14 – 5 =
18 – 9 =	13 – 6 =	13 – 7 =	13 – 9 =

2 Tính nhẩm :

15 – 5 – 1 =	16 – 6 – 3 =	17 – 7 – 2 =
15 – 6 =	16 – 9 =	17 – 9 =

3 Đặt tính rồi tính :

a) 35 – 7 ; 72 – 36

b) 81 – 9 ; 50 – 17.

4 Mẹ vắt được 50*l* sữa bò, chị vắt được ít hơn mẹ 18*l* sữa bò. Hỏi chị vắt được bao nhiêu lít sữa bò ?

5 Xếp 4 hình tam giác thành hình cánh quạt (xem hình vẽ) :



BẢNG TRỪ



1. Tính nhẩm :

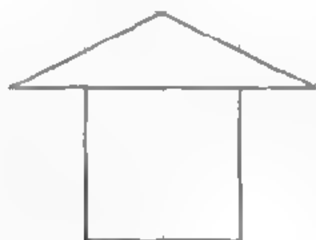
11 – 2 =	12 – 3 =	13 – 4 =
11 – 3 =	12 – 4 =	13 – 5 =
11 – 4 =	12 – 5 =	13 – 6 =
11 – 5 =	12 – 6 =	13 – 7 =
11 – 6 =	12 – 7 =	13 – 8 =
11 – 7 =	12 – 8 =	13 – 9 =
11 – 8 =	12 – 9 =	
11 – 9 =		

14 – 5 =	15 – 6 =	16 – 7 =	17 – 8 =
14 – 6 =	15 – 7 =	16 – 8 =	17 – 9 =
14 – 7 =	15 – 8 =	16 – 9 =	
14 – 8 =	15 – 9 =		18 – 9 =
14 – 9 =			

2. Tính :

5 + 6 – 8 =	9 + 8 – 9 =	3 + 9 – 6 =
8 + 4 – 5 =	6 + 9 – 8 =	7 + 7 – 9 =

3. Vẽ hình theo mẫu :



Mẫu





LUYỆN TẬP

1 Tính nhẩm :

18 – 9 =	16 – 8 =	14 – 7 =	17 – 9 =
17 – 8 =	15 – 7 =	13 – 6 =	12 – 8 =
16 – 7 =	14 – 6 =	12 – 5 =	16 – 6 =
15 – 6 =	13 – 5 =	11 – 4 =	14 – 5 =
12 – 3 =	12 – 4 =	10 – 3 =	11 – 3 =

2 Đặt tính rồi tính :

a) 35 – 8 ;　　57 – 9 ;　　63 – 5

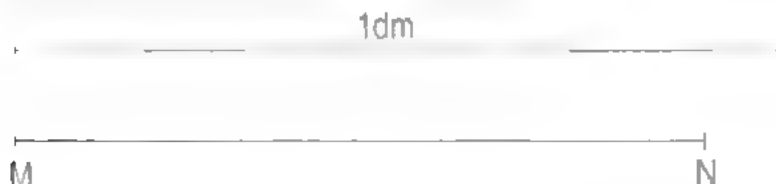
b) 72 – 34 ;　　81 – 45 ;　　94 – 36.

3 Tìm x :

a) $x + 7 = 21$;　　b) $8 + x = 42$;　　c) $x - 15 = 15$.

4 Thùng to có 45kg đường, thùng bé có ít hơn thùng to 6kg đường. Hỏi thùng bé có bao nhiêu ki-lô-gam đường ?

5 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng :



Đoạn thẳng MN dài khoảng mấy xăng-ti-mét ?

A. Khoảng 7cm　　C. Khoảng 9cm

B. Khoảng 8cm　　D. Khoảng 10cm

100 TRỪ ĐI MỘT SỐ



a) 100 − 36 = ?

$$\begin{array}{r} 100 \\ -\ \ 36 \\ \hline 064 \end{array}$$

100 − 36 = 64

- 0 không trừ được 6, lấy 10 trừ 6 bằng 4, viết 4, nhớ 1.
- 3 thêm 1 bằng 4, 0 không trừ được 4, lấy 10 trừ 4 bằng 6, viết 6, nhớ 1.
- 1 trừ 1 bằng 0, viết 0.

b) 100 − 5 = ?

$$\begin{array}{r} 100 \\ -\ \ \ 5 \\ \hline 095 \end{array}$$

100 − 5 = 95

- 0 không trừ được 5, lấy 10 trừ 5 bằng 5, viết 5, nhớ 1.
- 0 không trừ được 1, lấy 10 trừ 1 bằng 9, viết 9, nhớ 1.
- 1 trừ 1 bằng 0, viết 0.

1 Tính :

$$\begin{array}{r} 100 \\ -\ \ \ 4 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 100 \\ -\ \ \ 9 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 100 \\ -\ \ 22 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 100 \\ -\ \ \ 3 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 100 \\ -\ \ 69 \\ \hline \end{array}$$

2 Tính nhẩm (theo mẫu) :

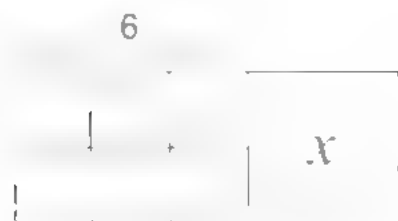
100 − 20 =
100 − 70 =
100 − 40 =
100 − 10 =

Mẫu : 100 − 20 = ?
Nhẩm : 10 chục − 2 chục = 8 chục
Vậy : 100 − 20 = 80

3 Một cửa hàng buổi sáng bán được 100 hộp sữa, buổi chiều bán được ít hơn buổi sáng 24 hộp sữa. Hỏi buổi chiều cửa hàng đó bán được bao nhiêu hộp sữa ?



TÌM SỐ TRỪ



10

$10 - x = 6$

Số bị trừ : 10 — $10 - x = 6$

Số trừ : x — $x = 10 - 6$

Hiệu : 6 — $x = 4$

Muốn tìm số trừ ta lấy số bị trừ trừ đi hiệu.

1 Tìm x :

a) $15 - x = 10$; $15 - x = 8$; $42 - x = 5$

b) $32 - x = 14$; $32 - x = 18$; $x - 14 = 18$.

2 Viết số thích hợp vào ô trống :

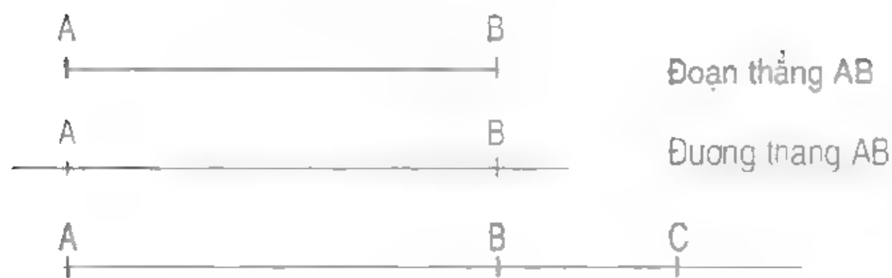
Số bị trừ	75	84	58	72	
Số trừ	36				37
Hiệu		60	34	19	18



3 Một bến xe có 35 ô tô, sau khi một số ô tô rời bến, trong bến còn lại 10 ô tô. Hỏi có bao nhiêu ô tô đã rời bến ?



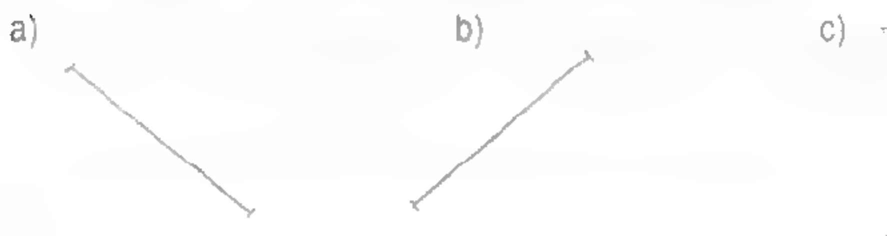
ĐƯỜNG THẲNG



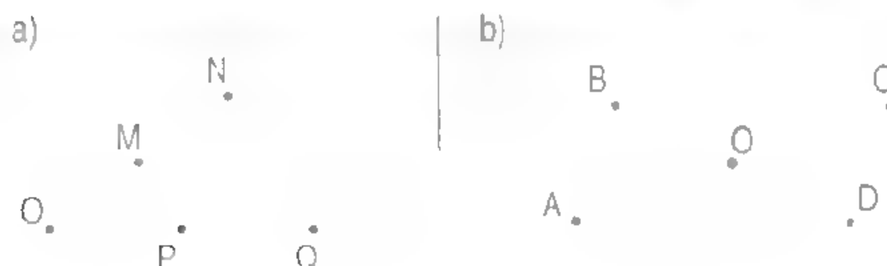
Ba điểm A, B, C cùng nằm trên một đường thẳng

A, B, C là *ba điểm thẳng hàng*.

1 Vẽ các đoạn thẳng như hình dưới đây. Dùng thước thẳng và bút kéo dài các đoạn thẳng về hai phía để được đường thẳng rồi ghi tên các đường thẳng đó :



2 **Nêu tên ba điểm thẳng hàng** (dùng thước thẳng để kiểm tra).





LUYỆN TẬP

1 Tính nhẩm :

12 – 7 =	11 – 8 =	14 – 9 =	16 – 8 =
14 – 7 =	13 – 8 =	15 – 9 =	17 – 8 =
16 – 7 =	15 – 8 =	17 – 9 =	18 – 9 =

2 Tính :

$\begin{array}{r} 56 \\ -\ 18 \\ \hline \end{array}$ $\quad$ $\begin{array}{r} 74 \\ -\ 29 \\ \hline \end{array}$ $\quad$ $\begin{array}{r} 88 \\ -\ 39 \\ \hline \end{array}$ $\quad$ $\begin{array}{r} 40 \\ -\ 11 \\ \hline \end{array}$ $\quad$ $\begin{array}{r} 93 \\ -\ 37 \\ \hline \end{array}$

$\begin{array}{r} 38 \\ -\ 9 \\ \hline \end{array}$ $\quad$ $\begin{array}{r} 64 \\ -\ 27 \\ \hline \end{array}$ $\quad$ $\begin{array}{r} 71 \\ -\ 35 \\ \hline \end{array}$ $\quad$ $\begin{array}{r} 66 \\ -\ 8 \\ \hline \end{array}$ $\quad$ $\begin{array}{r} 80 \\ -\ 23 \\ \hline \end{array}$

3 Tìm x :

a) $32 - x = 18$; $\qquad$ b) $20 - x = 2$; $\qquad$ c) $x - 17 = 25$.

4 Vẽ đường thẳng :

a) Đi qua hai điểm M, N. $\qquad$ b) Đi qua điểm O.

M $\qquad$ N $\qquad\qquad$ O

c) Đi qua hai trong ba điểm A, B, C.

A

B $\qquad\qquad$ C

LUYỆN TẬP CHUNG



1 Tính nhẩm :

16 – 7 =	12 – 6 =	10 – 8 =	13 – 6 =
11 – 7 =	13 – 7 =	17 – 8 =	15 – 7 =
14 – 8 =	15 – 6 =	11 – 4 =	12 – 3 =

2 Đặt tính rồi tính :

a) 32 – 25 ; 61 – 19 ; 44 – 8

b) 53 – 29 ; 94 – 57 ; 30 – 6.

3 Tính :

42 – 12 – 8 = 36 + 14 – 28 =

58 – 24 – 6 = 72 – 36 + 24 =

4 Tìm x :

a) $x + 14 = 40$; b) $x - 22 = 38$; c) $52 - x = 17$.

5 Băng giấy màu đỏ dài 65cm, băng giấy màu xanh ngắn hơn băng giấy màu đỏ 17cm. Hỏi băng giấy màu xanh dài bao nhiêu xăng-ti-mét ?



NGÀY, GIỜ

- Một ngày có 24 giờ
- 24 giờ trong một ngày được tính từ 12 giờ đêm hôm trước đến 12 giờ đêm hôm sau.

SÁNG	1 giờ sáng, 2 giờ sáng, 3 giờ sáng, 4 giờ sáng, 5 giờ sáng, 6 giờ sáng, 7 giờ sáng, 8 giờ sáng, 9 giờ sáng, 10 giờ sáng
TRƯA	11 giờ trưa, 12 giờ trưa.
CHIỀU	1 giờ chiều (13 giờ), 2 giờ chiều (14 giờ), 3 giờ chiều (15 giờ) 4 giờ chiều (16 giờ), 5 giờ chiều (17 giờ), 6 giờ chiều (18 giờ)
TỐI	7 giờ tối (19 giờ), 8 giờ tối (20 giờ), 9 giờ tối (21 giờ)
ĐÊM	10 giờ đêm (22 giờ), 11 giờ đêm (23 giờ), 12 giờ đêm (24 giờ)

1 Số ?



Em tập thể dục lúc ... giờ sáng.



Mẹ em đi làm về lúc ... giờ trưa.

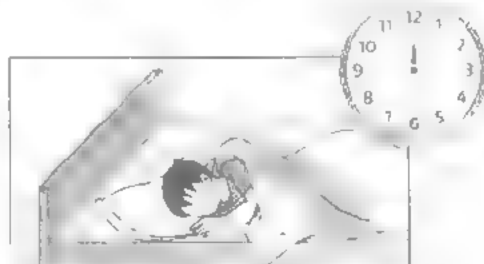


Em chơi bóng lúc ... giờ chiều.





Lúc ... giờ tối em xem phim truyền hình.



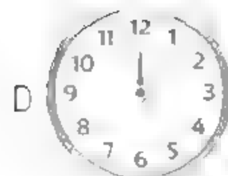
Lúc ... giờ đêm em đang ngủ.

2 Đồng hồ nào chỉ thời gian thích hợp với giờ ghi trong tranh ?

A 

B 

C 

D 

Em vào học lúc 7 giờ sáng.





Em chơi thả diều lúc 17 giờ.





Em đọc truyện lúc 8 giờ tối.



Em ngủ lúc 10 giờ đêm



3 Viết tiếp vào chỗ chấm (theo mẫu) :





15 giờ hay 3 giờ chiều.





20 giờ hay ... giờ tối.

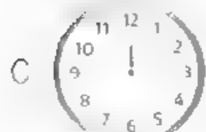


THỰC HÀNH XEM ĐỒNG HỒ

1 Đồng hồ nào chỉ thời gian thích hợp với giờ ghi trong tranh ?

A 

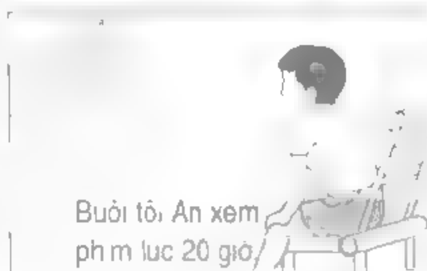
B 

C 

D 









2 Câu nào đúng ? Câu nào sai ?







a) Đi học đúng giờ.
b) Đi học muộn giờ.

c) Cửa hàng đã mở cửa.
d) Cửa hàng đóng cửa.

e) Lan tập đàn lúc 20 giờ.
g) Lan tập đàn lúc 8 giờ sáng.

3 Quay kim trên mặt đồng hồ để đồng hồ chỉ :

8 giờ ; 11 giờ ; 14 giờ ; 18 giờ ; 23 giờ.

NGÀY, THÁNG



Đây là tờ lịch tháng 11 :

	THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU	THỨ BẢY	CHỦ NHẬT
11						1	**2**
	3	4	5	6	7	8	**9**
	10	11	12	13	14	15	**16**
	17	18	19	20	21	22	**23**
	24	25	26	27	28	29	**30**

Tháng 11 có 30 ngày.

1 Đọc, viết (theo mẫu) :

Đọc	Viết
Ngày bảy tháng mười một	Ngày 7 tháng 11
Ngày mười lăm tháng mười một	
	Ngày 20 tháng 11
	Ngày 30 tháng 11

2 a) Nêu tiếp các ngày còn thiếu trong tờ lịch tháng 12.

	THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU	THỨ BẢY	CHỦ NHẬT
12	1			4	5		**7**
		9	10			13	**14**
		16		18	19		**21**
	22			25	26		**28**
	29		31				

Tháng 12 có 31 ngày.

b) Xem tờ lịch trên rồi cho biết :

- Ngày 22 tháng 12 là thứ mấy ? Ngày 25 tháng 12 là thứ mấy ?
- Trong tháng 12 có mấy ngày chủ nhật ? Đó là các ngày nào ?
- Tuần này, thứ sáu là ngày 19 tháng 12. Tuần sau, thứ sáu là ngày nào ?



THUC HANH XEM LICH

1 Neu tiep cac ngay con thiêu trong tơ lịch thang 1 :

1	THU HAI	THU BA	THU TU	THU NAM	THU SAU	THU BAY	CHU NHAT
				1	2	3	
	5		7	8			11
			14		16	17	
		20		22	23		
	26			29		31	

Thang 1 co 31 ngay.

2) Đây là tờ lịch tháng 4 :

4	THU HAI	THU BA	THU TU	THU NAM	THU SAU	THU BAY	CHU NHAT
				1	2	3	4
	5	6	7	8	9	10	11
	12	13	14	15	16	17	18
	19	20	21	22	23	24	25
	26	27	28	29	30		

Thang 4 co 30 ngay.

Xem tơ lịch trên rồi cho biêt :

– Cac ngay thu sau trong thang 4 la cac ngay nao ?

Thu ba tuan nay la ngay 20 thang 4. Thu ba tuan truoc la ngay nao ?

Thu ba tuân sau la ngay nào ?

– Ngay 30 thang 4 là ngay thu mây ?



LUYỆN TẬP CHUNG

1 Đồng hồ nào ứng với mỗi câu sau ?

A 

B 

C 

D 

a) Em tưới cây lúc 5 giờ chiều.

b) Em đang học ở trường lúc 8 giờ sáng.

c) Cả nhà em ăn cơm lúc 6 giờ chiều.

d) Em đi ngủ lúc 21 giờ.

2 a) Nêu tiếp các ngày còn thiếu trong tờ lịch tháng 5 :

5

THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU	THỨ BẢY	CHỦ NHẬT
					1	2
		5	6	7	8	
	11	12				16
17					22	23
		26	27			30
31						

Tháng 5 có 31 ngày.

b) Xem tờ lịch trên rồi cho biết :

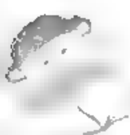
– Ngày 1 tháng 5 là ngày thứ mấy ?
  Các ngày thứ bảy trong tháng 5 là ngày nào ?

– Thứ tư tuần này là ngày 12 tháng 5. Thứ tư tuần trước là ngày nào ?
  Thứ tư tuần sau là ngày nào ?

3 Quay kim trên mặt đồng hồ để đồng hồ chỉ :

8 giờ sáng ;	2 giờ chiều ;	9 giờ tối
20 giờ ;	21 giờ ;	14 giờ.

4. ÔN TẬP



ÔN TẬP VỀ PHÉP CỘNG VÀ PHÉP TRỪ

1 Tính nhẩm :

9 + 7 =	8 + 4 =	6 + 5 =	2 + 9 =
7 + 9 =	4 + 8 =	5 + 6 =	9 + 2 =
16 – 9 =	12 – 8 =	11 – 6 =	11 – 2 =
16 – 7 =	12 – 4 =	11 – 5 =	11 – 9 =

2 Đặt tính rồi tính :

a) 38 + 42 ; 47 + 35 ; 36 + 64

b) 81 – 27 ; 63 – 18 ; 100 – 42

3 Số ?

a) (9) —+1→ □ —+7→ ( )

9 + 8 =

b) (7) —+3→ □ —+5→ ( )

7 + 8 =

c) 9 + 6 =

9 + 1 + 5 =

d) 6 + 5 =

6 + 4 + 1 =

4 Lop 2A trong duoc 48 cay, lop 2B trong duoc nhieu hon lop 2A 12 cây Hoi lop 2B trông duoc bao nhieu cay ?

5 Số ?

a) 72 + □ = 72 ; b) 85 – □ = 85.

ÔN TẬP VỀ PHÉP CỘNG VÀ PHÉP TRỪ (tiếp theo)



1 Tính nhẩm :

12 – 6 =	6 + 6 =	17 – 9 =	5 + 7 =
9 + 9 =	13 – 5 =	8 + 8 =	13 – 8 =
14 – 7 =	8 + 7 =	11 – 8 =	2 + 9 =
17 – 8 =	16 – 8 =	4 + 7 =	12 – 6 =

2 Đặt tính rồi tính :

a) 68 + 27 ; 56 + 44 ; 82 – 48

b) 90 – 32 ; 71 – 25 ; 100 – 7.

3 **Số** ?

a) [17] —(– 3)→ [ ] —(– 6)→ ( )

17 – 9 =

b) [15] —(– 4)→ [ ] —(– 2)→ ( )

15 – 6 =

c) 16 – 9 =

16 – 6 – 3 =

d) 14 – 8 =

14 – 4 – 4 =

4 Thùng lớn đựng được 60*l* nước, thùng bé đựng được ít hơn thùng lớn 22*l* nước. Hỏi thùng bé đựng được bao nhiêu lít nước ?

5 Viết phép cộng có tổng bằng một số hạng.



ÔN TẬP VỀ PHÉP CỘNG VÀ PHÉP TRỪ (tiếp theo)

1 Tính nhẩm :

a) 5 + 9 =	8 + 6 =	3 + 9 =	2 + 9 =
9 + 5 =	6 + 8 =	3 + 8 =	4 + 8 =
b) 14 – 7 =	12 – 6 =	14 – 5 =	15 – 9 =
16 – 8 =	18 – 9 =	17 – 8 =	13 – 7 =

2 Đặt tính rồi tính :

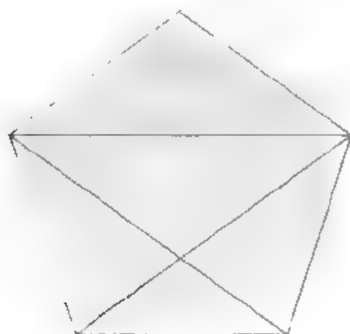
a) 36 + 36 ;	100 – 75 ;	48 + 48
b) 100 – 2 ;	45 + 45 ;	83 + 17.

3 Tìm x :

a) $x + 16 = 20$; b) $x - 28 = 14$; c) $35 - x = 15$.

4 Anh cân nặng 50kg, em nhẹ hơn anh 16kg. Hỏi em cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam ?

5 Khoanh vào chữ đặt trước kết quả đúng :



Số hình tứ giác trong hình vẽ là :

A. 1

B. 2

C. 3

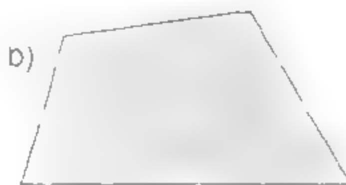
D. 4

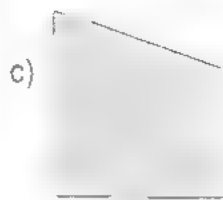
ÔN TẬP VỀ HÌNH HỌC

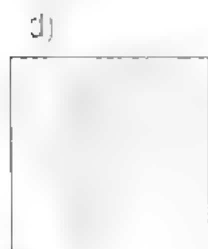


1 Mỗi hình dưới đây là hình gì ?

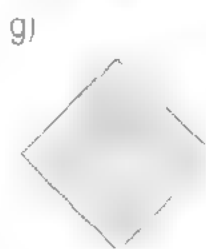
a) 

b) 

c) 

d) 

e) 

g) 

2 a) Vẽ đoạn thẳng có độ dài 8cm.

b) Vẽ đoạn thẳng có độ dài 1dm.

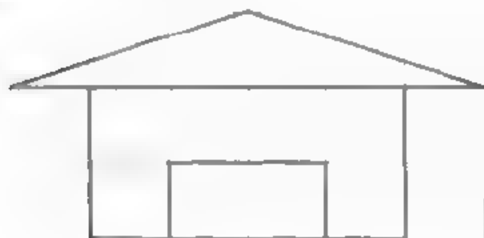
3 Nêu tên ba điểm thẳng hàng (dùng thước thẳng để kiểm tra).

A •   • I

B •

D •   • E   • C

4 **Vẽ hình theo mẫu :**



Mẫu







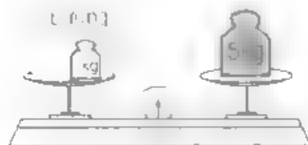
ÔN TẬP VỀ ĐO LƯỜNG

1 a) Con vit can nang may ki-lo-gam ?

b) Goi duong can nang may ki-lo-gam ?

c) Lan can nang bao nhieu ki-lo-gam ?







2 **Xem lịch rồi cho biết :**

Thu hai		6	13	20	27
Thu ba		7	14	21	28
Thu tu	1	8	15	22	29
Thứ năm	**2**	**9**	**16**	**23**	**30**
Thu sau	3	10	17	24	31
Thu bảy	**4**	**11**	**18**	**25**	

a) Thang 10 co bao nhieu ngay ? Co may ngay chu nhat ? Đo la cac ngay nao ?

11

Thu hai		3	10	17	24
Thu ba		4	11	18	25
Thứ tư		**5**	**12**	**19**	**26**
Thứ năm		**6**	**13**	**20**	**27**
Thứ sáu		**7**	**14**	**21**	**28**
Thu bay	1	8	15	22	29

b) Thang 11 co bao nhieu ngay ? Co may ngay chu nhat ? Co may ngay thu năm ?

Thu hai	1	8	15	22	29
Thu ba	2	9	16	23	30
Thu tu	3	10	17	24	31
Thu nam	4	11	18	25	
Thu sáu	**5**	**12**	**19**	**26**	
Thu bay	6	13	20	27	

c) Thang 12 co bao nhiêu ngay ? Co may ngay chu nhat ? Co may ngay thu bay ? Em duoc nghi cac ngay chu nhat va cac ngay thu bay, nhu vạy trong tháng 12 em duoc nghi bao nhieu ngay ?

3 Xem tờ lịch ở bài 2 rồi cho biết :

a) Ngày 1 tháng 10 là ngày thứ mấy ?

Ngày 10 tháng 10 là ngày thứ mấy ?

b) Ngày 20 tháng 11 là ngày thứ mấy ?

Ngày 30 tháng 11 là ngày thứ mấy ?

c) Ngày 19 tháng 12 là ngày thứ mấy ?

Ngày 30 tháng 12 là ngày thứ mấy ?

4 a) Các bạn chào cờ lúc mấy giờ ?





b) Các bạn tập thể dục lúc mấy giờ ?







ÔN TẬP VỀ GIẢI TOÁN

1 Một cửa hàng buổi sáng bán được 48l dầu, buổi chiều bán được 37l dầu. Hỏi cả hai buổi cửa hàng đó bán được bao nhiêu lít dầu ?

2 Bình cân nặng 32kg, An nhẹ hơn Bình 6kg. Hỏi An cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam ?

3 Lan hái được 24 bông hoa, Liên hái được nhiều hơn Lan 16 bông hoa. Hỏi Liên hái được bao nhiêu bông hoa ?

4 Viết số thích hợp vào các ô màu xanh :

1	2	3	4										



LUYỆN TẬP CHUNG

1 Tính nhẩm :

12 – 4 =	9 + 5 =	11 – 5 =	20 – 8 =
15 – 7 =	7 + 7 =	4 + 9 =	20 – 5 =
13 – 5 =	6 + 8 =	16 – 7 =	20 – 4 =

2 Đặt tính rồi tính :

28 + 19 ; 73 – 35 ; 53 + 47 ; 90 – 42.

3 Tìm x :

a) $x + 18 = 62$; b) $x - 27 = 37$; c) $40 - x = 8$.

4 Con lợn to cân nặng 92kg, con lợn bé nhẹ hơn con lợn to 16kg. Hỏi con lợn bé cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam ?

5 Dung thuoc va bưt nối cac điểm đé co :

a) Hình chữ nhật. b) Hình tứ giac.





LUYỆN TẬP CHUNG

1 Tinh :

$$\begin{array}{r} 35 \\ +\ 35 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 84 \\ -\ 26 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 40 \\ +\ 60 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 100 \\ -\ 75 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 46 \\ +\ 39 \\ \hline \end{array}$$

2 **Tính :**

14 – 8 + 9 = 15 – 6 + 3 = 9 + 9 – 15 =

5 + 7 – 6 = 8 + 8 – 9 = 13 – 5 + 6 =

16 – 9 + 8 = 11 – 7 + 8 = 6 + 6 – 9 =

3 Viết sò thich hop vao ô trống :

a)

So hang	32	12	25	
So hang	8		25	35
Tong		62		85

b)

Sc bı tru	44		64	90
So tru	18	36		38
Hiêu		27	34	

4 Can be dung duoc 14l dau, can to dung duoc nhieu hon can be 8l. Hoi can to dung duoc bao nhieu lit dau ?

5 Hay ve mot doan thang dai 5cm. Keo dai doan thang do de duoc mot doan thẳng dai 1dm.



LUYỆN TẬP CHUNG

1 **Đặt tính rồi tính :**

a) 38 + 27 ; 54 + 19 ; 67 + 5

b) 61 – 28 ; 70 – 32 ; 83 – 8.

2 **Tính :**

12 + 8 + 6 = 25 + 15 – 30 =

36 + 19 – 19 = 51 – 19 + 18 =

3 Nam nay ong 70 tuoi, bo kem ong 32 tuoi. Hoi nam nay bo bao nhieu tuoi ?

4 **Viết số thích hợp vào ô trống :**

a) 75 + 18 = 18 + ☐ ; b) 37 + 26 = ☐ + 37

c) 44 + ☐ = 36 + 44 ; d) ☐ + 9 = 9 + 65

5 **Xem lịch rồi cho biết :**

Hôm nay la thu mấy ? Ngay bao nhieu va của thang nao ?

5. PHÉP NHÂN VÀ PHÉP CHIA

TỔNG CỦA NHIỀU SỐ



1. 2 + 3 + 4 = 9 hoặc

```
  2
+ 3
  4
  9
```

• 2 cộng 3 bằng 5, 5 cộng 4 bằng 9, viết 9.

2.

```
  12
+ 34
  40
  86
```

• 2 cong 4 bang 6, 6 còng 0 bang 6, viét 6.
• 1 cong 3 bang 4 4 cong 4 bang 8, viét 8.

3.

```
  15
  46
+ 29
   8
  98
```

• 5 cong 6 bang 11, 11 công 9 bang 20
20 công 8 bang 28, viét 8, nno 2
• 1 công 4 bang 5, 5 cong 2 bàng 7,
7 thêm 2 bằng 9, viết 9.

1 Tính :

3 + 6 + 5 =   8 + 7 + 5 =
7 + 3 + 8 =   6 + 6 + 6 + 6 =

2 Tính :

```
  14      36      15      24
+ 33    + 20      15      24
  21       9    + 15    + 24
                  15      24
```

3 Số ?

a) 12kg 12kg 12kg

12kg + ... kg + ... kg = ... kg

b) 5l 5l 5l 5l

5l + ... l + ... l + ... l = ... l



PHÉP NHÂN

$$2 + 2 + 2 + 2 + 2 = 10$$







2 + 2 + 2 + 2 + 2 là tổng của 5 số hạng bằng nhau, mỗi số hạng là 2.

Ta chuyển thành ***phép nhân***, viết như sau :

$$2 \times 5 = 10$$

Đọc là : *Hai nhân năm bằng mười.*

Dấu × gọi là dấu nhân.

2 được lấy 5 lần

1 Chuyển tổng các số hạng bằng nhau thành phép nhân (theo mẫu) :

a) 

4 được lấy 2 lần

Mẫu : $4 + 4 = 8$

$4 \times 2 = 8$

b) 

5 được lấy 3 lần

$5 + 5 + 5 = 15$

c) 

3 được lấy 4 lần

$3 + 3 + 3 + 3 = 12$

2 Viết phép nhân (theo mẫu) :

Mẫu : $4 \times 5 = 20$

a) $4 + 4 + 4 + 4 + 4 = 20$

b) $9 + 9 + 9 = 27$

c) $10 + 10 + 10 + 10 + 10 = 50$.

3 **Viết phép nhân :**

a)



b)





THỪA SỐ - TÍCH

$$2 \times 5 = 10$$

Thừa số — Thừa số — Tích

Chú ý : 2 × 5 cũng gọi là tích.

1 Viết các tổng sau dưới dạng tích (theo mẫu) :

Mẫu : 3 + 3 + 3 + 3 + 3 = 3 × 5

a) 9 + 9 + 9 =

b) 2 + 2 + 2 + 2 =

c) 10 + 10 + 10 =

2 Viết các tích dưới dạng tổng các số hạng bằng nhau rồi tính (theo mẫu) :

Mẫu : 6 × 2 = 6 + 6 = 12 ; vậy 6 × 2 = 12

a) 5 × 2

2 × 5

b) 3 × 4

4 × 3

3 Viết phép nhân (theo mẫu), biết :

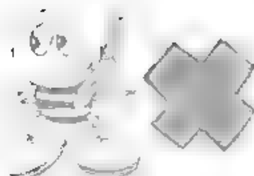
a) Các thừa số là 8 và 2, tích là 16 — Mẫu : 8 × 2 = 16

b) Các thừa số là 4 và 3, tích là 12

c) Các thừa số là 10 và 2, tích là 20

d) Các thừa số là 5 và 4, tích là 20.

BẢNG NHÂN 2





2 được lấy 1 lần, ta viết :

2 × 1 = 2.



2 được lấy 2 lần, ta có

2 × 2 = 2 + 2 = 4

Vậy : **2 × 2 = 4.**



2 được lấy 3 lần, ta có :

2 × 3 = 2 + 2 + 2 = 6

Vậy : **2 × 3 = 6.**

2 × 1 = 2
2 × 2 = 4
2 × 3 = 6
2 × 4 = ..
2 × 5 =
2 × 6 = ...
2 × 7 = ..
2 × 8 = ...
2 × 9 = ...
2 × 10 = . .

1 Tính nhẩm :

2 × 2 =	2 × 8 =	2 × 7 =
2 × 4 =	2 × 10 =	2 × 5 =
2 × 6 =	2 × 1 =	2 × 9 =
		2 × 3 =

2 Mỗi con gà có 2 chân. Hỏi 6 con gà có bao nhiêu chân ?

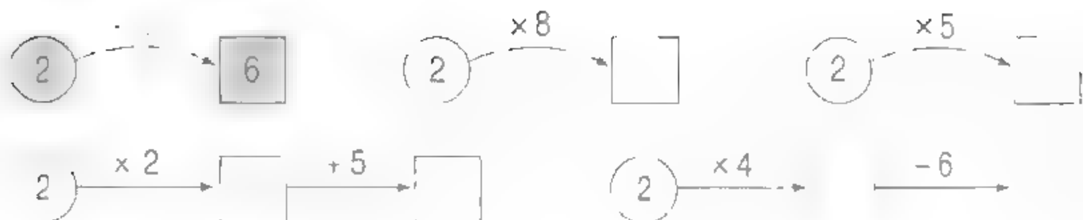
3 Đếm thêm 2 rồi viết số thích hợp vào ô trống :

2 4 6 14 20



LUYỆN TẬP

1 Số ?



2 Tính (theo mẫu) :

2cm × 3 = 6cm
2cm × 5 =
2dm × 8 =

2kg × 4 =
2kg × 6 =
2kg × 9 =

3 Mỗi xe đạp có 2 bánh xe. Hỏi 8 xe đạp có bao nhiêu bánh xe ?

4 Viết số thích hợp vào ô trống (theo mẫu) :

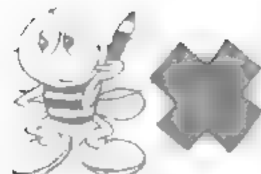
×	4	6	9	10	7	5	8	2
2	8							

5 Viết số thích hợp vào ô trống (theo mẫu) :

Thừa số	2	2	2	2	2	2
Thừa số	4	5	7	9	10	2
Tích	8					



BẢNG NHÂN 3





3 được lấy 1 lần, ta viết :

3 × 1 = 3.




3 được lấy 2 lần, ta có :

3 × 2 = 3 + 3 = 6

Vậy : **3 × 2 = 6.**





3 được lấy 3 lần, ta có :

3 × 3 = 3 + 3 + 3 = 9

Vậy : **3 × 3 = 9.**

3 × 1 = 3
3 × 2 = ...
3 × 3 = ...
3 × 4 = ...
3 × 5 = ...
3 × 6 = ...
3 × 7 = ...
3 × 8 = ...
3 × 9 = ...
3 × 10 = ...

1 Tính nhẩm :

3 × 3 =	3 × 8 =	3 × 1 =
3 × 5 =	3 × 4 =	3 × 10 =
3 × 9 =	3 × 2 =	3 × 6 =
		3 × 7 =

2 Mỗi nhóm có 3 học sinh, có 10 nhóm như vậy. Hỏi có tất cả bao nhiêu học sinh ?

3 Đếm thêm 3 rồi viết số thích hợp vào ô trống :

3	6	9				21			30



LUYỆN TẬP

1 Số ?

3 —×3→ ◯ 3 —×9→ ◯ 3 —×6→ ◯

3 —×8→ ◯ 3 —×5→ ◯ 3 —×7→ ◯

2 Viết số thích hợp vào chỗ chấm (theo mẫu) :

3 —×4→ 12 3 —×…→ 6 3 —×…→ 30

3 —×…→ 3 3 —×…→ 24 3 —×…→ 18

3 Mỗi can đựng được 3*l* dầu. Hỏi 5 can như thế đựng được bao nhiêu lít dầu ?





4 Mỗi túi có 3kg gạo. Hỏi 8 túi như thế có tất cả bao nhiêu ki-lô-gam gạo ?



5 Số ?

a) 3 ; 6 ; 9 ; ... ; ... .

b) 10 ; 12 ; 14 ; ... ; ... .

c) 21 ; 24 ; 27 ; ... ; ... .

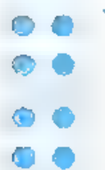
BẢNG NHÂN 4





4 được lấy 1 lần, ta viết :

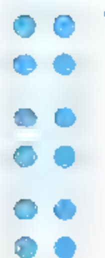
4 × 1 = 4.



4 được lấy 2 lần, ta có :

4 × 2 = 4 + 4 = 8

Vậy : **4 × 2 = 8.**



4 được lấy 3 lần, ta có :

4 × 3 = 4 + 4 + 4 = 12

Vậy : **4 × 3 = 12.**

4 × 1 =
4 × 2 =
4 × 3 =
4 × 4 =
4 × 5 =
4 × 6 =
4 × 7 =
4 × 8 =
4 × 9 =
4 × 10 =

1 Tính nhẩm :

4 × 2 =	4 × 1 =	4 × 8 =
4 × 4 =	4 × 3 =	4 × 9 =
4 × 6 =	4 × 5 =	4 × 10 =
		4 × 7 =

2 Mỗi xe ô tô có 4 bánh xe. Hỏi 5 xe ô tô như thế có bao nhiêu bánh xe ?

3 Đếm thêm 4 rồi viết số thích hợp vào ô trống :

4	8	12			24				40



LUYỆN TẬP

1 Tính nhẩm :

a) $4 \times 4 =$ $\quad$ $4 \times 9 =$ $\quad$ $4 \times 6 =$

$4 \times 5 =$ $\quad$ $4 \times 2 =$ $\quad$ $4 \times 10 =$

$4 \times 8 =$ $\quad$ $4 \times 7 =$ $\quad$ $4 \times 1 =$

b) $2 \times 3 =$ $\quad$ $2 \times 4 =$ $\quad$ $4 \times 3 =$

$3 \times 2 =$ $\quad$ $4 \times 2 =$ $\quad$ $3 \times 4 =$

2 Tính (theo mẫu) :

Mẫu : $4 \times 3 + 8 = 12 + 8$
$= 20$

a) $4 \times 8 + 10 =$

b) $4 \times 9 + 14 =$

c) $4 \times 10 + 60 =$

3 Mỗi học sinh được mượn 4 quyển sách. Hỏi 5 học sinh được mượn bao nhiêu quyển sách ?

4 Khoanh vào chữ đặt trước kết quả đúng :

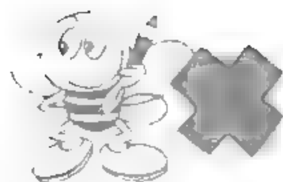
$4 \times 3 = ?$

A. 7

B. 1

C. 12

D. 43

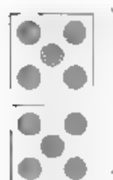


BẢNG NHÂN 5



5 được lấy 1 lần, ta viết :

5 × 1 = 5.



5 được lấy 2 lần, ta có :

5 × 2 = 5 + 5 = 10

Vậy : **5 × 2 = 10.**



5 được lấy 3 lần, ta có :

5 × 3 = 5 + 5 + 5 = 15

Vậy : **5 × 3 = 15.**

5 × 1 = ...
5 × 2 = ...
5 × 3 = ...
5 × 4 = ...
5 × 5 = ...
5 × 6 = ...
5 × 7 = ...
5 × 8 = ...
5 × 9 = ...
5 × 10 = ...

1 Tính nhẩm :

5 × 3 =	5 × 2 =	5 × 10 =
5 × 5 =	5 × 4 =	5 × 9 =
5 × 7 =	5 × 6 =	5 × 8 =
		5 × 1 =

2 Mỗi tuần lễ mẹ đi làm 5 ngày. Hỏi 4 tuần lễ mẹ đi làm bao nhiêu ngày ?

3 Đếm thêm 5 rồi viết số thích hợp vào ô trống :

5	10	15			30				50



LUYỆN TẬP

1 **Tính nhẩm :**

a)	5 × 3 =	5 × 8 =	5 × 2 =
	5 × 4 =	5 × 7 =	5 × 9 =
	5 × 5 =	5 × 6 =	5 × 10 =
b)	2 × 5 =	5 × 3 =	5 × 4 =
	5 × 2 =	3 × 5 =	4 × 5 =

2 **Tính (theo mẫu) :**

a) 5 × 7 – 15 =

b) 5 × 8 – 20 =

c) 5 × 10 – 28 =

Mẫu : 5 × 4 – 9 = 20 – 9
= 11

3 Mỗi ngày Liên học 5 giờ, mỗi tuần lễ Liên học 5 ngày. Hỏi mỗi tuần lễ Liên học bao nhiêu giờ ?

4 Mỗi can đựng được 5 l dầu. Hỏi 10 can như thế đựng được bao nhiêu lít dầu ?

5 **Số** ?

a) 5 ; 10 ; 15 ; 20 ; ... ; ...

b) 5 ; 8 ; 11 ; 14 ; ... ; ...

ĐƯỜNG GẤP KHÚC – ĐỘ DÀI ĐƯỜNG GẤP KHÚC





Đường gấp khúc ABCD.

- Đường gấp khúc ABCD gồm ba đoạn thẳng :

  AB, BC và CD.

- Độ dài đường gấp khúc ABCD là tổng độ dài các đoạn thẳng AB, BC, CD

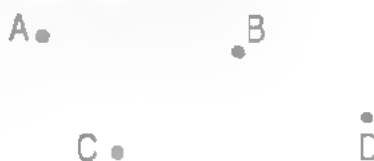
  2cm + 4cm + 3cm = 9cm.

1 Nối các điểm để được đường gấp khúc gồm :

a) Hai đoạn thẳng



b) Ba đoạn thẳng



2 Tính độ dài đường gấp khúc (theo mẫu) :

a)



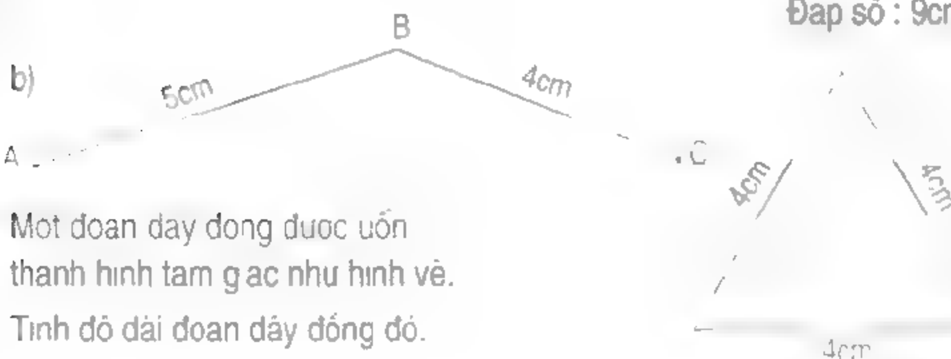
Mẫu : *Bài giải*

Độ dài đường gấp khúc MNPQ là :

3 + 2 + 4 = 9 (cm)

Đáp số : 9cm.

b)



3 Một đoạn dây đồng được uốn thành hình tam giác như hình vẽ. Tính độ dài đoạn dây đồng đó.



LUYỆN TẬP

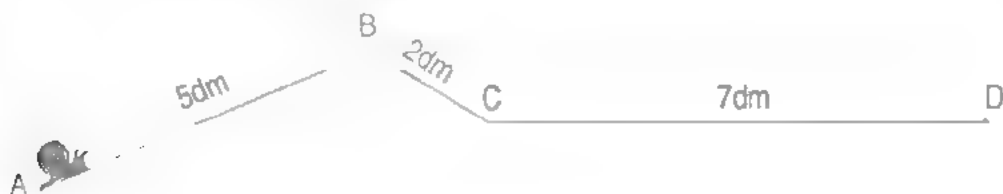
1 a) Một đường gấp khúc gồm hai đoạn thẳng có độ dài lần lượt là 12cm và 15cm. Tính độ dài đường gấp khúc đó.



b) Một đường gấp khúc gồm ba đoạn thẳng có độ dài lần lượt là 10dm, 14dm và 9dm. Tính độ dài đường gấp khúc đó.



2 Con ốc sên bò từ A đến D (như hình vẽ). Hỏi con ốc sên phải bò đoạn đường dài bao nhiêu đề-xi-mét ?



3 Ghi tên các đường gấp khúc có trong hình vẽ sau, biết :

a) Đường gấp khúc đó gồm ba đoạn thẳng.

b) Đường gấp khúc đó gồm hai đoạn thẳng.



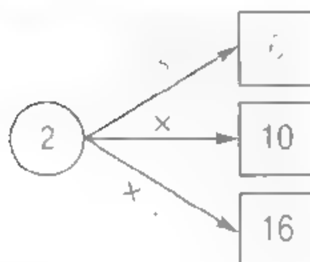


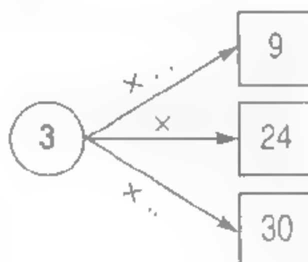
LUYỆN TẬP CHUNG

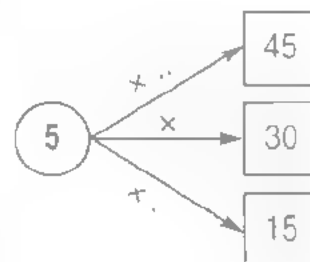
1 Tính nhẩm :

2 × 6 =	2 × 8 =	5 × 9 =	3 × 5 =
3 × 6 =	3 × 8 =	2 × 9 =	4 × 5 =
4 × 6 =	4 × 8 =	4 × 9 =	2 × 5 =
5 × 6 =	5 × 8 =	3 × 9 =	5 × 5 =

2 Viết số thích hợp vào chỗ chấm (theo mẫu) :







3 Tính :

a) 5 × 5 + 6 = ; b) 4 × 8 – 17 =

c) 2 × 9 – 18 = ; d) 3 × 7 + 29 =

4 Mỗi đôi đũa có 2 chiếc đũa. Hỏi 7 đôi đũa có bao nhiêu chiếc đũa ?

5 Tính độ dài mỗi đường gấp khúc sau :

a)



b)





LUYỆN TẬP CHUNG

1 Tính nhẩm :

2 × 5 =	3 × 7 =	4 × 4 =	5 × 10 =
2 × 9 =	3 × 4 =	4 × 3 =	4 × 10 =
2 × 4 =	3 × 3 =	4 × 7 =	3 × 10 =
2 × 2 =	3 × 2 =	4 × 2 =	2 × 10 =

2 Viết số thích hợp vào ô trống :

Thừa số	2	5	4	3	5	3	2	4
Thừa số	6	9	8	7	8	9	7	4
Tích								



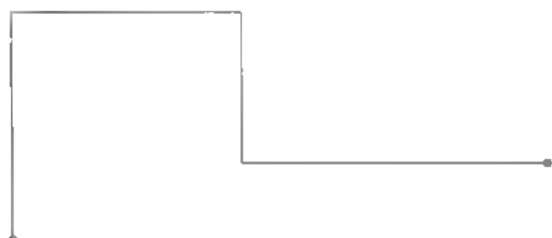
3 > < = ?

2 × 3 ... 3 × 2	4 × 9 ... 5 × 9
4 × 6 ... 4 × 3	5 × 2 ... 2 × 5
5 × 8 ... 5 × 4	3 × 10 ... 5 × 4

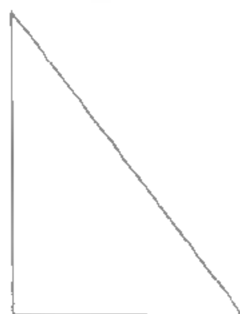
4 Mỗi học sinh được mượn 5 quyển truyện. Hỏi 8 học sinh được mượn bao nhiêu quyển truyện ?

5 Đo rồi tính độ dài mỗi đường gấp khúc :

a)

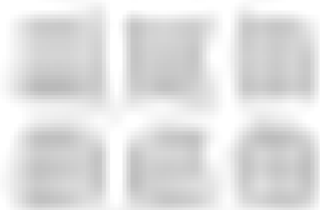


b)



PHÉP CHIA





6 ô chia thành 2 phần bằng nhau, mỗi phần có 3 ô.

- Ta có *phép chia* để tìm *số ô* trong mỗi phần :

$$6 : 2 = 3.$$

$3 \times 2 = 6$

Đọc là *Sáu chia hai bằng ba.*

Dấu : gọi là *dấu chia.*

Viết là $6 : 2 = 3$.

- Ta có *phép chia* để tìm *số phần*, mỗi phần có 3 ô :

$$6 : 3 = 2.$$

Đọc là *Sáu chia ba bằng hai.*

Viết là $6 : 3 = 2$.

- Nhận xét :

$3 \times 2 = 6$ → $6 : 2 = 3$

$3 \times 2 = 6$ → $6 : 3 = 2$

1 Cho phép nhân, viết hai phép chia (theo mẫu) :





Mẫu :

$4 \times 2 = 8$

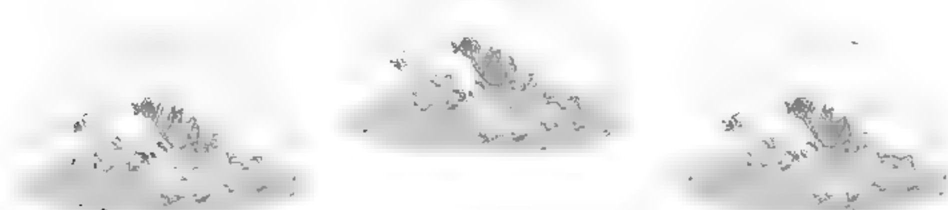
$8 : 2 = 4$

$8 : 4 = 2$

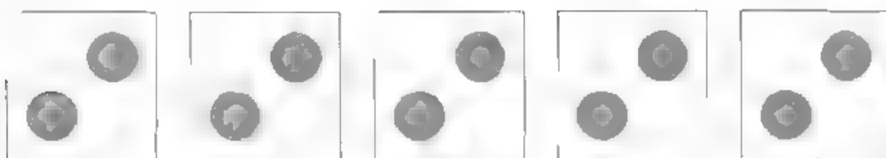
a) $3 \times 5 = 15$



b $4 \times 3 = 12$



c) $2 \times 5 = 10$



2 **Tính :**

a) $3 \times 4 =$

$12 : 3 =$

$12 : 4 =$

b) $4 \times 5 =$

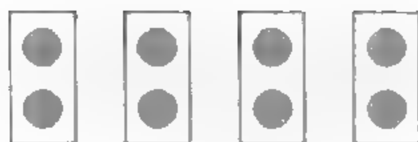
$20 : 4 =$

$20 : 5 =$

BẢNG CHIA 2







2 × 4 = 8

8 : 2 = 4

2 : 2 = 1
4 : 2 = 2
6 : 2 = 3
8 . 2 = 4
10 : 2 = .
12 : 2 = .
14 : 2 = ...
16 : 2 = ..
18 : 2 = ..
20 : 2 = ...

1 Tính nhẩm :

6 : 2 =	2 : 2 =	20 : 2 –
4 : 2 =	8 : 2 =	14 : 2 =
10 : 2 =	12 : 2 =	18 : 2 =
		16 : 2 =

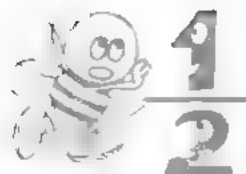
2 Co 12 cai keo chia đều cho 2 ban Hoi mỗi ban đuoc may cai keo ?

3 Mỗi số 4, 6, 7, 8, 10 la kết quả của phep tính nao ?

12 2 | 20 . 2

(4) (6) (7) (8) (10)

8 : 2 | 16 : 2 | 14 2



MỘT PHẦN HAI



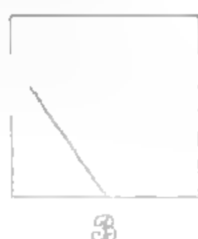
Chia hình vuông thành hai phần bằng nhau.

Lấy một phần, được ***một phần hai*** hình vuông.

Một phần hai viết là $\frac{1}{2}$.

Một phần hai còn gọi là một nửa.

1 Đã tô màu $\frac{1}{2}$ hình nào ?



A B C D

2 Hình nào có $\frac{1}{2}$ số ô vuông được tô màu ?






A B C D

3 Hình nào đã khoanh vào $\frac{1}{2}$ số con cá ?

a) b)







LUYỆN TẬP

1 **Tính nhẩm :**

8 : 2 =	10 : 2 =	14 : 2 =	18 : 2 =
16 : 2 =	6 : 2 =	20 : 2 =	12 : 2 =

2 **Tính nhẩm :**

2 × 6 =	2 × 8 =	2 × 2 =	2 × 1 =
12 : 2 =	16 : 2 =	4 : 2 =	2 : 2 =

3 Co 18 la co chia deu cho 2 to. Hoi moi to duoc may la co ?

4 Co 20 hoc sinh xep thanh cac hang, moi hang co 2 ban. Hoi tat ca co may hang ?

5 Hinh nao co $\frac{1}{2}$ so con chim dang bay ?

a)





b)

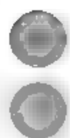




c)





SỐ BỊ CHIA - SỐ CHIA - THƯƠNG

6	:	2	=	3
Số bị chia		Số chia		Thương

Chú ý : 6 : 2 cũng gọi là thương.

1 Tính rồi điền số thích hợp vào ô trống (theo mẫu) :

Phép chia	Số bị chia	Số chia	Thương
8 : 2 = 4	8	2	4
10 : 2 =			
14 : 2 =			
18 : 2 =			
20 : 2 =			

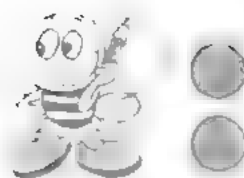
2 **Tính nhẩm :**

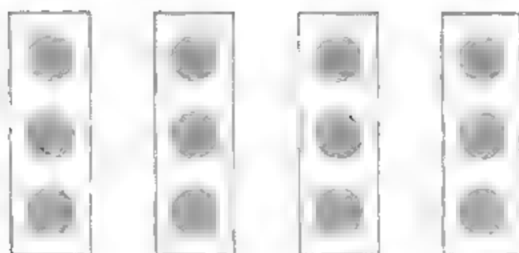
2 × 3 =	2 × 4 =	2 × 5 =	2 × 6 =
6 : 2 =	8 : 2 =	10 : 2 =	12 : 2 =

3 Viết phép chia và số thích hợp vào ô trống (theo mẫu) :

Phép nhân	Phép chia	Số bị chia	Số chia	Thương
2 × 4 = 8	8 : 2 = 4	8	2	4
	8 : 4 = 2			
2 × 6 = 12				
2 × 9 = 18				

BẢNG CHIA 3





3 × 4 = 12

12 : 3 = 4

3 : 3 = 1
6 : 3 = 2
9 : 3 = 3
12 : 3 = 4
15 : 3 = ...
18 : 3 = ..
21 : 3 = ...
24 : 3 = ...
27 : 3 = ...
30 : 3 = ..

1 **Tính nhẩm :**

6 : 3 =	3 : 3 =	15 : 3 =
9 : 3 =	12 : 3 =	30 : 3 =
18 : 3 =	21 : 3 =	24 : 3 =
		27 . 3 =

2 Co 24 hoc sinh chia đều thanh 3 tô. Hỏi mỗi tổ co mây học sinh ?

3 **Số** ?

Số bị chia	12	21	27	30	3	15	24	18
Số chia	3	3	3	3	3	3	3	3
Thương								





MỘT PHẦN BA

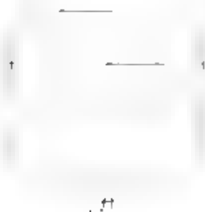
$\frac{1}{3}$ $\frac{1}{3}$ $\frac{1}{3}$

Chia hình vuông thành ba phần bằng nhau.

Lấy một phần, được ***một phần ba*** hình vuông.

Một phần ba viết là $\frac{1}{3}$.

1 Đã tô màu $\frac{1}{3}$ hình nào ?









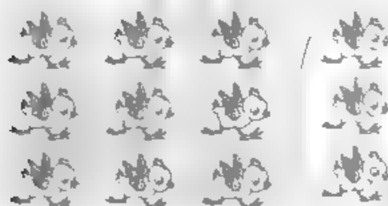
A B C D

2 Hình nào có $\frac{1}{3}$ số ô vuông được tô màu ?

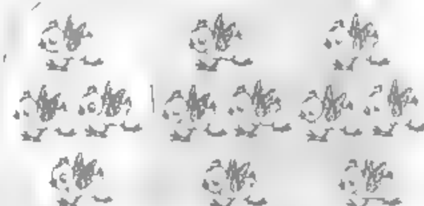
A B C D

3 Hình nào đã khoanh vào $\frac{1}{3}$ số con gà ?

a)



b)





LUYỆN TẬP

1 **Tính nhẩm :**

6 : 3 =	12 : 3 =	15 : 3 =	30 : 3 =
9 : 3 =	27 : 3 =	24 : 3 =	18 : 3 =

2 **Tính nhẩm :**

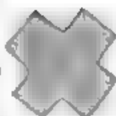
3 × 6 =	3 × 9 =	3 × 3 =	3 × 1 =
18 : 3 =	27 : 3 =	9 : 3 =	3 : 3 =

3 **Tính (theo mẫu) :**

8cm : 2 = 4cm	9kg : 3 =
15cm : 3 =	21*l* : 3 =
14cm : 2 =	10dm : 2 =

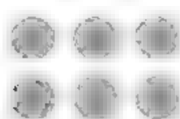
4 Có 15kg gạo chia đều vào 3 túi. Hỏi mỗi túi có mấy ki-lô-gam gạo ?

5 Có 27*l* dầu rót vào các can, mỗi can 3*l*. Hỏi rót được mấy can dầu ?

TÌM MỘT THỪA SỐ CỦA PHÉP NHÂN

1. Nhận xét



$2 \times 3 = 6$

Thua số — Thua số — Tich

$6 : 2 = 3$

$6 : 3 = 2$

2. Tìm thừa số x chua biết

$x \times 2 = 8$
$x = 8 : 2$
$x = 4$

$3 \times x = 15$
$x = 15 : 3$
$x = 5$

Muôn tim môt thua sô ta lây tich chia cho thua sô kia.

1 Tính nhẩm :

$2 \times 4 =$	$3 \times 4 =$	$3 \times 1 =$
$8 : 2 =$	$12 : 3 =$	$3 : 3 =$
$8 : 4 =$	$12 : 4 =$	$3 : 1 =$

2 Tìm x (theo mẫu) :

a) $x \times 2 = 10$
$x = 10 : 2$
$x = 5$

b) $x \times 3 = 12$;

c) $3 \times x = 21$.

3 Tìm y :

a) $y \times 2 = 8$; b) $y \times 3 = 15$; c) $2 \times y = 20$.

4 Co 20 học sinh ngồi hoc, mỗi ban co 2 hoc sinh. Hoi co tất ca bao nhieu ban hoc ?



LUYỆN TẬP

1 Tìm x :

a) $x \times 2 = 4$; b) $2 \times x = 12$; c) $3 \times x = 27$.

2 Tìm y :

a) $y + 2 = 10$; b) $y \times 2 = 10$; c) $2 \times y = 10$.

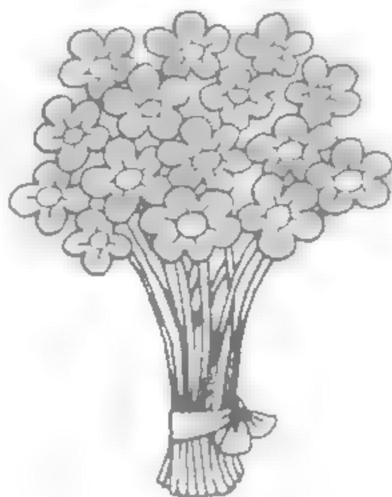
3 Viết số thích hợp vào ô trống :

Thừa số	2	2	2		3	3
Thừa số	6		3	2	5	
Tích		12		6		15



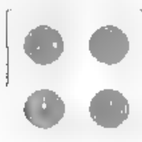
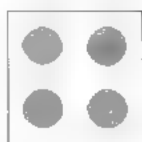
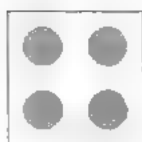
4 Có 12kg gạo chia đều vào 3 túi. Hỏi mỗi túi có mấy ki-lô-gam gạo ?

5 Có 15 bông hoa cắm vào các lọ, mỗi lọ 3 bông hoa. Hỏi cắm được mấy lọ hoa ?






BẢNG CHIA 4

4 × 3 = 12
12 : 4 = 3

4 : 4 = 1
8 : 4 = 2
12 : 4 = 3
16 : 4 = 4
20 : 4 = ...
24 : 4 = ...
28 : 4 = ...
32 : 4 = ...
36 : 4 = ...
40 : 4 = ...

1 Tính nhẩm :

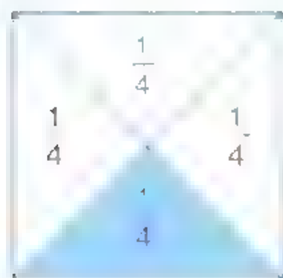
8 : 4 =	12 : 4 =	24 : 4 =
16 : 4 =	40 : 4 =	20 : 4 =
4 : 4 =	28 : 4 =	36 : 4 =
		32 : 4 =

2 Co 32 hoc sinh xêp thanh 4 hang đêu nhau. Hỏi mỗi hang co mây hoc sinh ?

3 Co 32 hoc sinh xep thanh cac hang, mỗi hang co 4 hoc sinh. Hoi xêp đươc mấy hang ?

MỘT PHẦN TƯ



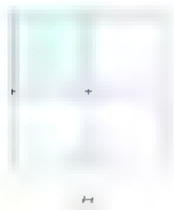
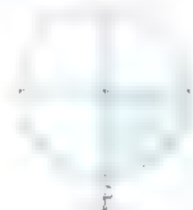


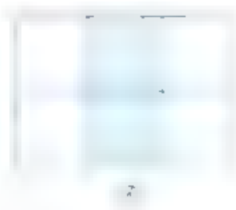
Chia hình vuông thành bốn phần bằng nhau.

Lấy một phần, được ***một phần tư*** hình vuông.

Một phần tư viết là $\frac{1}{4}$.

1 Đã tô màu $\frac{1}{4}$ hình nào ?



2 Hình nào có $\frac{1}{4}$ số ô vuông đã được tô màu ?


A


B


C


D

3 Hình nào đã khoanh vào $\frac{1}{4}$ số con thỏ ?

a)



b)





LUYỆN TẬP

1 Tính nhẩm :

8 : 4 =	12 : 4 =	20 : 4 =	28 : 4 =
36 : 4 =	24 : 4 =	40 : 4 =	32 : 4 =

2 Tính nhẩm :

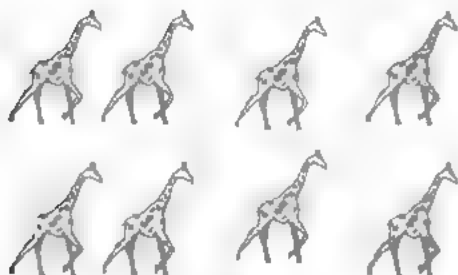
4 × 3 =	4 × 2 =	4 × 1 =	4 × 4 =
12 : 4 =	8 : 4 =	4 : 4 =	16 : 4 =
12 : 3 =	8 : 2 =	4 : 1 =	

3 Có 40 học sinh chia đều thành 4 tổ. Hỏi mỗi tổ có mấy học sinh ?

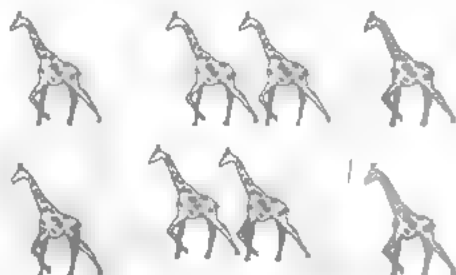
4 Có 12 người khách cần sang sông, mỗi thuyền đều chở 4 người khách (không kể người lái thuyền). Hỏi cần mấy thuyền để chở hết số khách đó ?

5 Hình nào đã khoanh vào $\frac{1}{4}$ số con hươu ?

a)



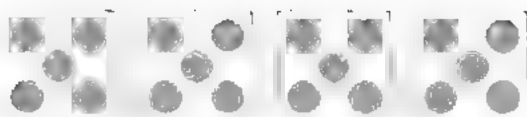
b)



BẢNG CHIA 5







$5 \times 4 = 20$
$20 : 5 = 4$

5 : 5 = 1
10 : 5 = 2
15 : 5 = 3
20 : 5 = 4
25 : 5 = ...
30 : 5 = ...
35 : 5 = ...
40 : 5 = ...
45 : 5 = ...
50 : 5 = ...

1 **Số** ?

Số bị chia	10	20	30	40	50	45	35	25	15	5
Số chia	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5
Thương										

2 Có 15 bông hoa cắm đều vào 5 bình hoa. Hỏi mỗi bình có mấy bông hoa ?

3 Có 15 bông hoa cắm vào các bình hoa, mỗi bình có 5 bông. Hỏi cắm được mấy bình hoa ?



MỘT PHẦN NĂM

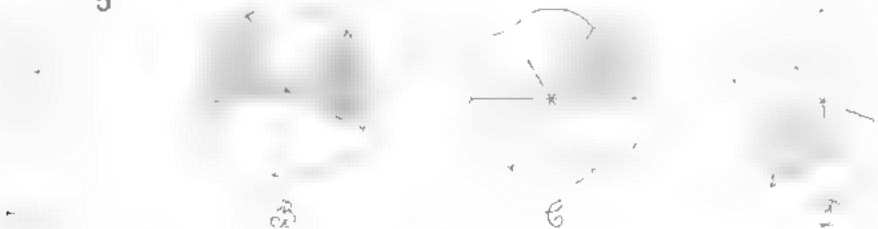


Chia hình vuông thành năm phần bằng nhau

Lấy một phần, được ***một phần năm*** hình vuông.

Một phần năm viết là $\frac{1}{5}$.

1 Đã tô màu $\frac{1}{5}$ hình nào ?



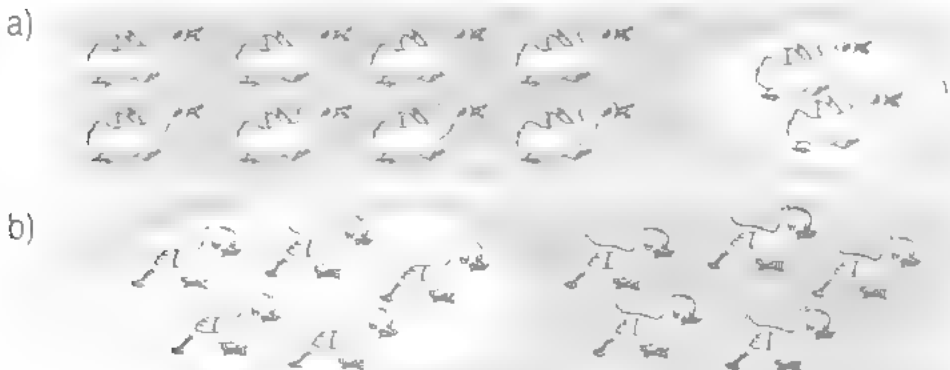
2 Hình nào đã tô màu $\frac{1}{5}$ số ô vuông ?



3 Hình nào đã khoanh vào $\frac{1}{5}$ số con vịt ?

a)

b)





LUYỆN TẬP

1 **Tính nhẩm :**

10 : 5 =	15 : 5 =	20 : 5 =	25 : 5 =
30 : 5 =	45 : 5 =	35 : 5 =	50 : 5 =

2 **Tính nhẩm :**

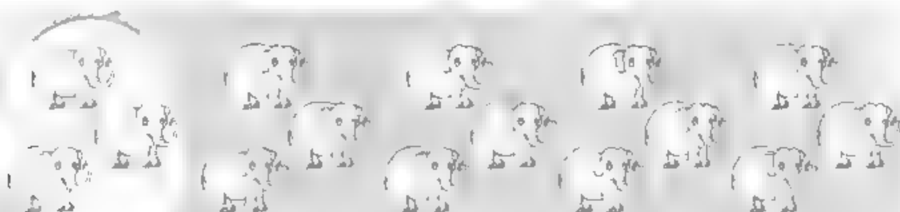
5 × 2 =	5 × 3 =	5 × 4 =	5 × 1 =
10 : 2 =	15 : 3 =	20 : 4 =	5 : 1 =
10 : 5 =	15 : 5 =	20 : 5 =	5 : 5 =

3 Có 35 quyển vở chia đều cho 5 bạn. Hỏi mỗi bạn có mấy quyển vở ?

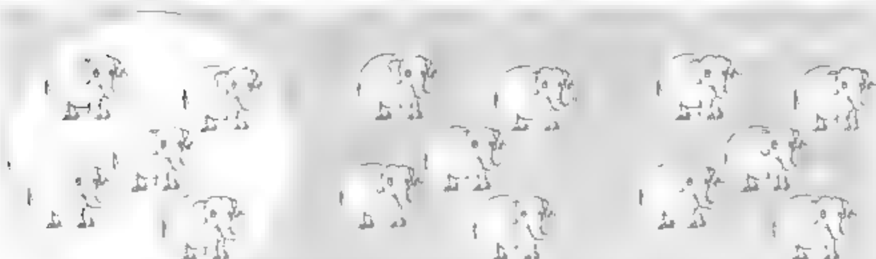
4 Có 25 quả cam xếp vào các đĩa, mỗi đĩa 5 quả. Hỏi xếp được vào mấy đĩa ?

5 **Hình nào đã khoanh vào $\frac{1}{5}$ số con voi ?**

a)



b)





LUYỆN TẬP CHUNG

1 Tính (theo mẫu) :

Mẫu : $3 \times 4 : 2 = 12 : 2$
$= 6$

a) $5 \times 6 : 3 =$ b) $6 : 3 \times 5 =$ c) $2 \times 2 \times 2 =$

2 Tìm x :

a) $x + 2 = 6$
$x \times 2 = 6$

b) $3 + x = 15$
$3 \times x = 15$

3 Hình nào đã được tô màu :

- $\frac{1}{2}$ số ô vuông ?
- $\frac{1}{3}$ số ô vuông ?
- $\frac{1}{4}$ số ô vuông ?
- $\frac{1}{5}$ số ô vuông ?








4 Mỗi chuồng có 5 con thỏ. Hỏi 4 chuồng như thế có tất cả bao nhiêu con thỏ ?

5 Xếp 4 hình tam giác thành hình chữ nhật (xem hình vẽ) :



GIỜ, PHÚT



1 giờ = 60 phút



8 giờ



8 giờ 15 phút



8 giờ 30 phút
hay là 8 giờ rưỡi

1 Đồng hồ chỉ mấy giờ ?



A



B



C



D

2 Mỗi tranh vẽ ứng với đồng hồ nào ?



Mai ngủ dậy lúc 6 giờ.

A



B





Mai đến trường lúc 7 giờ 15 phút.

C



D





Mai ăn sáng lúc 6 giờ 15 phút.



Mai tan học về lúc 11 giờ 30 phút.

3) Tính (theo mẫu) :

a) 1 giờ + 2 giờ = 3 giờ

5 giờ + 2 giờ =

4 giờ + 6 giờ =

8 giờ + 7 giờ =

b) 5 giờ – 2 giờ = 3 giờ

9 giờ – 3 giờ =

12 giờ – 8 giờ =

16 giờ – 10 giờ =



THỰC HÀNH XEM ĐỒNG HỒ

1 Đồng hồ chỉ mấy giờ ?


A


B


C


D

2 Mỗi câu dưới đây ứng với đồng hồ nào ?

a) An vào học lúc 13 giờ 30 phút.

b) An ra chơi lúc 15 giờ.

c) An vào học tiếp lúc 15 giờ 15 phút.

d) An tan học lúc 16 giờ 30 phút.

e) An tưới rau lúc 5 giờ 30 phút chiều.

g) An ăn cơm lúc 7 giờ tối.

A 

D 

B 

E 

C 

G 

3 Quay kim trên mặt đồng hồ để đồng hồ chỉ :

2 giờ ; 1 giờ 30 phút ; 6 giờ 15 phút ; 5 giờ rưỡi

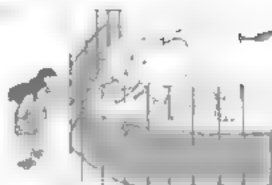


LUYỆN TẬP

1

a) Nam cung cac ban đén vuon thu luc mây gio ?

b) Nam va cac ban đên chuong voi luc mây gio ?

c) Nam va cac ban đên chuông hô luc mây gio ?

d) Nam và các ban ngồi nghı luc mày giơ ?

e) Nam va các bạn ra vế luc mấy giờ ?

2 a) Ha đén truong luc 7 giơ. Toan đên truong luc 7 giơ 15 phut. Aı đen truòng sớm hơn ?

b) Ngoc đı ngu luc 21 gio, Quyen đı ngu uc 21 giơ 30 phut Aı đı ngu muôn hơn ?

3 Điền *giơ* hoac *phut* vao chỗ chám thich hợp :

a) Mỗi ngày Bình ngủ khoảng **8** ...

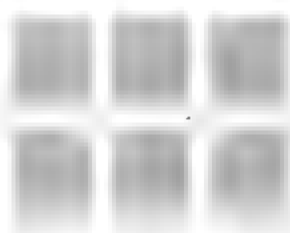
b) Nam dı tu nha đên truong hêt **15** ..

c) Em làm bai kiểm tra trong **35** ...



TÌM SỐ BỊ CHIA

1. Nhận xét



$$6 : 2 = 3$$

Số bị chia | Số chia | Thương

Ta có :

$$6 = 3 \times 2$$

2. Tìm số bị chia x chưa biết

$$x : 2 = 5$$

$$x = 5 \times 2$$

$$x = 10$$

Muốn tìm số bị chia ta lấy thương nhân với số chia.

1 Tính nhẩm :

$6 : 3 =$	$8 : 2 =$	$12 : 3 =$	$15 : 3 =$
$2 \times 3 =$	$4 \times 2 =$	$4 \times 3 =$	$5 \times 3 =$

2 Tìm x :

a) $x : 2 = 3$; b) $x : 3 = 2$; c) $x : 3 = 4$

3 Có một số kẹo chia đều cho 3 em, mỗi em được 5 chiếc kẹo. Hỏi có tất cả bao nhiêu chiếc kẹo ?



LUYỆN TẬP

1 Tìm y :

a) $y : 2 = 3$; b) $y : 3 = 5$; c) $y : 3 = 1$.

2 Tìm x :

a) $x - 2 = 4$ b) $x - 4 = 5$; c) $x : 3 = 3$

$x : 2 = 4$ $x : 4 = 5$ $x - 3 = 3$.

3 **Viết số thích hợp vào ô trống :**

Số bị chia	10		18		21	
Số chia	2	2	2	3	3	3
Thương		5		3		4

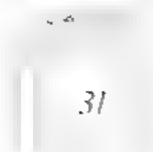


4 Có một số lít dầu đựng trong 6 can, mỗi can 3l. Hỏi có tất cả bao nhiêu lít dầu ?



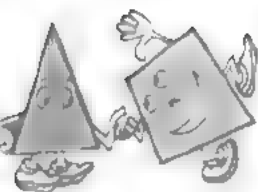




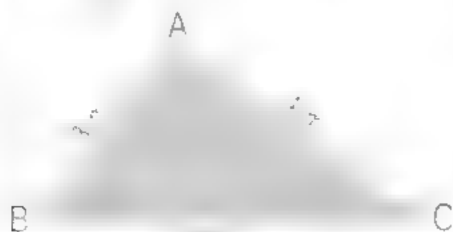








CHU VI HÌNH TAM GIÁC - CHU VI HÌNH TỨ GIÁC

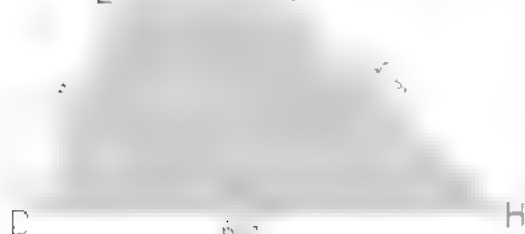


• Hình tam giác ABC có ba cạnh là : AB , BC và CA.

Tổng độ dài các cạnh của hình tam giác ABC là :

3cm + 5cm + 4cm = 12cm.

Ta nói rằng : ***Chu vi hình tam giác*** ABC là 12cm.



• Hình tứ giác DEGH có bốn cạnh là : DE , EG , GH và HD.

Tổng độ dài các cạnh của hình tứ giác DEGH là :

3cm + 2cm + 4cm + 6cm = 15cm.

Ta nói rằng : ***Chu vi hình tứ giác*** DEGH là 15cm.

• ***Tổng độ dài các cạnh của hình tam giác (hình tứ giác) là chu vi của hình đó.***

1 **Tính chu vi hình tam giác có độ dài các cạnh là :**

a) 7cm, 10cm và 13cm

b) 20dm, 30dm và 40dm

c) 8cm, 12cm và 7cm.

> Mẫu : *Bài giải*
> Chu vi hình tam giác là :
> 7 + 10 + 13 = 30 (cm)
> Đáp số : 30cm.

2 **Tính chu vi hình tứ giác có độ dài các cạnh là :**

a) 3dm , 4dm , 5dm và 6dm

b) 10cm , 20cm , 10cm và 20cm.

3 a) Đo rồi ghi số đo độ dài các cạnh của hình tam giác ABC.

b) Tính chu vi hình tam giác ABC.

A

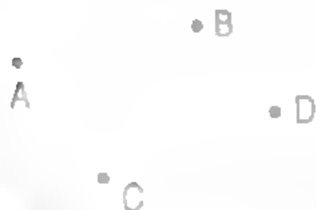
B C



LUYỆN TẬP

1 Nối các điểm để được :

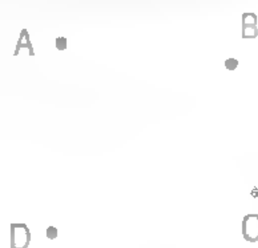
a) Một đường gấp khúc gồm ba đoạn thẳng.



b) Một hình tam giác



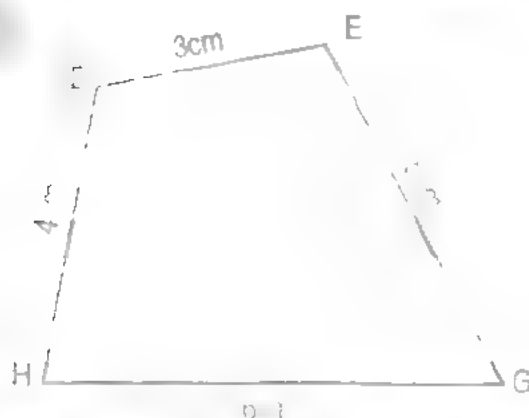
c) Một hình tứ giác.



2 Tính chu vi hình tam giác ABC, biết độ dài các cạnh là :

AB = 2cm, BC = 5cm, AC = 4cm

3

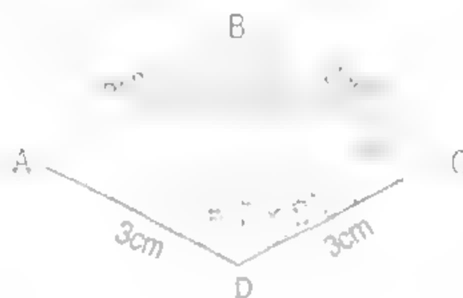


Hình tứ giác DEGH có độ dài các cạnh là DE = 3cm, EG = 5cm, GH = 6cm, DH = 4cm.
Tính chu vi hình tứ giác đó.

4 a) Tính độ dài đường gấp khúc ABCDE

b) Tính chu vi hình tứ giác ABCD







SỐ 1 TRONG PHÉP NHÂN VÀ PHÉP CHIA

1. Phép nhân có thừa số 1

a) $1 \times 2 = 1 + 1 = 2$, vậy $1 \times 2 = 2$

$1 \times 3 = 1 + 1 + 1 = 3$, vậy $1 \times 3 = 3$

$1 \times 4 = 1 + 1 + 1 + 1 = 4$, vậy $1 \times 4 = 4$.

- *Số 1 nhân với số nào cũng bằng chính số đó.*

b) $2 \times 1 = 2$ $3 \times 1 = 3$ $4 \times 1 = 4$

- *Số nào nhân với 1 cũng bằng chính số đó.*

2. Phép chia cho 1

$1 \times 2 = 2$, vậy $2 : 1 = 2$

$1 \times 3 = 3$, vậy $3 : 1 = 3$

$1 \times 4 = 4$, vậy $4 : 1 = 4$.

- *Số nào chia cho 1 cũng bằng chính số đó.*

1 Tính nhẩm :

$1 \times 2 =$ $1 \times 3 =$ $1 \times 5 =$

$2 \times 1 =$ $3 \times 1 =$ $5 \times 1 =$ $1 \times 1 =$

$2 : 1 =$ $3 : 1 =$ $5 : 1 =$ $1 : 1 =$

2 Số ?

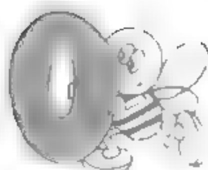
$\square \times 2 = 2$ $5 \times \square = 5$ $\square : 1 = 3$

$\square \times 1 = 2$ $5 : \square = 5$ $\square \times 1 = 4$

3 Tính :

a) $4 \times 2 \times 1 =$; b) $4 : 2 \times 1 =$; c) $4 \times 6 : 1 =$

SỐ 0 TRONG PHÉP NHÂN VÀ PHÉP CHIA



1. Phép nhân có thừa số 0

$0 \times 2 = 0 + 0 = 0,$ vậy $0 \times 2 = 0,$

ta có $2 \times 0 = 0.$

$0 \times 3 = 0 + 0 + 0 = 0,$ vậy $0 \times 3 = 0,$

ta có $3 \times 0 = 0.$

- *Số 0 nhân với số nào cũng bằng 0.*
  Số nào nhân với 0 cũng bằng 0.

2. Phép chia có số bị chia là 0

$0 : 2 = 0$ vì $0 \times 2 = 0$

$0 : 5 = 0$ vì $0 \times 5 = 0$

- *Số 0 chia cho số nào khác 0 cũng bằng 0.*

Chú ý : Không có phép chia cho 0.

1 Tính nhẩm :

$0 \times 4 =$ $0 \times 2 =$ $0 \times 3 =$ $0 \times 1 =$

$4 \times 0 =$ $2 \times 0 =$ $3 \times 0 =$ $1 \times 0 =$

2 Tính nhẩm :

$0 : 4 =$ $0 : 2 =$ $0 : 3 =$ $0 : 1 =$

3 Số ?

$\square \times 5 = 0$ $3 \times \square = 0$

$\square : 5 = 0$ $\square : 3 = 0$

4 Tính :

$2 : 2 \times 0 =$ $0 : 3 \times 3 =$

$5 : 5 \times 0 =$ $0 : 4 \times 1 =$



LUYỆN TẬP

1 a) Lập bảng nhân 1 :

1 × 1 =
1 × 2 =
1 × 3 =
1 × 4 =
1 × 5 =
1 × 6 =
1 × 7 =
1 × 8 =
1 × 9 =
1 × 10 =

b) Lập bảng chia 1 :

1 : 1 =
2 : 1 =
3 : 1 =
4 : 1 =
5 : 1 =
6 : 1 =
7 : 1 =
8 : 1 =
9 : 1 =
10 : 1 =

2 Tính nhẩm :

a) 0 + 3 =	b) 5 + 1 =	c) 4 : 1 =
3 + 0 =	1 + 5 =	0 : 2 =
0 × 3 =	1 × 5 =	0 : 1 =
3 × 0 =	5 × 1 =	1 : 1 =

3 Kết quả tính nào là 0 ? Kết quả tính nào là 1 ?

2 – 2   3 : 3   5 – 5   5 : 5

0   1

3 – 2 – 1   1 × 1   2 : 2 : 1

LUYỆN TẬP CHUNG



1 Tính nhẩm :

$2 \times 3 =$	$3 \times 4 =$	$4 \times 5 =$	$5 \times 1 =$
$6 : 2 =$	$12 : 3 =$	$20 : 4 =$	$5 : 5 =$
$6 : 3 =$	$12 : 4 =$	$20 : 5 =$	$5 : 1 =$

2 Tính nhẩm (theo mẫu) :

a)	$20 \times 2 = ?$ 2 chục $\times$ 2 = 4 chục $20 \times 2 = 40$	$30 \times 3 =$ $20 \times 4 =$ $40 \times 2 =$	$20 \times 3 =$ $30 \times 2 =$ $20 \times 5 =$
b)	$40 : 2 = ?$ 4 chục : 2 = 2 chục $40 : 2 = 20$	$60 : 2 =$ $80 : 2 =$ $90 : 3 =$	$60 : 3 =$ $80 : 4 =$ $80 : 2 =$

3 a) Tìm x : $x \times 3 = 15$; $4 \times x = 28$.

b) Tìm y : $y : 2 = 2$; $y : 5 = 3$.

4 Cô giáo chia đều 24 tờ báo cho 4 tổ. Hỏi mỗi tổ được mấy tờ báo ?

5 Xếp 4 hình tam giác thành hình vuông (xem hình vẽ) :





LUYỆN TẬP CHUNG

1 **Tính nhẩm :**

a)

2 × 4 =	3 × 5 =	4 × 3 =	5 × 2 =
8 : 2 =	15 : 3 =	12 : 4 =	10 : 5 =
8 : 4 =	15 : 5 =	12 : 3 =	10 : 2 =

b)

2cm × 4 =	10dm : 5 =	4cm × 2 =
5dm × 3 =	12cm : 4 =	8cm : 2 =
4*l* × 5 =	18*l* : 3 =	20dm : 2 =

2 Tính :

a) 3 × 4 + 8 =

3 × 10 – 14 =

b) 2 : 2 × 0 =

0 : 4 + 6 =

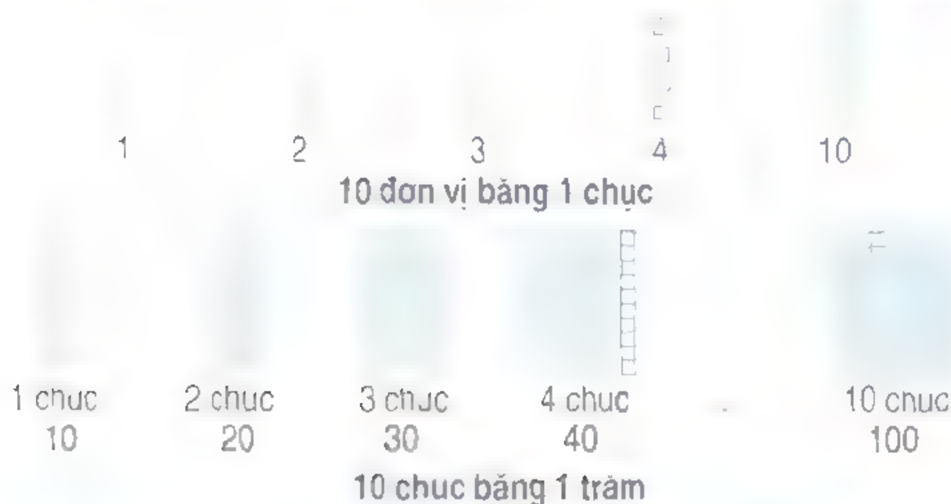
3 a) Có 12 học sinh chia đều thành 4 nhóm. Hỏi mỗi nhóm có mấy học sinh ?

b) Có 12 học sinh chia thành các nhóm, mỗi nhóm có 3 học sinh. Hỏi chia được thành mấy nhóm ?

6. CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 1000



ĐƠN VỊ, CHỤC, TRĂM, NGHÌN



10 đơn vị bằng 1 chục

10 chục bằng 1 trăm

1 trăm
100

2 trăm
200

3 trăm
300



10 trăm
1000

10 trăm bằng 1 nghìn

Các số 100, 200, 300, 400, ... là các số tròn trăm.

Đọc, viết (theo mẫu) :


100
một trăm





SO SÁNH CÁC SỐ TRÒN TRĂM



200 < 300
300 > 200

200 < 300

1 [>, <] ?

100 .. 200
200 .. 100

100 ... 200

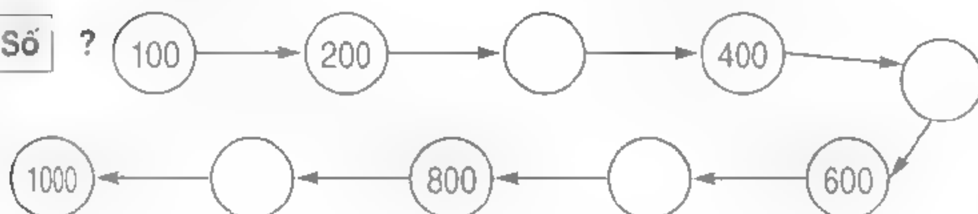
300 ... 500
500 ... 300

300 . . 500

2 [>, <, =] ?

100 . 200	400 ... 300
300 ... 200	700 ... 800
500 ... 400	900 ... 900
700 .. 900	600 ... 500
500 500	900 . . 1000

3 [Số] ?





CÁC SỐ TRÒN CHỤC TỪ 110 ĐẾN 200

	Trăm	Chục	Đơn vị	Viết số	Đọc số
	1	1	0	110	một trăm mười
	1	2	0	120	một trăm hai mươi
	1	3	0	130	một trăm ba mươi
	1	4	0	140	
		.			...
	.	.		.	. ...
			..	.	....
	.	..	..	...	.
				..	
	..	..		.	.

	120 < 130		120 < 130 130 > 120

1) **Viết (theo mẫu) :**

Viết số	Đọc số	Viết số	Đọc số
110	một trăm mười	190	
130		120	
150		160	
170		140	
180		200	

2 >, <?

110 .. 120

120 ... 110

110 120

130 ... 150

150 ... 130

150 ... 130

3) >, <, = ?

100 ... 110 180 ... 170

140 ... 140 190 ... 150

150 ... 170 160 ... 130

4 Số ? 110 , ... , 130 ; 140 , ... , 160 , 170 , ... ; ... , 200

5) Xếp 4 hình tam giác thành hình tứ giác (xem hình vẽ) :





CÁC SỐ TỪ 101 ĐẾN 110

	Trăm	Chục	Đơn vị	Viết số	Đọc số
	1	0	1	101	một trăm linh một
	1	0	2	102	một trăm linh hai
	1	0	3	103	một trăm linh ba
	1	0	4	104	....

1 Mỗi số dưới đây ứng với cách đọc nào ?



a) Một trăm linh bảy

b) Một trăm linh chín

c) Một trăm linh tám

d) Một trăm linh hai

e) Một trăm linh năm

g) Một trăm linh ba

2 Số ?



3 > < = ?

101 ... 102	106 ... 109
102 ... 102	103 ... 101
105 ... 104	105 ... 105
109 ... 108	109 ... 110

4 a) Viết các số 106, 108, 103, 105, 107 theo thứ tự từ bé đến lớn.

b) Viết các số 100, 106, 107, 105, 110, 103 theo thứ tự từ lớn đến bé.



CÁC SỐ TỪ 111 ĐẾN 200

	Trăm	Chục	Đơn vị	Viết số	Đọc số
	1	1	1	111	một trăm mười một
	1	1	2	112	một trăm mười hai
	1	1	5	115	một trăm mười lăm
	1	1	8	118	
	.	.	. .	.	. .
					. .
			.	.	. . . .
	. . .			. .	một trăm ba mươi lăm

1 Viết (theo mẫu) :

110	một trăm mười
111	
117	
154	
181	
195	

2 Số ?

a)



111 112 ... 114 ... 116 117 120



121 122 ... 124 ... 126 ... 128 ... 130

b)



151 ... 153 ... 155 ... 157 158 ... 160



161 ... ... 164 ... ... 167 ... 169 170

c)



191 ... 193 ... ... 196 ... 198 ... 200

3 > < = ?

123 ... 124	120 ... 152
129 ... 120	186 ... 186
126 ... 122	135 ... 125
136 ... 136	148 ... 128
155 ... 158	199 ... 200



4. CÁC SỐ CÓ BA CHỮ SỐ

	Trăm	Chục	Đơn vị	Viết số	Đọc số
	2	4	3	243	hai trăm bốn mươi ba
	2	3	5	235	hai trăm ba mươi lăm
	3	1	0	310	
	2	4	0	...	....
		..			
					..
					...

1 Mỗi số sau chỉ số ô vuông trong hình nào ?

(a) (b)

110 205 310 132 123

(c) (d) (e)

2 Mỗi số sau ứng với cách đọc nào ?

315 311 322 521 450 405

a) Bốn trăm linh năm

b) Bốn trăm năm mươi

c) Ba trăm mười một

d) Ba trăm mười lăm

e) Năm trăm hai mươi mốt

g) Ba trăm hai mươi hai

3 Viết (theo mẫu) :

Đọc số	Viết số	Đọc số	Viết số
Tám trăm hai mươi	820	Năm trăm sáu mươi	
Chín trăm mười một		Bốn trăm hai mươi bảy	
Chín trăm chín mươi mốt		Hai trăm ba mươi mốt	
Sáu trăm bảy mươi ba		Ba trăm hai mươi	
Sáu trăm bảy mươi lăm		Chín trăm linh một	
Bảy trăm linh năm		Năm trăm bảy mươi lăm	
Tám trăm		Tám trăm chín mươi mốt	



SO SÁNH CÁC SỐ CÓ BA CHỮ SỐ

234 < 235
235 > 234

234 < 235

194 > 139
139 < 194

194 > 139

199 < 215
215 > 199

199 < 215

1 >, <, = ?

127 ... 121
124 ... 129
182 ... 192

865 ... 865
648 ... 684
749 ... 549

2 Tìm số lớn nhất trong các số sau :

a) 395 ; 695 ; 375 ;

b) 873 ; 973 ; 979

c) 751 ; 341 ; 741.

3 Số ?

971	972	973			976	977		979	
	982	983			986		988		
991				995	996			999	1000



LUYỆN TẬP

1 **Viết (theo mẫu) :**

Viết số	Trăm	Chục	Đơn vị	Đọc số
116	1	1	6	một trăm mười sáu
815	...	...	...	....
307	...	...	...	....
...	4	7	5	....
...	...	...	...	chín trăm
...	8	0	2	....

2 **Số** ?

a) 400 ; 500 ; ... ; ... ; 800 ; 900 ; ... .

b) 910 ; 920 ; 930 ; ... ; ... ; ... ; 970 ; ... ; 990 ; ... .

c) 212 ; 213 ; 214 ; ... ; ... ; 217 ; 218 ; ... ; ... ; ... .

d) 693 ; 694 ; ... ; ... ; 697 ; ... ; ... ; ... ; 701.

3 > < = ?

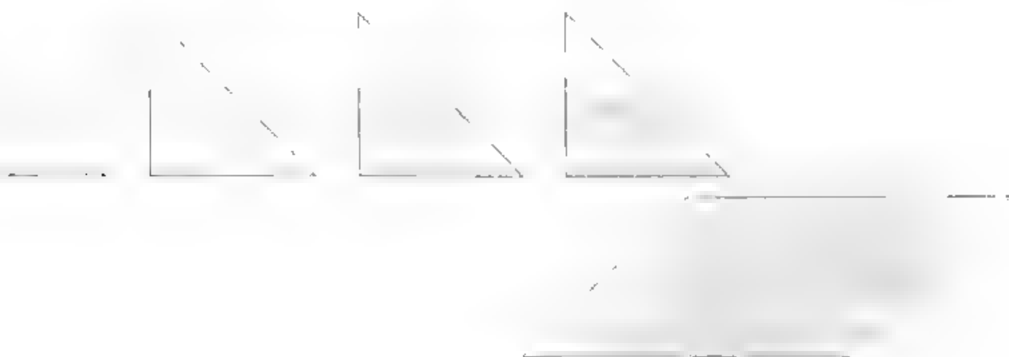
543 ... 590 342 ... 432

670 ... 676 987 ... 897

699 ... 701 695 ... 600 + 95

4 **Viết các số 875, 1000, 299, 420 theo thứ tự từ bé đến lớn.**

5 **Xếp 4 hình tam giác thành hình tứ giác** (xem hình vẽ) :





MÉT



Met la một đơn vị đo độ dài. Met viết tắt la m.

1m = 10dm ; 1m = 100cm.

1 Số ?

1dm ... cm	... cm = 1m
1m = ... cm	... dm = 1m

2 **Tính :**

17m + 6m =	15m – 6m =
8m + 30m =	38m – 24m =
47m + 18m =	74m – 59m =

3 Cây dừa cao 8m, cây thông cao hơn cây dừa 5m. Hỏi cây thông cao bao nhiêu mét ?

4 **Viết cm hoặc m vào chỗ chấm thích hợp :**

a) Cột cờ trong sân trường cao 10 ... .

b) Bút chì dài 19 ... .

c) Cây cau cao 6 ... .

d) Chú Tư cao 165 ...

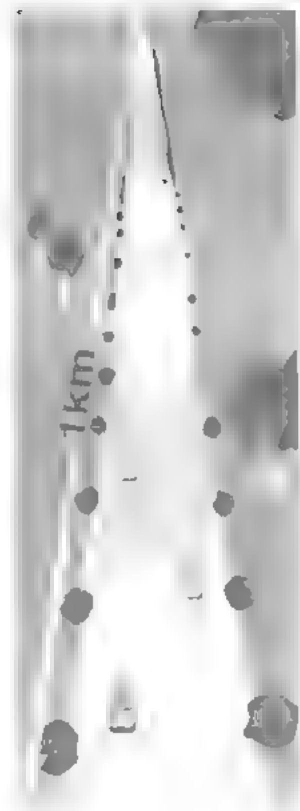


KI-LÔ-MÉT

Ki-lô-mét là một đơn vị đo độ dài (chẳng hạn, để đo quãng đường giữa hai tỉnh ta dùng đơn vị ki-lô-mét).

Ki-lô-mét viết tắt là km.

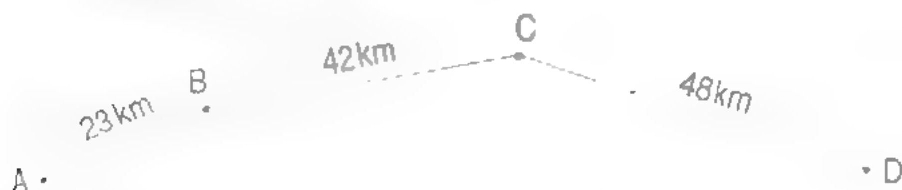
1km = 1000m.



1 Số ?

1km = ... m	... m = 1km
1m = ... dm	... dm = 1m
1m = ... cm	... cm = 1dm

2 Nhìn hình vẽ trả lời các câu hỏi sau :



a) Quãng đường từ A đến B dài bao nhiêu ki-lô-mét ?

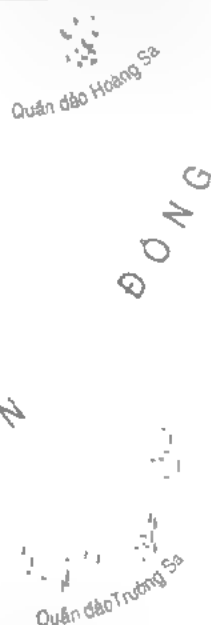
b) Quãng đường từ B đến D (đi qua C) dài bao nhiêu ki-lô-mét ?

c) Quãng đường từ C đến A (đi qua B) dài bao nhiêu ki-lô-mét ?

3 Nêu số đo thích hợp (theo mẫu) :



Quãng đường	Dài
Hà Nội - Cao Bằng	285km
Hà Nội - Lạng Sơn	....
Hà Nội - Hải Phòng	....
Hà Nội - Vinh	....
Vinh - Huế	....
Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ	....
Thành phố Hồ Chí Minh - Cà Mau	....



4 a) Cao Bằng và Lạng Sơn, nơi nào xa Hà Nội hơn ?

b) Lạng Sơn và Hải Phòng, nơi nào gần Hà Nội hơn ?

c) Quãng đường nào dài hơn : Hà Nội - Vinh hay Vinh - Huế ?

d) Quãng đường nào ngắn hơn : Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ hay Thành phố Hồ Chí Minh - Cà Mau ?



MI-LI-MÉT

Mi-li-mét là một đơn vị đo độ dài.

Mi-li-mét viết tắt là mm.

1cm = 10mm ; 1m = 1000mm.

1 | Số | ?

1cm = ... mm	1000mm = ... m	5cm = ... mm
1m = ... mm	10mm = ... cm	3cm = ... mm

2 **Mỗi đoạn thẳng dưới đây dài bao nhiêu mi-li-mét ?**



3 **Tính chu vi hình tam giác có độ dài các cạnh là :**

24mm, 16mm và 28mm.

4 **Viết cm hoặc mm vào chỗ chấm thích hợp :**

a) Bề dày cuốn sách "Toán 2" khoảng **10** ...

b) Bề dày chiếc thước kẻ dẹt là **2** ...

c) Chiều dài chiếc bút bi là **15** ...



LUYỆN TẬP

1 **Tính :**

13m + 15m =

66km – 24km =

23mm + 42mm =

5km × 2 =

18m : 3 =

25mm : 5 =

2 Một người đi 18km để đến thị xã, sau đó lại đi tiếp 12km để đến thành phố. Hỏi người đó đã đi được tất cả bao nhiêu ki-lô-mét ?

3 **Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng :**

Một bác thợ may dùng 15m vải may 5 bộ quần áo giống nhau. Hỏi để may một bộ quần áo như thế cần bao nhiêu mét vải ?

A. 10m

B. 20m

C. 3m

4 Đo độ dài các cạnh của hình tam giác ABC rồi tính chu vi của hình tam giác đó.

A

B C

VIẾT SỐ THÀNH TỔNG CÁC TRĂM, CHỤC, ĐƠN VỊ



357 gồm 3 trăm 5 chục 7 đơn vị 820 gồm 8 trăm 2 chục 0 đơn vị 703 gồm 7 trăm 0 chục 3 đơn vị	357 = 300 + 50 + 7 820 = 800 + 20 703 = 700 + 3

1 **Viết (theo mẫu) :**

389	3 trăm 8 chục 9 đơn vị	389 = 300 + 80 + 9
237		
164		
352		
658		

2 Viết các số 271, 978, 835, 509 theo mẫu :

271 = 200 + 70 + 1

3 Mỗi số 975, 731, 980, 505, 632, 842 được viết thành tổng nào ?

975	600 + 30 + 2	500 + 5	731
632	900 + 70 + 5	700 + 30 + 1	980
842	800 + 40 + 2	900 + 80	505

4 Xếp 4 hình tam giác thành hình cái thuyền (xem hình vẽ) :







PHÉP CỘNG (KHÔNG NHỚ) TRONG PHẠM VI 1000

326 + 253 = ?

$$\begin{array}{r} 326 \\ +\ 253 \\ \hline 579 \end{array}$$

- 6 cộng 3 bằng 9, viết 9.
- 2 cộng 5 bằng 7, viết 7.
- 3 cộng 2 bằng 5, viết 5.

326 + 253 = ...

1 Tính :

$\begin{array}{r} 235 \\ +\ 451 \\ \hline \end{array}$ $\quad \begin{array}{r} 637 \\ +\ 162 \\ \hline \end{array}$ $\quad \begin{array}{r} 503 \\ +\ 354 \\ \hline \end{array}$ $\quad \begin{array}{r} 625 \\ +\ 43 \\ \hline \end{array}$ $\quad \begin{array}{r} 326 \\ +\ 251 \\ \hline \end{array}$

$\begin{array}{r} 200 \\ +\ 627 \\ \hline \end{array}$ $\quad \begin{array}{r} 408 \\ +\ 31 \\ \hline \end{array}$ $\quad \begin{array}{r} 67 \\ +\ 132 \\ \hline \end{array}$ $\quad \begin{array}{r} 230 \\ +\ 150 \\ \hline \end{array}$ $\quad \begin{array}{r} 732 \\ +\ 55 \\ \hline \end{array}$

2 Đặt tính rồi tính :

a) 832 + 152 ; 257 + 321

b) 641 + 307 ; 936 + 23.

3 Tính nhẩm (theo mẫu) :

a)	200 + 100 = 300	500 + 100 =	200 + 200 =
	500 + 200 =	300 + 100 =	500 + 300 =
	300 + 200 =	600 + 300 =	800 + 100 =
b)	800 + 200 = 1000	400 + 600 =	500 + 500 =



LUYỆN TẬP

1 Tính :

$$\begin{array}{r} 225 \\ +\ 634 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 362 \\ +\ 425 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 683 \\ +\ 204 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 502 \\ +\ 256 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 261 \\ +\ 27 \\ \hline \end{array}$$

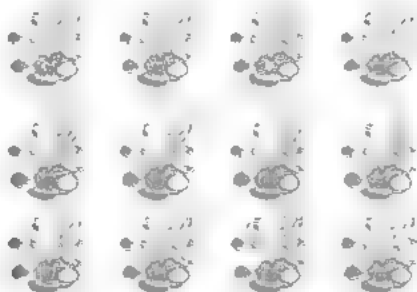
2 **Đặt tính rồi tính :**

a) 245 + 312 ; 665 + 214 ; 217 + 752

b) 68 + 27 ; 72 + 19 ; 61 + 29.

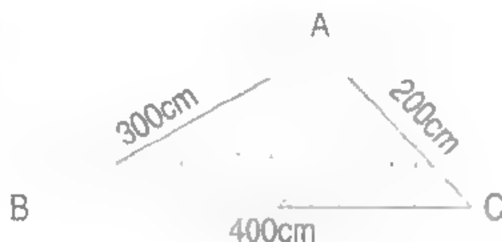
3 Hình nào đã khoanh vào $\frac{1}{4}$ số con vật ?

a) b)



4 Con gấu nặng 210kg, con sư tử nặng hơn con gấu 18kg. Hỏi con sư tử nặng bao nhiêu ki-lô-gam ?

5 Tính chu vi hình tam giác ABC.





PHÉP TRỪ (KHÔNG NHỚ) TRONG PHẠM VI 1000

635 – 214 = ?

$$\begin{array}{r} 635 \\ -\ 214 \\ \hline 421 \end{array}$$

- 5 trừ 4 bằng 1, viết 1.
- 3 trừ 1 bằng 2, viết 2.
- 6 trừ 2 bằng 4, viết 4.

635 – 214 = ...

1 Tính :

$$\begin{array}{r} 484 \\ -\ 241 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 586 \\ -\ 253 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 497 \\ -\ 125 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 925 \\ -\ 420 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 590 \\ -\ 470 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 693 \\ -\ 152 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 764 \\ -\ 751 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 995 \\ -\ 85 \\ \hline \end{array}$$

2 Đặt tính rồi tính :

548 – 312 ;   732 – 201 ;   592 – 222 ;   395 – 23

3 Tính nhẩm (theo mẫu) :

a) 500 – 200 = 300   700 – 300 =   900 – 300 =

600 – 100 =   600 – 400 =   800 – 500 =

b) 1000 – 200 = 800   1000 – 400 =   1000 – 500 =

4 Đàn vịt có 183 con, đàn gà ít hơn đàn vịt 121 con. Hỏi đàn gà có bao nhiêu con ?



LUYỆN TẬP

1 **Tính :**

$\begin{array}{r} 682 \\ -\;351 \\ \hline \end{array}$ $\qquad$ $\begin{array}{r} 987 \\ -\;255 \\ \hline \end{array}$ $\qquad$ $\begin{array}{r} 599 \\ -\;148 \\ \hline \end{array}$ $\qquad$ $\begin{array}{r} 425 \\ -\;203 \\ \hline \end{array}$ $\qquad$ $\begin{array}{r} 676 \\ -\;215 \\ \hline \end{array}$

2 **Đặt tính rồi tính :**

a) 986 – 264 ; 758 – 354 ; 831 – 120

b) 73 – 26 ; 65 – 19 ; 81 – 37.

3 **Viết số thích hợp vào ô trống :**

Số bị trừ	257		869	867	486
Số trừ	136	136	659		264
Hiệu		121		206	

4 Trường Tiểu học Thành Công có 865 học sinh, Trường Tiểu học Hữu Nghị có ít hơn Trường Tiểu học Thành Công 32 học sinh. Hỏi Trường Tiểu học Hữu Nghị có bao nhiêu học sinh ?

5 **Khoanh vào chữ đặt trước kết quả đúng :**

Số hình tứ giác có trong hình vẽ là :



A. 1

B. 2

C. 3

D. 4



LUYỆN TẬP CHUNG

1 Tính :

$\begin{array}{r} 35 \\ +\ 28 \\ \hline \end{array}$ $\quad$ $\begin{array}{r} 48 \\ +\ 15 \\ \hline \end{array}$ $\quad$ $\begin{array}{r} 57 \\ +\ 26 \\ \hline \end{array}$ $\quad$ $\begin{array}{r} 83 \\ +\ 7 \\ \hline \end{array}$ $\quad$ $\begin{array}{r} 25 \\ +\ 37 \\ \hline \end{array}$

2 Tính :

$\begin{array}{r} 75 \\ -\ 9 \\ \hline \end{array}$ $\quad$ $\begin{array}{r} 63 \\ -\ 17 \\ \hline \end{array}$ $\quad$ $\begin{array}{r} 81 \\ -\ 34 \\ \hline \end{array}$ $\quad$ $\begin{array}{r} 52 \\ -\ 16 \\ \hline \end{array}$ $\quad$ $\begin{array}{r} 80 \\ -\ 15 \\ \hline \end{array}$

3 **Tính nhẩm :**

700 + 300 = $\qquad$ 800 + 200 = $\qquad$ 500 + 500 =

1000 – 300 = $\qquad$ 1000 – 200 = $\qquad$ 1000 – 500 =

4 **Đặt tính rồi tính :**

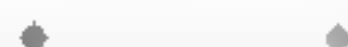
a) 351 + 216 ; $\qquad$ 427 + 142 ; $\qquad$ 516 + 173

b) 876 – 231 ; $\qquad$ 999 – 542 ; $\qquad$ 505 – 304.

5 Vẽ hình theo mẫu :
















TIỀN VIỆT NAM

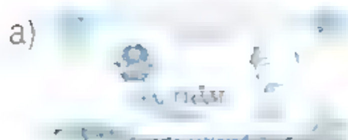








1

a)  

100 đồng + 100 đồng = 200 đồng.

200 đồng đổi được mấy tờ giấy bạc 100 đồng ?

b) 



500 đồng đổi được mấy tờ giấy bạc 100 đồng ?

c)  

1000 đồng đổi được mấy tờ giấy bạc 100 đồng ?

2 Số ?

a) 200 đồng, 200 đồng, 200 đồng — 600 đồng

b) 200 đồng, 200 đồng, 100 đồng, 200 đồng — ... đồng

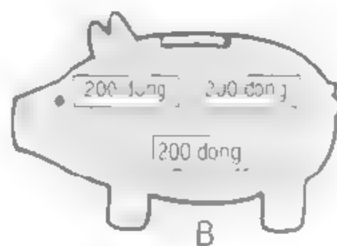
c) 500 đồng, 200 đồng, 100 đồng — ... đồng

d) 500 đồng, 200 đồng, 100 đồng, 200 đồng — ... đồng

3 Chú lợn nào chứa nhiều tiền nhất ?



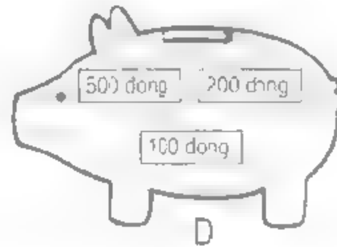
A



B



C



D

4 Tính :

100 đồng + 400 đồng =

700 đồng + 100 đồng =

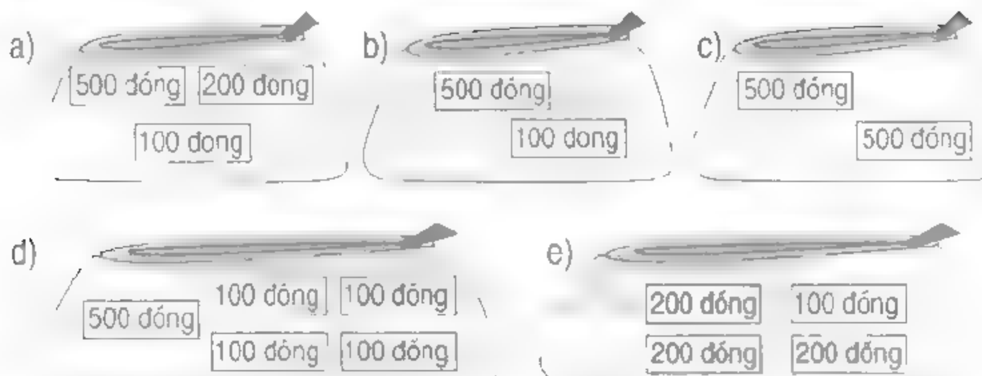
900 đồng – 200 đồng =

800 đồng – 300 đồng =



LUYỆN TẬP

1 **Mỗi túi có bao nhiêu tiền ?**



2 Mẹ mua rau hết 600 đồng, mua hành hết 200 đồng. Hỏi mẹ phải trả tất cả bao nhiêu tiền ?

3 **Viết số tiền trả lại vào ô trống (theo mẫu) :**

An mua rau hết	An đưa người bán rau	Số tiền trả lại
600 đồng	700 đồng	100 đồng
300 đồng	500 đồng	
700 đồng	1000 đồng	
500 đồng	500 đồng	

4 **Viết số thích hợp vào ô trống (theo mẫu) :**

Số tiền	Gồm các tờ giấy bạc loại		
	100 đồng	200 đồng	500 đồng
800 đồng	1	1	1
900 đồng	2		1
1000 đồng	3	1	
700 đồng			1



LUYỆN TẬP CHUNG

1 Viết số và chữ thích hợp vào ô trống (theo mẫu) :

Đọc số	Viết số	Trăm	Chục	Đơn vị
Một trăm hai mươi ba	123	1	2	3
Bốn trăm mười sáu				
		5	0	2
	299			
		9	4	0

2 Số ?

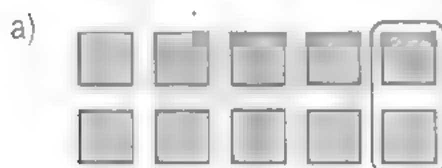


3 > < = ?

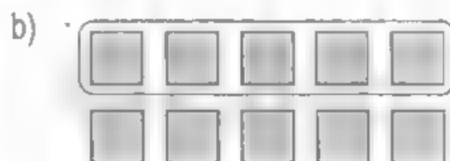
875 ... 785
697 ... 699
599 ... 701
321 ... 298
900 + 90 + 8 ... 1000
732 ... 700 + 30 + 2

4 Hình nào đã khoanh vào $\frac{1}{5}$ số hình vuông ?

a)



b)



5 Giá tiền một chiếc bút chì là 700 đồng, giá tiền một chiếc bút bi nhiều hơn giá tiền một chiếc bút chì 300 đồng. Hỏi giá tiền một chiếc bút bi là bao nhiêu đồng ?



LUYỆN TẬP CHUNG

1 $\boxed{\begin{matrix}>\\<\\=\end{matrix}}$?

937 ... 739   200 + 30 ... 230

600 ... 599   500 + 60 + 7 ... 597

398 ... 405   500 + 50 ... 649

2 **Viết các số 857, 678, 599, 1000, 903 theo thứ tự :**

a) Từ bé đến lớn

b) Từ lớn đến bé.

3 **Đặt tính rồi tính :**

a) 635 + 241 ;   970 + 29

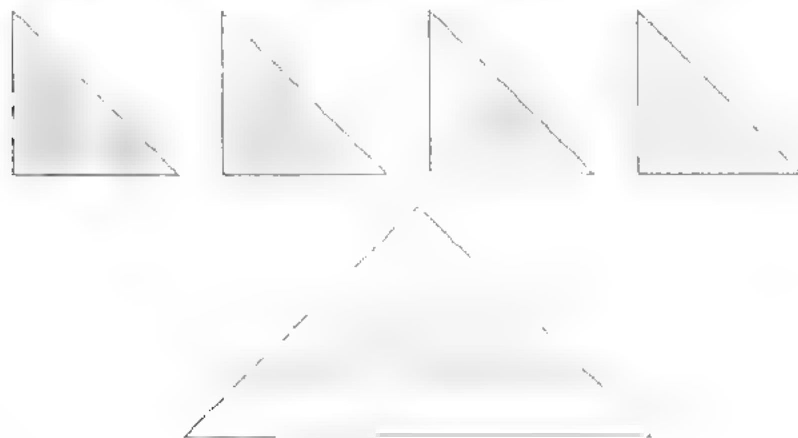
b) 896 – 133 ;   295 – 105.

4 **Tính nhẩm :**

600m + 300m =   700cm + 20cm =

20dm + 500dm =   1000km – 200km =

5 **Xếp 4 hình tam giác nhỏ thành hình tam giác to** (xem hình vẽ) **:**





LUYỆN TẬP CHUNG

1 Đặt tính rồi tính :

a) 456 + 323 ; 897 – 253

b) 357 + 621 ; 962 – 861

c) 421 + 375 ; 431 – 411.

2 Tìm x :

a) $300 + x = 800$; b) $x - 600 = 100$

$x + 700 = 1000$ $700 - x = 400$.

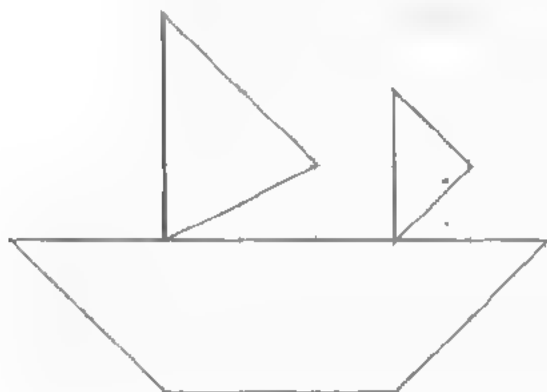
3 $>$ $<$ $=$?

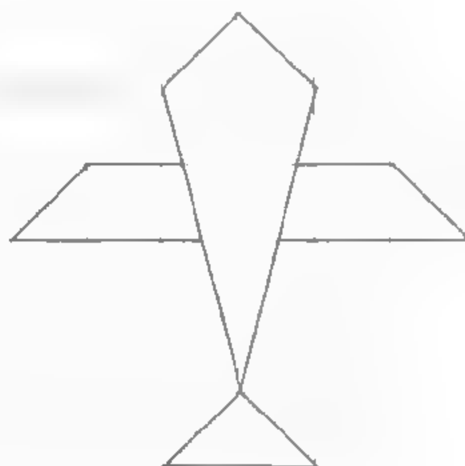
60cm + 40cm ... 1m

300cm + 53cm ... 300cm + 57cm

1km ... 800m

4 Vẽ hình theo mẫu :





7. ÔN TẬP CUỐI NĂM HỌC



ÔN TẬP VỀ CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 1000

1 Viết các số :

Chín trăm mười lăm
Sáu trăm chín mươi lăm
Bảy trăm mười bốn
Năm trăm hai mươi tư
Một trăm linh một
Hai trăm năm mươi
Ba trăm bảy mươi mốt
Chín trăm
Một trăm chín mươi chín
Năm trăm năm mươi lăm

2 Số ?

a)

380	381		383			386				390

b)

500		502					507		509	

c)

700	710	720							790	

3 Viết các số tròn trăm thích hợp vào chỗ chấm :

100 ; ... ; 300 ; ... ; ... ; ... ; 700 ; ... ; ... ; 1000.

4 >, <, = ?

372 ... 299
465 ... 700
534 ... 500 + 34
631 ... 640
909 ... 902 + 7
708 ... 807

5 a) Viết số bé nhất có ba chữ số.
b) Viết số lớn nhất có ba chữ số.
c) Viết số liền sau của 999



LUYỆN TẬP CHUNG

1 Đặt tính rồi tính :

a) 456 + 323 ; 897 – 253

b) 357 + 621 ; 962 – 861

c) 421 + 375 ; 431 – 411.

2 Tìm x :

a) $300 + x = 800$; b) $x - 600 = 100$

$x + 700 = 1000$; $700 - x = 400$.

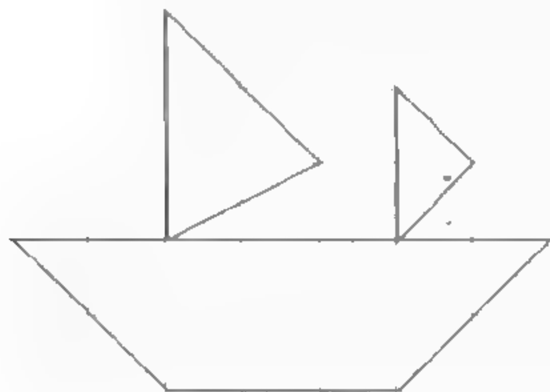
3 > < = ?

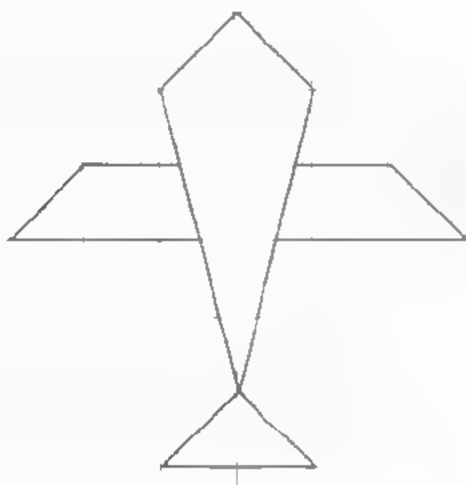
60cm + 40cm ... 1m

300cm + 53cm ... 300cm + 57cm

1km ... 800m

4 Vẽ hình theo mẫu :





ÔN TẬP VỀ CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 1000 (tiếp theo)



1 Mỗi số sau ứng với cách đọc nào ?

a) Chín trăm ba mươi chín

b) Sáu trăm năm mươi

c) Bảy trăm bốn mươi lăm

d) Ba trăm linh bảy

307 650 811 596 939 745 125 484

e) Bốn trăm tám mươi tư

g) Một trăm hai mươi lăm

h) Năm trăm chín mươi sáu

i) Tám trăm mười một

2 a) Viết các số 842, 965, 477, 618, 593, 404 theo mẫu :

842 = 800 + 40 + 2

b) Viết theo mẫu :

300 + 60 + 9 = 369	700 + 60 + 8 =
800 + 90 + 5 =	600 + 50 =
200 + 20 + 2 =	800 + 8 =

3 Viết các số 285, 257, 279, 297 theo thứ tự :

a) Từ lớn đến bé.

b) Từ bé đến lớn.

4 Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

a) 462 ; 464 ; 466 ; ... .

b) 353 ; 355 ; 357 ; ... .

c) 815 ; 825 ; 835 ; ... .



ÔN TẬP VỀ PHÉP CỘNG VÀ PHÉP TRỪ

1 **Tính nhẩm :**

30 + 50 =	70 – 50 =	300 + 200 =
20 + 40 =	40 + 40 =	600 – 400 =
90 – 30 =	60 – 10 =	500 + 300 =
80 – 70 =	50 + 40 =	700 – 400 =

2 **Tính :**

$\begin{array}{r} 34 \\ +\ 62 \\ \hline \end{array}$ $\quad$ $\begin{array}{r} 68 \\ -\ 25 \\ \hline \end{array}$ $\quad$ $\begin{array}{r} 425 \\ +\ 361 \\ \hline \end{array}$ $\quad$ $\begin{array}{r} 968 \\ -\ 503 \\ \hline \end{array}$

$\begin{array}{r} 64 \\ +\ 18 \\ \hline \end{array}$ $\quad$ $\begin{array}{r} 72 \\ -\ 36 \\ \hline \end{array}$ $\quad$ $\begin{array}{r} 37 \\ +\ 37 \\ \hline \end{array}$ $\quad$ $\begin{array}{r} 90 \\ -\ 38 \\ \hline \end{array}$

$\begin{array}{r} 765 \\ -\ 315 \\ \hline \end{array}$ $\quad$ $\begin{array}{r} 286 \\ +\ 701 \\ \hline \end{array}$ $\quad$ $\begin{array}{r} 566 \\ -\ 40 \\ \hline \end{array}$ $\quad$ $\begin{array}{r} 600 \\ +\ 99 \\ \hline \end{array}$

3 Một trường tiểu học có 265 học sinh gái và 234 học sinh trai. Hỏi trường tiểu học đó có bao nhiêu học sinh ?

4 Bể thứ nhất chứa được 865*l* nước, bể thứ hai chứa được ít hơn bể thứ nhất 200*l* nước. Hỏi bể thứ hai chứa được bao nhiêu lít nước ?

ÔN TẬP VỀ PHÉP CỘNG VÀ PHÉP TRỪ (tiếp theo)



1 **Tính nhẩm :**

500 + 300 =	400 + 200 =	700 + 100 =
800 – 500 =	600 – 400 =	800 – 700 =
800 – 300 =	600 – 200 =	800 – 100 =

2 **Đặt tính rồi tính :**

a)	65 + 29 ;	55 + 45 ;	100 – 72
b)	345 + 422 ;	674 – 353 ;	517 + 360.

3 Anh cao 165cm, em thấp hơn anh 33cm. Hỏi em cao bao nhiêu xăng-ti-mét ?

4 Đội Một trồng được 530 cây, đội Hai trồng được nhiều hơn đội Một 140 cây. Hỏi đội Hai trồng được bao nhiêu cây ?

5 **Tìm x :**

a) $x - 32 = 45$; b) $x + 45 = 79$.



ÔN TẬP VỀ PHÉP NHÂN VÀ PHÉP CHIA

1 Tính nhẩm :

a) $2 \times 8 =$	$12 : 2 =$	$2 \times 9 =$	$18 : 3 =$
$3 \times 9 =$	$12 : 3 =$	$5 \times 7 =$	$45 : 5 =$
$4 \times 5 =$	$12 : 4 =$	$5 \times 8 =$	$40 : 4 =$
$5 \times 6 =$	$15 : 5 =$	$3 \times 6 =$	$20 : 2 =$

b) $20 \times 4 =$	$30 \times 3 =$	$20 \times 2 =$	$30 \times 2 =$
$80 : 4 =$	$90 : 3 =$	$40 : 2 =$	$60 : 2 =$

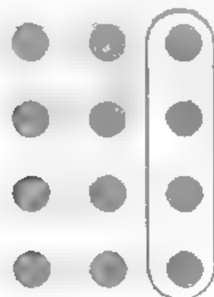
2 Tính :

$4 \times 6 + 16 =$	$20 : 4 \times 6 =$
$5 \times 7 + 25 =$	$30 : 5 : 2 =$

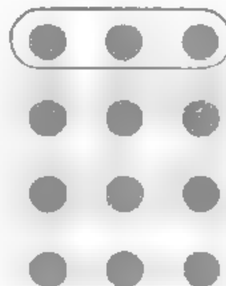
3 Học sinh lớp 2A xếp thành 8 hàng, mỗi hàng có 3 học sinh. Hỏi lớp 2A có bao nhiêu học sinh ?

4 Hình nào đã khoanh vào $\frac{1}{3}$ số hình tròn ?

a)



b)



5 Tìm x :

a) $x : 3 = 5$;　　　　b) $5 \times x = 35$.

ÔN TẬP VỀ PHÉP NHÂN VÀ PHÉP CHIA (tiếp theo)



1 **Tính nhẩm :**

4 × 9 = 5 × 7 = 3 × 8 = 2 × 8 =

36 : 4 = 35 : 5 = 24 : 3 = 16 : 2 =

2 Tính :

2 × 2 × 3 = 3 × 5 – 6 =

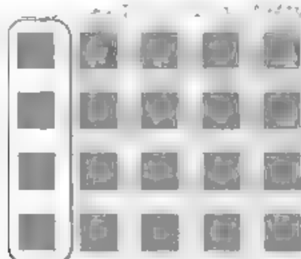
40 : 4 : 5 = 2 × 7 + 58 =

4 × 9 + 6 = 2 × 8 + 72 =

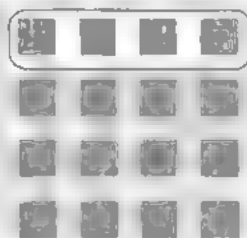
3 Co 27 but chı mau chıa đếu cho 3 nhom. Hỏi mô nnom co mây but chi mau ?

4 Hình nào đã khoanh vào $\frac{1}{4}$ sô hình vuông ?

a)



b)



5 Số ?

4 + ... = 4 ... × 4 = 0

4 – ... = 4 ... : 4 = 0



ÔN TẬP VỀ ĐẠI LƯỢNG

1 a) Đồng hồ chỉ mấy giờ ?


A


B


C


D

b) Vào buổi chiều, hai đồng hồ nào chỉ cùng giờ ?

A


B


C


D


E


G


2 Can bé đựng được 10*l* nước mắm, can to đựng nhiều hơn can bé 5*l* nước mắm. Hỏi can to đựng được bao nhiêu lít nước mắm ?

3 Bạn Bình có 1000 đồng, bạn mua một con tem để gửi thư hết 800 đồng. Hỏi bạn Bình còn mấy trăm đồng ?

4 **Viết mm, cm, dm, m hoặc km vào chỗ chấm thích hợp :**

a) Chiếc bút bi dài khoảng **15** ...

b) Một ngôi nhà nhiều tầng cao khoảng **15** ...

c) Quãng đường Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ dài khoảng **174** ...

d) Bề dày hộp bút khoảng **15** ...

e) Một gang tay dài khoảng **2** ...



ÔN TẬP VỀ ĐẠI LƯỢNG (tiếp theo)

1 Bảng sau đây cho biết thời gian Hà dành cho một số hoạt động trong ngày :

Hoạt động	Thời gian
Học	4 giờ
Vui chơi	60 phút
Giúp mẹ việc nhà	30 phút
Xem ti vi	45 phút

Trong các hoạt động trên, Hà dành nhiều thời gian nhất cho hoạt động nào ?

2 Bình cân nặng 27kg, Hải nặng hơn Bình 5kg. Hỏi Hải cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam ?

3 Hai xã Định Xá và Hiệp Hòa cách nhau 11km. Nhà bạn Phương cách xã Hiệp Hòa 20km (xem hình vẽ). Hỏi nhà bạn Phương cách xã Định Xá bao nhiêu ki-lô-mét ?



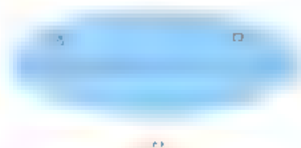
4 Một trạm bơm phải bơm nước trong 6 giờ, bắt đầu bơm lúc 9 giờ. Hỏi đến mấy giờ thì bơm xong ?

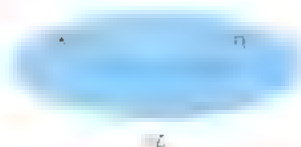


ÔN TẬP VỀ HÌNH HỌC

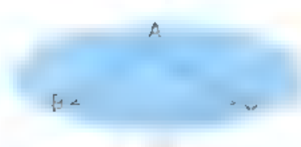


Mỗi hình sau ứng với tên gọi nào ?

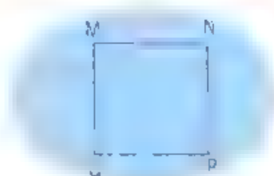


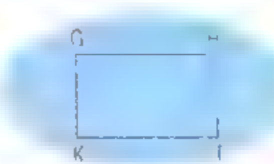


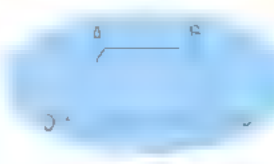




Đoạn thẳng AB
Đường thẳng AB
Đường gấp khúc OPQR
Hình tam giác ABC
Hình tứ giác ABCD
Hình vuông MNPQ
Hình chữ nhật GHIK







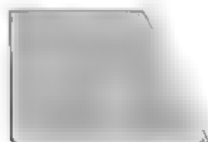


Vẽ hình theo mẫu :



3 Kẻ thêm một đoạn thẳng vào hình sau để được :

a) Hai hình tam giác



b) Một hình tam giác và một hình tứ giác



4 Trong hình vẽ bên có :

a) Mấy hình tam giác ?

b) Mấy hình chữ nhật ?

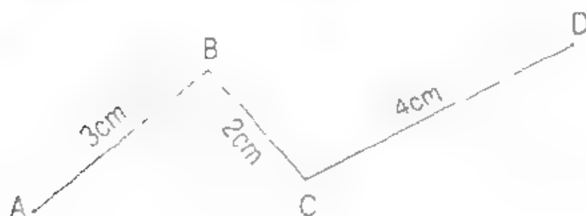


ÔN TẬP VỀ HÌNH HỌC (tiếp theo)

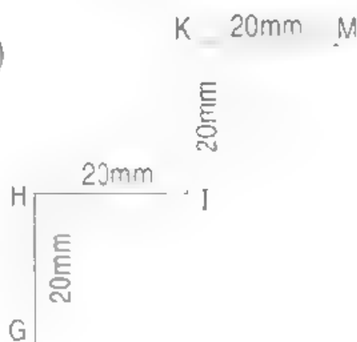


1 Tính độ dài các đường gấp khúc sau :

a)



b)



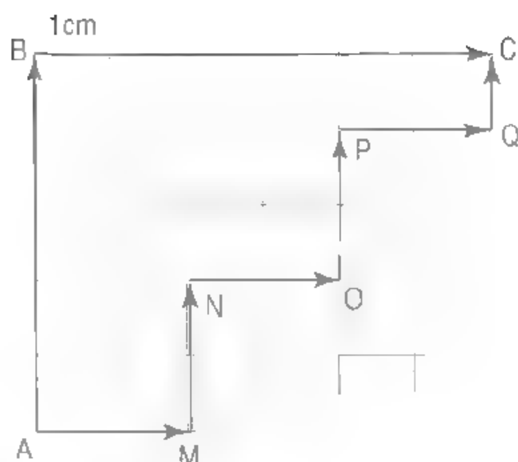
2 Tính chu vi hình tam giác ABC, biết độ dài các cạnh là :

AB = 30cm , BC = 15cm , AC = 35cm.

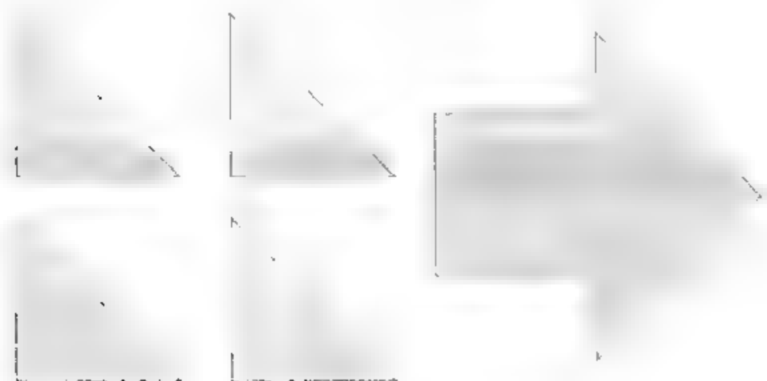
3 Tính chu vi hình tứ giác MNPQ, biết độ dài mỗi cạnh của hình đó đều bằng 5cm.

4 Em thử đoán xem nếu con kiến đi từ A đến C theo đường gấp khúc ABC hoặc theo đường gấp khúc AMNOPQC thì đi đường nào dài hơn.

Kiểm tra lại bằng cách tính độ dài hai đường gấp khúc đó.



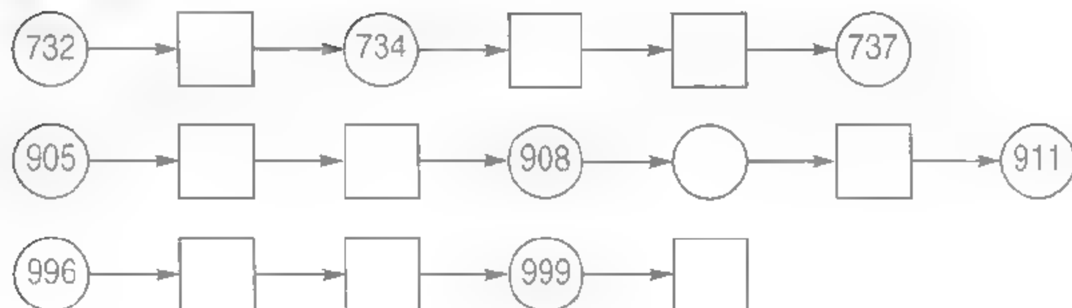
5 **Xếp 4 hình tam giác thành hình mũi tên** (xem hình vẽ) :





LUYỆN TẬP CHUNG

1 Số ?



2 

302 ... 310	200 + 20 + 2 ... 322
888 ... 879	600 + 80 + 4 ... 648
542 ... 500 + 42	400 + 120 + 5 ... 525

3 Số ?









4 Mỗi đồng hồ ứng với cách đọc nào ?

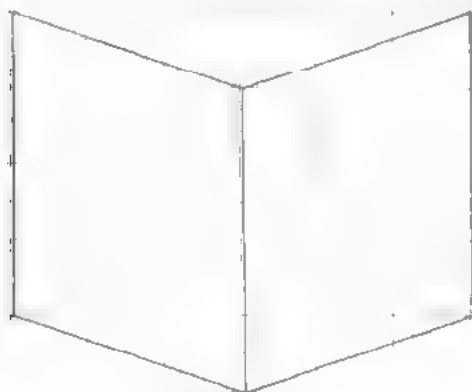
a) 7 giờ 15 phút ; b) 10 giờ 30 phút ; c) 1 giờ rưỡi


A


B


C

5 Vẽ hình theo mẫu :





LUYỆN TẬP CHUNG

1 Tính nhẩm :

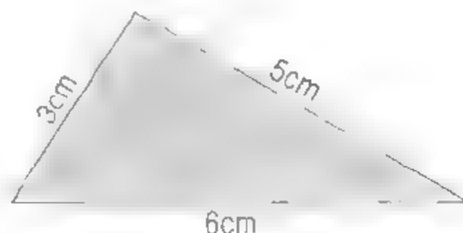
$2 \times 9 =$	$16 : 4 =$	$3 \times 5 =$	$2 \times 4 =$
$3 \times 9 =$	$18 : 3 =$	$5 \times 3 =$	$4 \times 2 =$
$4 \times 9 =$	$14 : 2 =$	$15 : 3 =$	$8 : 2 =$
$5 \times 9 =$	$25 : 5 =$	$15 : 5 =$	$8 : 4 =$

2 Đặt tính rồi tính :

a) 42 + 36 ; 85 – 21 ; 432 + 517

b) 38 + 27 ; 80 – 35 ; 862 – 310.

3 Tính chu vi hình tam giác bên :



4 Bao ngô cân nặng 35kg, bao gạo nặng hơn bao ngô 9kg. Hỏi bao gạo cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam ?

5 Viết hai số mà mỗi số có ba chữ số giống nhau.



LUYỆN TẬP CHUNG

1 Đồng hồ chỉ mấy giờ ?


A


B


C

2 Viết các số 728, 699, 801, 740 theo thứ tự từ bé đến lớn.

3 **Đặt tính rồi tính :**

a) 85 – 39 ; 75 + 25 ; 312 + 7

b) 64 + 16 ; 100 – 58 ; 509 – 6.

4 **Tính :** 24 + 18 – 28 = 3 × 6 : 2 =

5 × 8 – 11 = 30 : 3 : 5 =

5 Một hình tam giác có độ dài mỗi cạnh đều bằng 5cm. Hỏi chu vi hình tam giác đó bằng bao nhiêu xăng-ti-mét ?



LUYỆN TẬP CHUNG

1 **Tính nhẩm :**

5 × 6 = 36 : 4 = 1 × 5 : 5 =

4 × 7 = 25 : 5 = 0 × 5 : 5 =

3 × 8 = 16 : 4 = 0 : 3 × 2 =

2 × 9 = 9 : 3 = 4 : 4 × 1 =

2 > < = ?

482 ... 480 300 + 20 + 8 ... 338

987 ... 989 400 + 60 + 9 ... 469

1000 ... 600 + 400 700 + 300 ... 999

3 **Đặt tính rồi tính :**

a) 72 – 27 ; 602 + 35 ; 323 + 6

b) 48 + 48 ; 347 – 37 ; 538 – 4.

4 Tấm vải xanh dài 40m, tấm vải hoa ngắn hơn tấm vải xanh 16m. Hỏi tấm vải hoa dài bao nhiêu mét ?

5 Đo độ dài các cạnh của hình tam giác ABC rồi tính chu vi hình tam giác đó.



MỤC LỤC





SÁCH GIÁO KHOA LỚP 2

1. TIẾNG VIỆT 2 (tập một, tập hai)
2. TOÁN 2
3. TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 2
4. TẬP VIẾT 2 (tập một, tập hai)

ISBN 978-604-0-00036-1





Giá : 10.800đ